VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

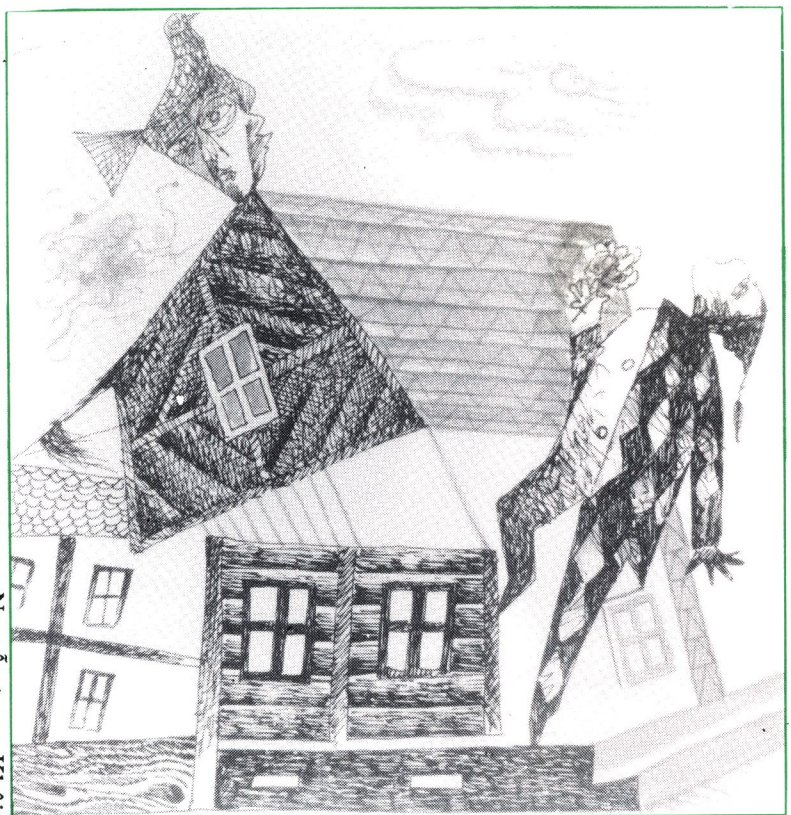

Nguyễn trọng Khôi

SỐ 57 THÁNG 11-1990

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY:

● **Thư tòa soạn:** trang 1 ● **Nguyễn thị Chân Quỳnh:** *khoa cử dưới triều nguyễn* trang 2 ● **Thanh tâm Tuyền:** *bài nhớ thi sĩ* thơ trang 11 ● **Nhược Thủy:** *phiến diện* truyện ngắn trang 12 ● **Hoàng Xuân Sơn:** *lời quê thơ* trang 34 ● **Thường Quán:** *gởi đường xuân và trận gió trưa* thơ trang 36 ● **Khánh Trường:** bí mật của rừng già truyện ngắn trang 38 ● **Lê Giang Trần:** *nhớ người tháng tám* thơ trang 59 ● **Phạm Đình Cường:** *trong trí nhớ cuồng thâm* thơ trang 60 ● **Vũ Hạ:** *tự hỏi* thơ trang 63 ● **Raymond Carver - Mai Kim Ngọc phỏng dịch:** *căn nhà của ông tá* truyện ngắn trang 64 ● **Thập Lang:** *nửa giọt máu bên kia* truyện ngắn trang 73 ● **Chân Phương:** *chuyện phào* thơ trang 86 ● **Phan Tấn Hải:** *trân trọng làm thơ* thơ trang 88● **Sĩ Liêm:** *tình buồn câu vọng cổ* truyện ngắn trang 89 ● **Sinh Hoạt Văn Học** trang 101 ● **Nguyễn Đức Lập:** *phong vũ tiêu tiêu...* chuyện dài trang 104 ● **giới thiệu sách báo, thư văn học**

Ban Chủ Biên:
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Cao Xuân Huy, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn văn Sâm, Trịnh Y Thư, Khánh Trường, Trương Vũ
Chủ Bút: Trịnh Y Thư
Tổng Thư Ký: Cao Xuân Huy
Trị Sự: Khánh Trường

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone: 45.831.912
Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú
14 Lester Rd, Padstow
New South Wale 2211 Australia. Phone: (02)771.1770
Thư từ tiền bạc xin gửi về: Văn Học
P.O. Box 3192 Tustin CA 92680 USA
Phone: **(714) 898.9074**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

thư tòa soạn

✱

Văn Học mở đầu lá thư tòa soạn kỳ này bằng lời cảm tạ chân thành đến quý độc giả và văn hữu xa gần đã tỏ ra đặc biệt quan tâm đến tương lai của tờ báo. Chúng tôi quan niệm có thể xem Văn Học ngày nay như một thứ "gia sản chung" của những người còn tấm lòng tha thiết với văn nghệ ở hải ngoại, và sự sống còn của tờ báo thực sự nằm trong tay những người đó, tức là quý vị. Ban điều hành chỉ là nhóm đứng ra chịu trách nhiệm thực hiện để tờ báo mỗi tháng đều đặn đến tay quý vị mà thôi.

Như quý vị thấy, quảng cáo trên Văn Học rất ít. Đã thế, hầu hết những quảng cáo sách mới của các văn hữu đều miễn phí. Phí tổn hằng tháng dùng trong việc ấn hành tùy thuộc phần lớn vào tiền thu được từ các độc giả dài hạn. Do đó, chúng tôi mong đợi sự tiếp tay của quý vị bằng cách giới thiệu Văn Học đến bạn bè, những người thân quen khắp nơi mua báo dài hạn, cho chính mình hoặc làm quà tặng. Thiết tưởng, đây là phương cách thiết thực và dễ dàng nhất giúp tờ báo ngày thêm vững mạnh để luôn luôn xứng đáng với lòng tin cậy của quý vị.

Văn Học số này - ngoài bài biên khảo về chế độ khoa cử dưới triều Nguyễn của nữ học giả Nguyễn thị Chân Quỳnh - tập hợp sáng tác thơ truyện của Phạm Đình Cường, Phan Tấn Hải, Vũ Hạ, Thập Lang, Sĩ Liêm, Chân Phương, Thường Quán, Hoàng xuân Sơn, Nhược Thủy, Lê Giang Trần, Khánh Trường, Thanh Tâm Tuyền. Phần văn học thế giới là một truyện ngắn của nhà văn Hoa kỳ Raymond Carver do nhà văn Mai Kim Ngọc phỏng dịch.

Giai phẩm Xuân Văn Học năm nay (Tân Mùi 1991) cũng như các năm trước, sẽ là một số báo kép bìa màu, dự trù ra mắt độc giả vào khoảng trung tuần tháng Giêng năm 1991. Bài vở cho Giai phẩm Xuân xin gửi về càng sớm càng tốt.

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

khoa cử dưới triều nguyễn

*

Bài này bàn góp về hai vấn đề:

1. Nguyễn Đình Chiểu ra Huế chuẩn bị thi Hương hay thi Hội khoa Kỷ dậu (1849)?

2. Những đặc ân của triều Nguyễn dành cho nho sĩ miền Nam hay là những "kỳ thị" của nhà Nguyễn đối với sĩ phu miền Bắc.

Nguyễn Đình Chiểu ra Huế thi Hương hay thi Hội?

Văn Học số 49 đăng bài của Trần văn Tích bàn về cuốn *Việt Sử Khảo Luận* của Hoàng Cơ Thụy, bài viết rất hay. Nhân vì tác giả tỏ ý thắc mắc tại sao có sách chép chuyện vô lý là Nguyễn Đình Chiểu chỉ đỗ Tú tài mà lại ra Huế để chuẩn bị thi Hội, có phải đấy là đặc ân của triều Nguyễn dành cho nho sĩ miền Nam, và thêm "*trước và sau Nguyễn Đình Chiểu không thấy có chuyện đó*" (Tú tài được thi Hội), tôi mạn phép bàn góp mấy lời:

Quả Nguyễn Đình Chiểu có ra Huế chuẩn bị đón khoa thi Kỷ dậu (1849) nhưng để thi Hương hay thi Hội thì mỗi sách chép một phách. Lệ thường, những người đỗ Tú tài phải thi Hương lại kỳ cho đến khi có Cử nhân mới được thi Hội, vì thế ta mới có những vị Tú Kép (đỗ hai khoa Tú tài), Tú Mền (đỗ ba khoa Tú tài), Tú Đụp (đỗ bốn khoa Tú tài). Đó là lệ thường. Ngoài ra còn có những luật lệ khác cho phép một số Tú tài được chính thức dự thi Hội, không cần xin đặc ân. Sau đây là những loại người được phép ứng thi Hội:

- Cử nhân mới và cũ (đỗ những khoa trước).

- Tôn sinh (người trong hoàng tộc).

- Ấm sinh (con quan).

- Giám sinh, Cống sinh (những người học xuất sắc, do phủ, huyện tiến cống vào Kinh học Quốc Tử Giám, phải qua một kỳ sát hạch, nếu đỗ, cho làm Giám sinh, được cấp lương, mũ áo, miễn thuế, tạp dịch. Song muốn thi Hội còn phải qua một kỳ hạch nữa, đỗ mới được thi. Những người đỗ cũng được gọi là "ông Cống" (danh từ này vốn dành để gọi những người đỗ Hương cống, tức Cử nhân).

- Huấn đạo, Giáo thụ (có những người chỉ đỗ Tú tài, nhưng nhờ học lực cũng được bổ vào hai chức này).

- Học sinh Thượng hạng, trúng Tú tài (Học sinh là những người có tư chất, ham học, được tuyển lựa ở địa phương, chước cho đi lính, tạp dịch).

- Tú tài được làm việc trong Hàn Lâm Viện.

Trừ Cử nhân và Giám sinh, những người khác đều phải qua một kỳ hạch, đỗ mới được thi Hội.

Đọc *Quốc Triều Đăng Khoa Lục* của Cao Xuân Dục, chúng ta thấy riêng triều Nguyễn có đến hai mươi sáu vị Tú tài đã đỗ Tiến sĩ hay Phó bảng, nổi danh nhất phải kể đến Trần Quý Cáp, xuất thân là Học sinh Thượng hạng, trúng Tú tài, đỗ Tam giáp Tiến sĩ khoa 1904. Trong "*Giai Thoại Làng Nho Toàn Tập*", Lãng Nhân chép "Trần Quý Cáp đỗ ba khoa Tú tài liên tiếp, theo lệ được thi Hội", chưa rõ lệ năm nào, có điều chắc chắn khi họ Trần khi ứng thi không có chân Cử nhân.

Chứng minh được Tú tài có quyền thi Hội vẫn chưa bảo đảm Nguyễn Đình Chiểu ra Huế để chuẩn bị thi Hội. Luật thi Hương xưa tuy bắt thí sinh phải thi tại nguyên quán, song vẫn có những trường hợp ngoại lệ cho phụ thí, tức là những người có cha làm quan xa, đến kỳ thi Hương không về kịp quê quán nên xin đặc ân được thi tại nơi cư ngụ. Tuy là chuyện hiếm, nhưng *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* cũng chép ít nhất tới ba đạo sắc dụ về phụ thí:

1. 1821: từ Phú yên về Nam, cho thí sinh tùy tiện phụ thí, từ Bình định ra Bắc phải theo nguyên quán.

2. 1834: Nam kỳ có biến, học trò Gia định được phép phụ thí ở Thừa thiên (*Đại Nam Thực Lục Chính Biên XXV, 283-4*).

3. 1858: Định lệ từ nay cho sáu tỉnh Nam kỳ được thi phụ trường Thừa thiên. Lý đo: Nguyễn Chính từ Hưng hóa không về kịp sinh quán Gia định, được phụ thí ở Thừa thiên, đã đỗ đầu, nhân đó thành lệ (*Đại Nam Thực Lục Chính Biên XXVIII, 427*).

Nguyễn Đình Chiểu ra Huế từ năm 1846, tức là trước khi phụ thí ở miền Nam thành lệ (1858) song rất có thể Nguyễn Đình Chiểu đã xin đặc cách được phụ thí ở Thừa thiên vì người cha, Nguyễn Đình Huy, đã từ Gia định lánh về Thừa thiên năm 1833 khi Lê văn Khôi nổi loạn ở Nam kỳ.

Mặc dầu Nguyễn Đình Chiểu có đủ điều kiện để xin phụ thí, tôi vẫn tin tác giả Lục Vân Tiên ra Huế thi Hội chứ không phải thi Hương, vì lẽ những người xin phụ thí vốn là những người *đã có mặt sẵn ở Thừa thiên*, không về kịp quê quán mới có lý để xin phụ thí, đằng này Nguyễn Đình Chiểu đang ở sinh quán Gia định, lại lục đục bò ra Huế để đón một khoa thi mà trên nguyên tắc mình không được phép dự, trừ phi làm đơn xin phụ thí, thiết tưởng người đầu óc bình thường không ai hành động rắc rối như thế.

Những đặc ân của triều Nguyễn dành cho nho sĩ miền Nam hay là Những "kỳ thị" của nhà Nguyễn đối với sĩ phu miền Bắc.

Một điều hiếm khi thấy các sử gia nêu lên là sự "kỳ thị" của triều Nguyễn đối với đám sĩ tử ngoài Bắc: từ cách lựa chọn Học sinh, đến cách tổ chức các khoa thi, chấm thi, bổ quan chức v.v... rất nhiều đạo dụ cho thấy sự bất công của nhà Nguyễn. Sau đây là một số những sắc chỉ chép trong *Đại Nam Thực Lục Chính Biên:*

1. *Tuyển chọn Học sinh*: 1855, Định ngạch Học sinh cho các tỉnh biên giới Cao bằng, Lạng sơn v.v... Khảo hạch và cấp lương cho ăn học *như* các Học sinh từ Quảng bình vào Nam (tức là miền Nam được hưởng đặc ân trước).

2. *Phụ thí*: 1821, Định lệ cho thi Hương từ nay từ Phú yên vào Nam được tùy tiện phụ thí; từ Bình định ra Bắc phải theo nguyên quán.

- 1858, Định lệ cho sáu tỉnh miền Nam kỳ được thi phụ ở trường Thừa thiên.

3. *Tổ chức các khoa thi*: 1834, thi Hội. Lệ trước các Cử nhân, Giám sinh ở Kinh, ở các Trực (Quảng bình, Quảng ngãi, Quảng trị, Quảng nam) và ở Tả kỳ (Bình định, Phú yên, Bình thuận, Khánh hòa) trở về Nam, Hữu kỳ (Hà tĩnh, Nghệ an, Thanh hoa) trở ra Bắc đều hội lại để cùng thi... Nhưng số người đỗ chưa được quân bình. Những kẻ sĩ từ Kinh, Trực trở vào Nam thi chung với các kẻ sĩ từ Hữu kỳ ra Bắc nên khi điểm duyệt không khỏi có sự sút kém về phân số (điểm). Từ nay ba kỳ thi Hội, mỗi kỳ chia làm hai lượt, mỗi lượt để riêng ngày: Cử nhân, Giám sinh ở Thừa thiên cùng các Trực và Tả kỳ trở vào Nam cùng thi một lượt. Đầu bài thi sẽ ra riêng và khi chấm sẽ tùy theo bài văn mà điểm duyệt.

Vua dụ: Nếu mỗi kỳ thi chia làm hai lượt cũng chưa được tiện, vậy chuẩn cho trường thi chia làm hai vi:

Vi Giáp: sĩ tử ở Kinh, Trực và Tả kỳ trở vào Nam.

Vi Ất: sĩ tử từ Hữu kỳ trở ra Bắc.

Thi cùng một ngày. Thu quyển xong, Đề điệu (quan trường phụ trách việc giám sát) chua luôn hai chữ "Vi Giáp" hay "Vi Ất" vào phía dưới mấy chữ "kỳ thi thứ mấy"... Vi nào nên lấy bao nhiêu Trúng cách (đỗ thi Hội), bao nhiêu Phó bảng, sẽ hạ chỉ đặc cách quyết định cho được thăng bằng, thích đáng (?) (*Đại Nam Thực Lục Chính Biên XVI, 50-5*).

1907, Lệ cũ Cống sĩ từ Quảng bình trở về Nam vào Vi Giáp, từ Hà tĩnh trở ra Bắc vào Vi Ất, Cao Xuân Dục xin cho thi lẫn lộn.

4. *Chấm thi*: 1825, Học trò Thừa thiên, Quảng nam không một ai đỗ. Vua sai Lục bộ duyệt lại quyển văn lấy thêm Cao Hữu Dực ở Thừa thiên và Trương Tăng Diễn ở Quảng nam làm Hương cống (Cử nhân) (*Đại Nam Thực Lục Chính Biên VII, 180*).

1826, Thi Hội, ứng thi trên hai trăm người, quan trường lấy đỗ

chín. Vua bảo Thị thần Lương Tiến Tường và Nguyễn Kim Xán: "Nay thiên hạ một nhà Nam, Bắc đều là tôi con của trẫm. Nam hiền thì dùng Nam, Bắc hiền thì dùng Bắc; không phải có thiên tư. Vả lại học trò Nam, Bắc đều là người ở trong giáo dục, học lực tưởng không hơn kém nhau, thế mà nay chín người đỗ đều là người Bắc là sao thế? Nên lựa lấy một, hai người từ Thừa thiên vào Nam để cổ lệ sĩ phong mới phải". Thế là quan trường lấy thêm Phan Thanh Giản cho đủ số mười người (*Đại Nam Thực Lục Chính Biên VIII, 28-9*).

1874, Sắc rằng: "Đặt khoa thi chọn lấy học trò để giúp nhà nước, hạng Tú tài để đấy không dùng là vô ích, trừ người nào bổ quan thì không kể. Từ nay thi Hương đình bãi lấy Tú tài, bắt đầu từ hai trường Hànội, Nam định". Bộ Lễ can: "Xưa nay quan viên phạm tội nặng mới tước bỏ tên trong sổ xuất thân là Tiến sĩ, Cử nhân hay Tú tài. Nay cả nước nguyên lấy đỗ bốn, năm ngàn Tú tài, nhất khái bỏ hết tên ở sổ, sinh dị nghị. Xin gia ơn cho đình miễn. Vả thi Hương năm nay ở các trường Hànội, Nam định là làm bù cho khoa Quý dậu. Khoa thi Hương các trường Thừa thiên, Nghệ an, Bình định, Thanh hoa năm ngoái đều lấy Tú tài, nay nếu bãi bỏ sẽ không công bằng". (*Đại Nam Thực Lục Chính Biên XXXIII, 108- 9*).

1874, Gần đến kỳ thi hai trường Hànội, Nam định vua lại dụ: "Mỗi trường không được lấy quá năm mươi Tú tài". Chủ khảo trường Nam định Lê Đức Quang tâu xin: "Thi Hương năm nay ở hai trường là bù khoa Quý dậu. Năm ngoái bốn trường Thừa thiên, Nghệ an, Bình định, Thanh hoa vẫn lấy số Tú tài như cũ, nay hai trường Hànội, Nam định xin chuẩn cho lấy trên dưới một trăm người". Vua y (*Đại Nam Thực Lục Chính Biên XXXIII, 125*).

Khoa 1840 khi thấy văn bài miền Nam sút kém, vua bảo: "Văn phong ở Nam kỳ mới mở, quyển văn thi đỗ so với các trường khác không khỏi có chỗ hơi kém... Đời xưa có người ít văn học mà công nghiệp rõ rệt, cứ gì phải khoa mục đâu?" (*Đại Nam Thực Lục Chính Biên XXII 170-2*).

Nhưng khi văn bài sĩ tử miền Bắc sút kém (khoa 1828) vua bảo Hà

Quyền, Phó Chủ khảo Bắc thành: "Bắc thành vốn xưng là nơi văn vật mà kỳ thi này chỉ được những người hạng bình, hóa ra chỉ là hư danh à?" Quyền tâu: "Bắc thành gần đây chức Giáo, Huấn không được tốt cho nên học trò không lấy ai mà theo được" (*Đại Nam Thực Lục Chính Biên IX, 103*).

5. *Bổ quan chức*: 1838, Khảo hạch các Tú tài các khoa từ bốn mươi tuổi trở lên ở Quốc Sử Quán. Đỗ hạng bình chín người, cho làm Huấn đạo. Hạng thứ hay liệt bảy mươi người: những ai ở Hà tĩnh trở ra Bắc cho về học tập, mỗi người cho hai lạng bạc; ai quê ở Quảng bình trở vào Nam cho làm Hành tẩu Lục bộ (chức quan chuyển đạt những mệnh lệnh của vua hay của thượng quan) hằng tháng cấp một quan tiền, một phương gạo (bằng ba mươi bát gạo).

- 1857, định: người nào thi Hội không có phân số (điểm) người từ Quảng bình vào Nam ba mươi tuổi trở lên, từ Hà tĩnh trở ra Bắc ba mươi lăm tuổi trở lên, đã thi Hội hai khoa mà tình nguyện làm việc thì cho ra làm việc.

- 1875, trước kia phàm đỗ Tú tài hai khoa, tình nguyện ra làm việc từ Quảng bình vào Nam bốn mươi tuổi trở lên, từ Hà tĩnh ra Bắc bốn mươi lăm tuổi trở lên, đều chiếu lệ xét bổ. Nay niên hạn không cứ Nam, Bắc đều bốn mươi tuổi trở lên, muốn ra làm việc thì xét bổ.

- Lệ cũ Cử nhân Nam, ba mươi tuổi, Bắc, ba mươi lăm tuổi, đã thi Hội hai khoa mới được xét bổ. Nay Nam, Bắc cùng cho lấy ba mươi tuổi làm hạn (*Đại Nam Thực Lục Chính Biên XXXIII, 183-4*).

Vì không được đọc trọn bộ *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* nên tôi chỉ chép được có chừng ấy sắc dụ, nhưng bấy nhiêu cũng đủ cho thấy óc thiên lệch của triều Nguyễn. Có lẽ vì buổi đầu nhà Nguyễn được nhân dân miền Nam nâng đỡ, nên dành nhiều cảm tình cho người miền Nam. Ngược lại, dù đất nước đã thống nhất, song người dân Bắc lòng còn tưởng nhớ nhà Lê, có ý không phục nhà Nguyễn, bởi thế vua Gia Long bỏ Thăng long, dời đô vào Huế (nhưng không quên dời luôn cả Quốc Tử Giám đem vào!) và nhà Nguyễn tỏ ra "kỳ thị" dân Bắc, đấy chẳng qua cũng chỉ là một phản ứng tự vệ.

Bàn thêm về những cấm lệ "kỳ quặc" của Khoa cử

Trên đây là những sự bất công của riêng triều Nguyễn đối với sĩ phu ngoài Bắc. Còn nói chung về khoa cử, các nhà nghiên cứu lớp trước (tôi không muốn trỏ vào những người làm cách mệnh chán ghét khoa cử như Phan Bội Châu) ai cũng ca ngợi khoa cử công bằng, không phân giai cấp, con nhà nghèo cũng có quyền đi thi... Kể ra so với chế độ "con vua thì lại làm vua" quả khoa cử công bằng thật. Song tất cả chỉ là vấn đề tương đối. Chúng ta chẳng ai không nhớ trường hợp Đào Duy Từ đã đỗ thi Hội, chỉ vì người cha cầm đầu đội Nữ nhạc trong cung vua Lê Anh tông, nên bị xóa tên trong sổ những người Trúng cách. Đào Duy Từ ấm ức mới bỏ vào Nam phò tá chúa Nguyễn. Tại sao lại có lệ lạ lùng ấy? Bởi người xưa liệt các ca sĩ vào loại "xướng ca vô loài" lười biếng, chỉ rong chơi ca hát, đáng khinh, không được xếp vào loại công dân có nghề nghiệp hữu ích cho nhân quần.

Ai nghe chuyện cũng bất bình thay cho Đào Duy Từ, nhưng chẳng thấy ai phàn nàn hộ (trừ Trần văn Tích) cho một nửa số công dân Việt nam cũng bị cấm thi mặc dầu cha ông không thuộc loại "xướng ca vô loài": đấy là phụ nữ. Phải chăng phụ nữ không phải là công dân nước Việt? không những bị cấm thi, thậm chí dự một buổi bình văn ở nhà Giám (Quốc Tử Giám) cũng bị đuổi ra (*Vũ Trung Tùy Bút*). Chế độ Phong kiến quyết tâm gạt hẳn phụ nữ ra ngoài, Đoàn thị Điểm, Hồ Xuân Hương đều bó tay, ấy thế mà vẫn có người lọt lưới, cải nam trang đi học và đỗ Trạng nguyên! Vào cuối thời nhà Mạc, và thời nhà Lê trung hưng, bà Trạng Nguyễn thị Du đã đóng góp cho nền văn học Việt nam nói chung và cho Chí linh nói riêng nên được dân làng Kiệt đặc (Chí linh) thờ làm thần (Xem bài "Nguyễn thị Du, vị nữ Trạng nguyên độc nhất của ta sinh năm nào?" Văn Học 53-54)

Ngoài phụ nữ và con nhà "xướng ca vô loài" không được đi thi, thời xưa còn nhiều cấm lệ mà ngày nay chúng ta thấy lạ lùng khó hiểu, chẳng hạn cấm những người có đại tang không được đi thi. Tại sao? Vì người xưa trọng đức, có tang phải ở nhà cư tang, đi thi để mong vinh hiển cho thân mình mà quên cha mẹ là phạm tội bất hiếu. Người đã mang tiếng bất hiếu, không thương đến cả cha mẹ mình, thì mong gì khi làm quan

nghĩ đến dân đen? Đấy là mặt lý thuyết. Song trên thực tế, ba năm mới có một khoa thi, nếu gặp hai cái đại tang liên tiếp cộng với một khoa bị tật bệnh không đi thi được vị chi mất chín năm đèn sách công toi. Chính một phần vì cái lệ khắc nghiệt đó mới có những cụ già sáu mươi tuổi còn lẽo đẽo lều chõng. Trong *Hồi Ký*, Paul Doumer tỏ ra rất ngạc nhiên thấy một Thí sinh trên tám mươi tuổi mới đỗ Tú tài.

Dễ hiểu hơn là những lệ cấm người nào có cha ông từ ba đời làm trộm cướp, phản tặc. Chọn người ra làm "phụ mẫu" dân tất phải kén người có hạnh kiểm tốt. Song thế nào là "phản tặc"? Với nhà Nguyễn thì làm quan với Tây sơn, hay cả với nhà Lê cũng đều là "phản tặc" cả: Lê Đức Quang, Phạm Huy chỉ vì khai lầm cha ông làm quan với nhà Lê đã bị xóa tên trong sổ Cử nhân khoa 1831 (*Đại Nam Thực Lục Chính Biên X 293-5*).

Lại còn một hạng người tuy không chính thức bị cấm thi mà cũng chẳng khác bị cấm: đấy là dân làng Thiên thuộc (sau gọi là làng Tức mặc) quê hương của các vua nhà Trần, bị cấm không được học tập văn nghệ, cốt để giữ tinh thần thượng võ, treo gương cho thanh niên toàn quốc. Năm 1281 vua Trần Nhân tông lập trường học ngay phủ lỵ phủ Thiên trường (sau là Xuân trường) tức là phủ hạt nhà vua, thế mà dân làng Thiên thuộc vẫn không được phép học văn. Đã không học thì thi làm sao được? Nên tuy không bị cấm mà cũng chẳng khác bị cấm là thế. Song chính nhờ trọng ngành võ bị mà nhà Trần bao lần thắng trận vẻ vang, sự kiện này ngoài sử liệu còn nằm trong ngạn ngữ "Đánh giặc đời Trần, làm quan họ Đặng". (1)

Thành ra có nhiều cấm lệ mà ngày nay mới thoạt nghe ta thấy "kỳ quặc" song đặt vào khung cảnh thời xưa, lấy đức làm trọng, đặt đức trên tài, thì những lệ ấy không phải hoàn toàn vô căn cứ. Mặc dầu cha ông ta hết sức đề cao đức hạnh trong cách giáo dục và kén chọn người ra làm "phụ mẫu" dân, trên thực tế số tham quan vẫn nhiều hơn số những ông quan liêm chính, nhưng dù ít vẫn còn hơn không.

(1) Vân hạc, "Thanh niên đời Trần", *Trung Bắc Chủ Nhật*, số 61, tr.13.

Đính chính:

Trong Văn Học số 53-54, bài "Nguyễn thị Du, vị nữ Trạng nguyên

độc nhất của ta sinh năm nào?" của Nguyễn thị Chân Quỳnh có những sai sót trong phần sắp chữ, xin quý độc giả sửa lại:

- "đang khi ta **viếng** cảnh nhớ người, không phải "đang khi ta viết cảnh nhớ người".

- "các sách khác đều ghi bà lên Cao bằng năm mười tuổi. **Nếu bà lên Cao bằng năm mười tuổi** thì bà sinh năm 1600 - 10 = 1590". Bản đánh máy bỏ quên nửa câu, biến thành: "1600 - 10 = 1590".

- "Đồ Nam Nguyễn Trọng Thuật" không phải "Đồ Nam Tử Nguyễn Trọng Luật"

- "Nguyễn Thọ Xuân" không phải "Nguyễn Xuân Thọ".

- "1592 Mạc Mậu Hợp bị chém ở Thăng long" không phải 1529.

- "1593 Mạc Kính Chỉ bị chém ở bến Thảo tân" không phải "1953 Mạc Kính Chỉ bị chém ở **ban** Thảo tân".

- "1598 Mạc Kính Dụng bị thắt cổ ở chợ cửa Đông", không phải 1658.

Ngoài ra "1621/23" có nghĩa là chưa rõ 1621 hay 1623 Mạc Kính Khoan xưng đế hiệu, vì Lê Quý Đôn đưa ra hai thời điểm khác nhau. "1621 - 23" có nghĩa là từ 1621 đến 1623", nghĩa khác hẳn nhau.

- "năm 10/20 tuổi bà lên Cao bằng" nghĩa là có người ghi bà lên Cao bằng năm mười tuổi, có người chép bà lên Cao bằng năm hai mươi tuổi. "Năm mười, hai mươi tuổi bà lên Cao bằng không có nghĩa gì cả".

Văn Học thành thật xin lỗi quý độc giả và tác giả Nguyễn thị Chân Quỳnh.

Tìm đọc:

ÁNH SÁNG VÀ BÓNG TỐI

Hồi ký của Hoàng Liên

Văn Nghệ xuất bản
giá 23 Mỹ kim

THANH TÂM TUYỀN

bài nhớ thi sĩ

Nhớ già Ung. Gửi MT*

Sáng nay thức giấc trong nhà giam
Anh nhớ những câu thơ viết thời trẻ
Bừng cháy trong lòng anh bấy lâu u ám quạnh quẽ
Ánh lửa mênh mang buổi tình đầu
Mưa bụi rì rào
Gió náo nức mù tối
Trễ muộn mùa xuân trên miền cao
Đang lay thức rừng núi biên giới
Đã qua đã qua chuỗi ngày lạnh lẽo anh tự nhủ
Cũng qua cơn khô hạn khác thường
Tắt theo ngọn nắng chon von mê hoặc đầu óc quái gở
Từng thiêu đốt anh trên đồi theo vào đêm
hành hạ anh đớn đau
Từ bao giờ anh đứng trân trối cô đơn
Hôn ám trời sơ khai nhìn qua song tù ngục
Hoang vu lời thơ ai reo hát cùng cỏ lá heo hút
Dẫn đưa anh về tận nẻo nguồn chốn bình minh lẩn lút
(Bình minh bình minh
anh kêu khẽ cảm động muốn khóc
Mai Mai xa Mai như hoa Mai về tình thơ hôm nay)
Em, em có hay kẻ tội đồ biệt xứ
sớm nay về ngang cố quận
Xao xuyến ngây ngô hấn dọ hỏi bóng tối sâu thẳm
Đêm vây hãm lụn dần
Thủ thỉ mưa ru ngày khốn đốn
Em, soi bóng em hồn nhiên trên lối thời gian
Lặng lẽ anh gầy nhóm lửa tinh mơ đầm ấm.

Lào Kay 4/78
Vĩnh Phú 1/79

*Già Ung: Giuseppe Ungaretti (1898 - 1970). Thi sĩ Ý

NHƯỢC THỦY

phiến diện

*

Miền núi, làng phố tuyệt vời. Tôi với đôi giày tuyết cồng kềnh, bước đi từng bước chậm trên con đường dẫn lên phố chính. Nền đất trơn tuột dưới chân, tôi leo lên thận trọng trên lề đường tuyết phủ dày kín. Trời nắng chói chang, gió thổi qua rất nhẹ nhưng lạnh cắt. Khăn choàng phủ kín gần nửa khuôn mặt, tôi lắng nghe da thịt mình buốt xót trong khi lạnh. Ở trước mặt không có người, và sau lưng cũng là con đường vắng. Làng phố nơi đây thưa thớt khách du lịch, và người dân trầm mặc với một cuộc sống bình dị vô cùng. Tôi đã bắt đầu quen với nơi chốn này, đã bắt đầu thuộc hết những con đường lớn, đường nhỏ. Những triền tuyết trắng và những căn nhà mái lợp đặc biệt. Bầu không khí như mở rộng ra, núi cao mây đầy, rất gần mà cũng là rất xa vì màu tuyết trắng xóa và màu sương phủ mịt mờ. Tôi đút sâu hai tay vào túi. Đã bước đến khu phố quen, mấy cửa hiệu nho nhỏ, mấy dãy nhà dựng san sát. Tôi rẽ qua con đường phía tay phải, và đẩy cửa bước vào quán nước duy nhất ở nơi đây.

Hơi nước phủ mịt mấy tấm cửa bằng kính trong. Tôi bước vào và chọn một chỗ ngồi ở phía trái. Luôn luôn ở phía trái, tôi không hiểu tại sao. Bà chủ tiệm đứng sau quầy lau mấy ly nước, mỉm cười gật đầu chào, nhưng không bước ra tiếp khách ngay. Nhịp sống ở đây thong thả, chậm rãi. Tôi không vội, đốt vu vơ một điếu thuốc.

Một người con gái – cũng có thể là một đứa con nít còn rất trẻ,

nhưng tôi nghĩ có lẽ gọi là một cô gái thì đúng hơn – ngồi ở tận góc phòng, đưa mắt nhìn tôi chăm chú. Khi tôi ngẩng lên và bắt gặp đôi mắt của cô gái đó, đột nhiên lạnh người. Cho một nỗi gì không hiểu rõ. Tôi đổi tầm nhìn về hướng khác. Nhìn ra bên ngoài cánh cửa. Con đường buổi sáng thưa thớt, phố xá đìu hiu không còn nếp nhộn nhịp xô bồ của những thành phố lớn. Tôi nghĩ mình có thể mãi mãi từ bỏ những thành phố lớn để về sống với nơi chốn này; cuộc sống đô thị luôn tạo những nếp nhăn và những nỗi lo âu muộn phiền hoàn toàn vô lý. Quay theo những vòng quay để rồi không còn biết được mình là ai, ở đâu, thật vô cùng ngu xuẩn. Vậy mà rồi tôi vẫn phải tiếp tục ngu xuẩn, vẫn tiếp tục nhọc nhằn với cuộc sống tự tôi không chọn lựa. Tôi gạt tàn thuốc xuống dĩa thủy tinh nhỏ đặt trên mặt bàn. Một năm, tôi có được vài ngày hít thở cuộc sống, nhẩn nha nhâm nhi thời gian, trở về sống với chính mình. Là hạnh phúc hay là chuyện bình thường, tự tôi không bao giờ đặt thành câu hỏi.

Người đàn bà chủ quán bước đến bàn tôi. Với nụ cười hơi ngây ngô nhưng cởi mở chân thật, bà ta mở lời chào khách. Tôi khơi mẩu đối thoại bằng câu chuyện thời tiết, người đàn bà trước mặt hăng hái tiếp theo bằng hàng loạt chuyện kể lể không đâu. Khi người đàn bà quay lưng bước trở về quầy, thì tôi vừa bắt gặp trở lại đôi mắt của người con gái cuối phòng. Tôi ngạc nhiên, lần này để ý kỹ hơn. Không vui, không buồn, không già, không trẻ. Một tay nàng cất dưới mặt bàn, có thể là đang đặt trên chân, một tay lơ đễnh cầm ly nước ngọt. Tôi ngạc nhiên nhìn ly nước. Những bọt ga li ti còn nổi lên, bám quanh mấy viên nước đá. Tôi chợt rùng mình ớn lạnh. Xoa hai tay vào nhau, tôi ngoẹo cổ nhìn người con gái, mỉm một nụ cười. Người con gái cũng ngoẹo cổ nhìn tôi. Ngộ nghĩnh.

Bà chủ quán bưng ra tách cà phê đen. Hơi nóng bốc lên nghi ngút xua đi thoáng ớn lạnh bởi ly nước đá bạc hà. Tôi đưa muỗng khuấy nhẹ cho hơi nóng thoát lên nhiều hơn. Say sưa với làn khói mỏng, trong giây phút, tôi quên bẵng đi sự hiện diện của người con gái ở góc phòng. Khi hạ muỗng xuống và nâng tách cà phê ngước lên, tôi giật nảy mình. Cà phê sóng sánh đổ ra tay. Người con gái không còn ngồi

ở góc phòng mà đang ngoẹo cổ nhìn tôi ngay trên chiếc ghế trước mặt. Tôi vừa rút một chiếc khăn giấy lau vết cà phê đổ, vừa nhìn người con gái, ngạc nhiên:

– Chào cô.

Người con gái rụt rè cười. Ly *diabolo* bạc hà vẫn cầm theo tay.

– Mùa đông uống cái này cô không thấy lạnh sao?

Người con gái rụt rè lắc đầu. Vẻ rụt rè của người con gái tạo thành chút gì quá mâu thuẫn khiến tôi hơi bối rối. Tôi nâng tách cà phê lên môi. Rồi đặt xuống im lặng.

Người con gái cũng nâng ly bạc hà lên môi. Màu môi của người con gái không đỏ, không tái. Làn da nửa như xanh, nửa như hồng. Tôi chăm chú nhìn và tưởng chừng trong giây phút, bị cuốn hút trong đôi mắt nhìn của người con gái. Tôi kéo ánh mắt mình lại và quay về phía bà chủ quán, như cố bám víu hay chờ đợi một điều gì đó, nhưng bà ta vẫn thản nhiên đứng lau ly tách. Bắt gặp đôi mắt tôi, bà cười ngây ngô. Tôi thất vọng cúi đầu châm điếu thuốc:

– Cô không phải người ở đây.

Người con gái lắc đầu.

– Cô là khách du lịch, nghỉ lễ mùa đông ở đây, phải không?

Người con gái lại lắc đầu. Tôi nhún vai, quyết định sẽ không hỏi gì thêm mà chỉ hút cho trọn điếu thuốc vừa châm.

– *Diabolo.*

Người con gái đột ngột lên tiếng. Tôi nhíu mày:

– Cô nói chi?

Người con gái đưa tay trỏ ly nước của mình và nói bằng giọng nói gần như là reo vui:

– *Diabolo.*

Tôi chợt thấy buồn cười:

– Ừ, *diabolo. Sirop* bạc hà pha với *limonade*. Ngon lắm nhưng mùa này uống vào tôi sợ hơi lạnh, cô không nghĩ vậy sao?

Người con gái cầm ly nước, lắc đầu. Cô ta xoay nhẹ ly nước trong

tay như chơi giỡn với những chấm bọt li ti. Khuôn mặt trong sáng dị thường.

– *Diabolo. Diable.*

– Cô nói chi?

– Chữ *Diabolo* là từ chữ *Diable* ra mà.

– Không phải đâu. *Diabolo* dường như là một tên lấy từ màu sắc hóa học, tôi không rõ lắm, nhưng chắc không phải từ chữ *Diable* ra đâu, cô lầm rồi đó.

Người con gái nguầy nguậy lắc đầu:

– *Diable*, quỉ. *Diabolo*, con quỉ nhỏ. Nước này là nước uống quỉ con.

Tôi bắt đầu thấy người con gái có duyên. Cách nói chuyện hơi lẩn thẩn, nhưng vô cùng dễ thương. Tôi ngả người tựa ra sau thành ghế, vui vẻ nhả khói thuốc:

– Cô ở gần đây không?

Người con gái ngước lên nhìn tôi, rồi lại cúi xuống, mỉm cười:

– Lúc trước thì gần lắm. Nhưng bây giờ thì hết rồi.

Tôi không muốn đi sâu vào chi tiết. Nhưng người con gái lại vẫn nói thêm:

– Bây giờ thì không ở đâu nữa hết.

Tôi nhíu mắt nghiêng đầu nhìn người con gái, tỏ vẻ không tin. Và cô bé cũng nhíu mắt ngoẹo đầu nhìn tôi. Biến mất nụ cười.

Tôi nghĩ tôi có thể gọi cô ta là cô bé. Dưới chiếc mũ bằng len là mái tóc nâu đen cắt tỉa. Tua tủa trông ngổ ngáo, nhưng cũng thật là hiền lành. Tôi có trăm ngàn cơ hội để nhìn ngắm cô bé kỹ hơn, nhưng khi vừa đưa mắt nhìn về hướng khác, tức thì khuôn mặt ghi trong ký ức tan loãng ra và biến đi như một cụm khói. Vì thế tôi có thể nhìn ngắm trở lại nhiều lần, rất nhiều lần, mà không thấy dư thừa. Tôi dẫn cô bé về khách sạn nơi tôi ở. Lý ra tôi phải vô cùng xấu hổ với sự việc xảy ra đó, nhưng tôi chẳng xấu hổ, mà thậm chí cũng không hề thấy

thoáng hiện chút băn khoăn thắc mắc nào. Từ quán nước trở ra, tôi đi về khách sạn. Người con gái lẽo đẽo bước theo và tôi thấy đó như một chuyện đương nhiên. Cô bé không nói nhiều. Tôi cũng không thấy lời nói là cần thiết. Mở cánh cửa phòng, tôi chỉ cho cô bé xem tầm nhìn qua cửa sổ. Nhưng cô bé đứng yên, cười và lắc đầu. Từ mấy tiếng đồng hồ nay, tôi không bao giờ hiểu hết rõ ràng mấy cái gật đầu lắc đầu lung tung của cô bé, cùng những cử chỉ đôi khi khó hiểu. Hoặc là hoàn toàn không mang một ý nghĩa nào cả, làm sao mà biết được. Cô bé bước vào phòng và ngồi bên mé chiếc giường đơn. Ngay lúc đó, tôi mới ngạc nhiên và thấy ra là cô bé theo tôi với hai bàn tay không. Hai bàn tay không, và chiếc áo lạnh trên người vô cùng mỏng manh, như một chiếc áo khoác mùa thu ở thành phố. Tôi thầm phục cho sức khỏe của những người con gái miền núi. Chợt nhớ ra điều gì, tôi lật đật mở tủ, khuấy một ly nước lạnh, trao cho người con gái. Đúng như tôi chờ đợi, nàng đón lấy ly nước cầm lắc nhẹ trong tay. Trên môi nở đẹp một nụ cười.

Vừa lúc đó, tôi nghĩ đến chuyện xuống nhà dưới để hỏi đổi lấy một căn phòng lớn hơn, nhưng ý nghĩ chỉ thoáng qua chứ không ở lại, tôi quên đi nhanh chóng và dễ dàng. Đôi mắt cô bé lại nhìn tôi. Tôi không biết có chút ngây thơ nào trong ánh mắt đó không. Tôi cởi cho nàng chiếc áo khoác, và nàng ngoan ngoãn ngồi đợi tôi trên mép giường. Cảm giác nàng có thể bốc thành khói khiến tôi chợt ngại ngùng. Nàng ngửa cổ uống cạn ly nước đá lạnh, và tôi thấy má nàng hơi ửng hồng như vừa uống cạn một ly rượu. Tôi bật cười với những phản ứng hoàn toàn ngược đời của người con gái. Tiếng cười của tôi làm cô bé giật mình. Nàng ngơ ngác trong giây lát, rồi rụt rè cười theo. Quỳ xuống bên cạnh giường, tôi thận trọng cởi mấy khuy nút của chiếc áo vải lụa mỏng trên người nàng. Tấm thân người con gái mở ra mong manh làm tôi chợt hoảng hốt. Ý nghĩ da thịt không phải là thịt da mà trong suốt như thủy tinh, mịn màng như màu ngọc trai, sáng mờ, trắng bạc, ở lại trong tâm tưởng tôi. Cảm tưởng tôi có thể làm cô bé đau, hay làm nàng vỡ tan thành nhiều mảnh chợt hiện ra, tôi ngơ ngác ngại ngùng. Tôi đón chiếc ly trên tay người con gái, rồi im lặng đứng lên, đi về hướng

phòng tắm thận trọng tráng rửa. Tâm thần ngưng đọng trên những vùng tư tưởng kỳ lạ. Người con gái dõi mắt theo từng cử chỉ của tôi. Đôi mắt mở lớn với một nỗi dị kỳ làm tôi càng thêm mông lung. Tôi mở tủ tìm một tấm khăn màu đỏ, rồi quyết định tự cắt lìa mình với mọi ý tưởng. Tôi trở lại cúi đầu, nhắm mắt. Hòa tan biến mất vào một vùng thịt xương mát lạnh.

Người con gái mân mê tấm khăn trong tay. Hơi nhàu nhưng vẫn sạch nguyên. Tôi nhìn chăm chú màu đỏ rượu chát của tấm khăn, chợt ớn lạnh với nỗi buồn lùa về bất ngờ. Hai bàn tay người con gái trắng muốt nổi bật, mấy ngón thật thon như tranh vẽ đang tinh nghịch đùa giỡn với những ren chỉ ở viền khăn. Tôi chồm người lượm hộp diêm quẹt rơi dưới mặt đất, mở ra bẻ một chiếc, quẹt vu vơ lên thành giường. Đầu diêm lóe sáng. Mùi diêm sinh thơm nồng, khuấy động những mạch trầm của hương vị cuộc yêu thương vừa đang lắng xuống. Tôi thở một hơi dài, thật sâu:

– Cô nhỏ ơi, cô nhỏ tên gì vậy?

Tôi ngẩng đầu ngạc nhiên với chính mình. Tại sao điều quan trọng như vậy mà đến bây giờ tôi mới thắc mắc? người con gái đưa ngón tay búng nhè nhẹ mép khăn, cắn môi cười:

– Người ta gọi em là Mindy.

– Nhà em ở đâu?

– Ở đây mà, phải không?

Tôi chúi đầu xuống mặt nệm, cười vu vơ. Tôi đã từng sống ở nhiều nơi chốn, bao nhiêu năm trong cuộc sống, nhưng chưa bao giờ tôi trải qua những giờ phút như tôi vừa trải qua với cô bé. Tôi quay đầu lại nhìn thêm một lần nữa khuôn mặt trong sáng của người con gái, rồi nằm trở lại xuống mặt giường. Thịt da non nớt mát rượi. Tôi nghĩ nàng có thể còn là trẻ con và nàng có thể giận tôi. Nhưng nàng không phải trẻ con, và nàng không giận tôi. Tôi nhắm mắt, nghe còn chảy tràn trên thân thể cảm giác mát lạnh của da thịt. Tuy ngọt ngào và êm dịu, nhưng cũng là một vùng buốt lạnh, không chút khí ấm. Tôi ngả

nghiêng người, thả tay gác ra khỏi mặt giường. Và tôi nhìn nàng. Khoảng cách thu ngắn lại. Đôi mắt thủy tinh xanh ngước tròn nhìn tôi. Không còn là người con gái xa lạ ngồi ở cuối phòng trong quán nước với ly bạc hà xanh, mà là ly nước bạc hà cho tôi, trong tôi. Tiếng nước đá lạnh còn khua chạm vào nhau, reo vui những nhịp trong. Tôi nghe rợn người với ý tưởng đó. Tung mình ngồi bật dậy, tôi thúc cô bé mặc lại áo quần va rối rít gọi nàng bước ra khỏi phòng. Đột nhiên tôi muốn dẫn nàng ra phố, đi đến bất kỳ một nơi chốn nào. Bất kỳ. Người con gái vụng về luống cuống bước theo tôi. Tuyết lại lất phất rơi phía bên ngoài. Tôi bước ra khỏi căn nhà và nhìn mấy cụm tuyết trắng đậu nhẹ nhàng tên tóc nàng, bất chợt, thấy con phố nhỏ nơi đây như chợt rộng ra bất tận, và một tuần ở lại với nơi chốn này có thể sẽ là thiên thu, là vạn kiếp.

Nhưng vào buổi sáng thứ hai khi thức dậy, mọi ý tưởng lãng mạn của trọn vẹn ngày hôm trước chợt biến mất. Tôi nghĩ là tôi chỉ đang giản dị sống một cuộc ngoại tình. Hoặc một giấc mơ nào đó kỳ lạ, chỉ đánh lừa mình được trong khoảnh khắc bất ngờ chứ không làm sao có thể kéo dài. Tôi mở mắt dậy và sống với ý nghĩ đó trong vài phút đồng hồ. Dự tính về những gì sẽ nói với cô bé hiện ra rõ ràng mạch lạc.

Nhưng tôi bỗng bối rối và mất hết tự tin khi quay đầu sang bên cạnh, bắt gặp đôi mắt người con gái đang mở lớn nhìn mình.

– Mindy ngủ ngon không? Tôi ngập ngừng hỏi.

– Mindy không ngủ. Cô nhỏ trả lời.

– Ở đây lạ chỗ, em khó ngủ à?

Cô bé lắc đầu. Em không bao giờ ngủ, cô bé trả lời như vậy, nhưng tôi không tin. Tôi nằm nghiêng chống đầu lên một tay, trầm ngâm nhìn cô bé. Thật ra, tôi chẳng thấy gì. Tôi chỉ cố gắng rượt đuổi những ý tưởng đang thoát ra khỏi đầu. Nhưng không kịp. Đầu óc càng lúc như càng rộng ra, hoàn toàn trống rỗng.

– Em tên gì?

– Mindy.

Tôi lắc đầu:

– Không. Tôi muốn hỏi em tên Mindy gì? Nguyên tên và họ của em đó, tôi muốn biết.

– Mindy thôi. Người ta gọi em là Mindy, không Mindy gì cả. Mindy. Mindy.

Tôi kiên nhẫn:

– Thế cha mẹ của Mindy, người ta gọi là gì?

– Em không có mẹ. Còn cha, em nghe người ta gọi là Pinelli.

Tôi suy nghĩ giây lát, rồi vui vẻ kết luận:

– Vậy thì em là Mindy Pinelli.

Cô bé lắc đầu:

– Em không biết.

– Thế nhà em ở đâu?

Tôi lại hỏi. Nhưng lần này, Mindy không trả lời mà chỉ cười. Tôi đưa ngón tay vuốt theo đường cong của gò má người con gái. Làn da mịn óng cứ khiến tôi liên tưởng đến màu ngọc trai. Những viên ngọc của biển sâu quý giá, không phải thứ ngọc trồng cấy hàng ngàn hàng triệu trong hồ. Tôi nói lên ý tưởng đó cho cô bé nghe. Cô bé chớp mắt:

– Em có quen một chú sò trai. Câu chuyện của ngọc trai, buồn lắm, anh muốn Mindy kể không?

Tôi thú vị gật đầu.

– Hạt cát. Phải vậy không? Bắt đầu là một hạt cát của lòng biển. Anh biết những hạt cát không? Không hiền, không dữ. Nhưng những chú sò trai thì sợ hãi vô cùng những hạt cát. Cát thì có đầy, có nhiều lắm, va chạm mỗi ngày đó thôi. Nhưng, nó bảo, điều quan trọng nhất là đừng bao giờ để cát lọt vào phía bên trong. Cát lọt vào trong, em đã được nghe kể, cát không bao giờ trở ra, không bao giờ biến mất, cát cứ ở đó hoài. Mà cát thì vẫn là cát và sò thì vẫn là sò. Anh có biết những con sò không? Em có quen một chú sò sống rất lâu năm. Nhả tinh hoa bọc hạt cát để khỏi phải đau. Viên ngọc bự bằng này rồi. Cha

ngắm hoài, nhưng không muốn lấy ra. Em cũng không dám trái ý cha. Viên ngọc làm đau đớn, nó khóc hoài. Trông thương lắm. Quý cho ai, đẹp cho ai, phần nó, chỉ đau đớn thôi chứ đâu hưởng được gì. Cứ phải chịu đựng hoài hoài, hoài hoài...

Hai bàn tay cô bé mỗi lúc mỗi thêm nhiều cử chỉ, đôi mắt càng lúc càng đi lạc. Tôi ngạc nhiên cho tài kể chuyện của cô bé. Trong giây phút, tôi có thể tin câu chuyện nàng kể là chuyện thật, rằng nàng quả đã từng ngồi trò chuyện thật sự với những con sò. Tôi đưa tay vuốt tóc cô bé, và mỉm cười:

– Bây giờ chú sò bạn em đâu rồi?

Đôi mắt đi lạc chợt mất hút giữa trùng không:

– Chết rồi.

Tôi nghe điện chạy dài trong sống lưng. Không phải cho điều vừa nghe, mà vì thái độ của cô bé:

– Sao?

– Chết rồi?

Cô bé thở hắt ra từng ngụm không khí:

– Anh biết tại sao nó chết không?

Tôi lắc đầu. Cô bé chớp mắt:

– Tại hạt cát.

Tôi im lặng. Cô bé nói như kể lể:

– Tại hạt cát. Lớn nhanh quá, nó lớn theo không kịp. Lớn theo không kịp. Vỡ tim mà chết.

Tôi bật cười. Muốn lấy tiếng cười để ngăn dứt nét trầm trọng bất thường của câu chuyện kể. Nhưng cô bé nhìn tôi, nhăn nhó:

– Anh đừng cười. Anh có biết khi chú sò chết rồi, viên ngọc thành cái gì, anh biết không?

Giọng nói như gay gắt chất vấn. Tôi mất hết kiên nhẫn, bực bội lắc đầu.

– Chết theo. Dĩ nhiên là viên ngọc chết theo. Viên ngọc đâu có là gì đâu, chỉ hạt cát vậy thôi. Dĩ nhiên là chết theo. Đục ngầu như bất

cứ một hòn đá tầm thường nào khác. Chú sò có nói với em, nếu người ta lấy ngọc, nó cũng chết. Không lấy, nó cũng chết. Hạt cát chỉ là tai họa. Nó dặn em, nhớ coi chừng những hạt cát. Anh biết không. Coi chừng những hạt cát.

Người con gái xúc động đến cực độ. Tôi bối rối, vụng về bất chợt. Tôi không biết làm gì hơn là kéo cô bé lại và ôm sát vào lòng, đưa đẩy, vỗ về. Tôi không nói gì vì tôi không biết nói gì. Người con gái còn run rẩy trong cơn xúc động thêm rất lâu. Rồi dần dà êm lắng trở lại. Tôi tưởng nàng đã quên câu chuyện con sò. Nhưng nàng lại nhỏ nhẹ cất tiếng:

– Coi chừng những hạt cát. Coi chừng những hạt cát. Anh không quen những con sò, không hiểu được đâu.

Tôi vỗ lưng cô bé nhè nhẹ, đều đặn. Nàng rúc đầu vào lồng ngực của tôi. Giọng nói càng lúc càng nhỏ hơn, nhưng tôi nghe vẫn rất rõ:

– Tại anh, em nuốt vào từng bụm cát. Từng bụm cát. Anh không hiểu được đâu. Pinelli không hài lòng. Nhưng em cũng mặc kệ. Từng bụm cát, anh biết không, từng bụm cát, em nuốt hết...

Tôi không muốn cô bé nói nhiều hơn những lời mê sảng. Tôi cúi xuống và hôn lên môi cô bé, muốn dẫn cô bé quên đi những điều không ổn đã xảy ra mà tôi không thể hiểu, tôi không thể thấy. Tôi cúi xuống và đánh thức hai bờ vai màu ngọc trai, tôi cúi xuống và đánh thức từng vùng thịt da mát lạnh. Tôi êm ái đẩy cô bé về lăn trên những triền thân thể tôi, tôi muốn quét sạch hết những hạt cát, cho cô bé lại trong suốt như viên nước đá trong ly bạc hà. Người con gái không nói nữa. Đôi mắt mở nhìn tôi và ánh mắt dịu dàng trở về. Mười ngón tay tôi đan vào những bàn tay, bàn chân của nàng. Nụ cười cô bé nở ra ngọt lành. Tôi nhắm mắt và bắt đầu cho phép mình tự do trôi theo triền nước ấm khi biết chắc là nàng sẽ không bỏ rơi tôi lại giữa con đường. Tôi biết tôi đã không còn là tôi, và tôi biết cô bé còn là cô bé. Những hạt cát, nếu có, sẽ không làm trầy trụa vùng thịt xương này. Tôi nhắm mắt và chấp nhận buông rơi tất cả, chỉ nắm lại đôi bàn tay của nàng. Vào giây phút đó, tôi mới bắt đầu thật sự tin là mình không đang

mơ ngủ hay đang lãng mạn một cách quá đáng. Thịt da của tôi, thịt da của nàng, tâm hồn của nàng, tâm hồn của tôi. Gặp nhau ở đây hay ở một nơi chốn nào đó không hay biết... Hãy đừng nói đến yêu thương, vì tôi hiểu yêu thương chỉ là những điều hạn hẹp trong vùng cảm giác mênh mông không bờ bến này.

Thật sự tôi chưa bao giờ ngờ rằng thể xác lại có thể sống dậy tự mình nó như hiện thời nó đang sống đây. Đối với tôi, thể xác luôn là một cái gì mang theo, sống với, thuộc về. Tôi chấp nhận thể xác tôi, và nó theo tôi, quy thuận, không biết đòi hỏi. Nhưng bây giờ, có gì đang dần dà thay đổi. Tôi thức dậy vào buổi sáng thứ ba, và – tựa như kẻ loạn trí – tôi mỉm cười cất lời chào cánh tay của mình. Cô bé vẫn mở tròn đôi mắt nhìn tôi. Và tôi lại mỉm cười, cất lời chào trọn vẹn tấm thân của cô nhỏ. Hôm nay ngày thứ ba, Mindy vẫn lẽo đẽo theo tôi như con mèo con đi lạc, tôi muốn chắp tay hạnh phúc chào nàng. Đôi lúc tôi có cảm tưởng như đồng thời với thân xác tôi, da thịt nàng cũng dần dà thức dậy. Sinh khí và sinh lực. Hơi ấm thoát ra từ tôi, và chảy về nàng. Ngày đầu tiên trải tấm khăn màu rượu chát, tôi đã có cảm tưởng là tấm thân nàng không có máu huyết. Lạnh như loài côn trùng máu lạnh. Đôi mắt mở không hề biết nhắm, có những giây phút nhìn tôi như nhìn xuyên qua không khí, ánh mắt mất hút giữa khoảng không. Tôi từ lúc đó như một đứa trẻ cầm hạt mầm vùi xuống đất ẩm, miệt mài và sung sướng chờ đợi. Hạt sẽ nảy mầm, sẽ trổ chồi non, sẽ lên lá xanh và rồi sẽ thành hoa, kết trái. Tôi kiêu hãnh ngắm nhìn mầm cây thần kỳ của tôi đang sống lên từng giờ, từng phút. Mindy thay đổi theo thời gian. Sự thay đổi li chi không thấy rõ, không chắc chắn, nhưng tôi biết nàng đang sống dậy cùng tôi. Và buổi trưa của ngày thứ tư tôi đã chết lịm người khi nàng chợt gọi, thay vì ly nước quỳ con quen thuộc, một ly cà phê đen. Khói nóng bốc lên làm đôi má nàng tái xanh giây lát. Nàng bẽn lẽn mỉm cười. Những phản ứng ngược ngạo như cơ thể dãng trí lầm lẫn có lẽ cũng là một trong những nét duyên dáng của người con gái. Tôi im lặng nhìn ngắm. Cô bé nâng tách cà phê, nhấp trên môi, rồi chớp mắt suy nghĩ. Lần này má nàng không lầm lẫn nữa,

ửng hồng thật sự. Cơn sốt của thể xác, cơn sốt của tâm hồn. Tôi chợt biết là mình sẽ không bao giờ còn tìm được lối về từ vùng ngày tháng hôm nay.

Tôi lúng túng trên tay chiếc đầu nặn bằng thạch cao quanh bóng đèn. Đã tạm khô. Và cọ. Và sơn. Miếng vải lụa mềm may làm áo tôi đã chuẩn bị xong xuôi, có kết thêm hai cái nút màu vàng phía trước để làm duyên. Tất cả coi như đã tạm hoàn tất. Chỉ còn chờ tôi sơn lại cái đầu. Tôi đã học được cách chế tạo loại con rối này từ một người bạn vào thuở còn học trường trung học. Tôi đã thử lượm hết tất cả các bóng đèn cháy ở nhà, và mỗi bóng đèn trở thành một con rối. Con cái, con đực, con già, con trẻ, treo lủng lẳng đầy phòng. Tôi say mê thích thú. Lâu lắm rồi tôi mới cầm lại cái bóng đèn để trét thạch cao, nắn lại con mắt, cái mũi, cái miệng. Bàn tay lâu năm mất hết tài khéo léo, trở nên thô cứng vụng về. Nhưng tôi vẫn nghĩ là tôi còn có thể làm được một cái đầu thật xinh. Đẹp hơn tất cả những con rối tôi đã từng làm trong thời xa xưa, biết đâu được. Tôi đưa cái đầu ra xa ngắm nghía, rồi kéo lại gần, tỉ mỉ sơn vẽ.

Bất chợt cô bé đẩy cửa bước vào. Tôi lúng túng cầm cả cái đầu còn dở dang giấu về phía sau lưng. Tôi tưởng là tôi có trọn vẹn một buổi chiều để hoàn tất món quà tặng cho cô bé ngạc nhiên chơi, không ngờ nàng lại về quá sớm. Cô bé đứng giữa phòng trợn mắt nhìn tôi:

– Anh làm gì đó?

Tôi ngập ngừng:

– Không biết.

Cô bé vẫn đứng yên. Như là chờ đợi. Tôi lúng túng với chính mình. Rốt cuộc, tôi đành phải đưa ra cái đầu chưa kịp vẽ xong. Khuôn mặt người con gái chợt tối sầm. Tôi tưởng vì chiếc đầu tách lìa có cái đuôi xoắn của bóng đèn phía dưới làm cô bé sợ. Tôi vội quay người, vẽ thật nhanh cho kịp hoàn tất trọn vẹn một khuôn mặt, rồi vội vã chùi tay, loay hoay ráp chiếc đầu vào phần dưới của thân hình đã chuẩn bị sẵn sàng. Tôi chưa bao giờ thực hiện một con rối nhanh như lúc này, và

có lẽ cũng chưa bao giờ làm được đẹp và đạt như vậy. Tôi mau mắn xoay người và khoe với cô bé công trình của mình. Nhưng tôi chợt khựng lại. Cô bé vẫn đứng nguyên ở vị trí cũ, khuôn mặt vẫn tái xanh, đôi mắt thất lạc, sợ hãi. Tôi đưa con rối lên cao, điều khiển hai thanh gỗ hình chữ thập và con rối khua chân múa tay rất là vui vẻ. Nhưng cô bé vẫn không nhúc nhích. Tôi bắt đầu lấy làm lạ, đặt con rối xuống mặt bàn, lo lắng gọi:

– Mindy.

Người con gái giật mình. Nàng ngơ ngác lập lại lời tôi nói như một tiếng vang:

– Mindy...

Tôi sợ hãi:

– Em bị gì vậy? Em làm sao vậy?

Người con gái không trả lời, mà cúi đầu thật sâu. Thật lâu. Rồi nàng ngẩng lên, khuôn mặt từ từ bình thường trở lại:

– Anh làm gì đó?

Tôi vẫn chưa thôi lo lắng:

– Một con rối. Tôi làm một con rối để tặng em làm kỷ niệm.

Môi cô bé mong manh một nụ cười. Khuôn mặt dịu dàng thắp ánh sáng:

– Kỷ niệm?

– Ừ, kỷ niệm. Kỷ niệm tôi gặp em nơi đây.

Cô bé tiến tới vài bước, rồi đứng từ phía xa, nàng chắp hai tay sau lưng, nhón người nhìn con rối đặt trên mặt bàn, cùng với những sơn cọ và vụn vải chưa kịp thu dọn. Đôi mắt mở lớn:

– Anh làm hả?

– Ừ, tôi làm. Em thích không?

Người con gái vẫn chắp tay sau lưng, nguầy nguậy lắc đầu:

– Anh làm hả?

Tôi bật cười:

– Ừ, tôi làm. Tại sao em hỏi vậy?

Người con gái vẫn lắc đầu, lắc nghiêng từ vai phải sang vai trái, lắc lư, lắc lư:

– Anh làm hả?

Lần này thì tôi ngỡ là cô bé đang trêu chọc tôi. Tôi nhấc bổng nàng lên và vất lên giường:

– Ừ tôi làm. Tôi làm. Tôi làm. Em tưởng tôi vụng về lắm sao? Em có biết là khi còn đi học tôi luôn đứng đầu trong môn thủ công? Em có biết là hồi đó bao nhiêu cô bé đã chạy theo năn nỉ tôi làm cho một con rối nho nhỏ thôi, mà tôi làm cao lắm, tôi không bao giờ chấp thuận? Sao em không tin là tôi làm? Tôi làm để tặng em đó mà, em không tin sao?

Cô bé bật cười khanh khách, chồm người lên ôm sát đầu tôi vào giữa hai cánh tay. Tôi choáng váng trong giây lát. Có một cái gì đang vụt khỏi tầm nhận thức của tôi nhưng tôi không để ý. Tôi vùi đầu vào giữa hai cánh tay của cô nhỏ, hít đầy phổi mùi hương ngọt ngào. Và tôi muốn cô nhỏ cũng bay lên cùng lúc với tôi. Vì tôi biết là tôi đang bay. Tôi đang bay lên. Bay giữa những tầng không khí bềnh bồng. Tôi kéo cô bé lăn tròn, lăn tròn. Căn phòng chơi vơi quay ngược, quay xuôi, trời đất lẫn lộn. Hai bàn tay cô bé chới với bám riết vào tôi, như buông ra là rơi xuống, buông ra là biến mất, là không còn. Tôi siết chặt thêm vòng tay. Tôi mở hết năm, sáu, bảy, tám hay hàng chục giác quan của con người, mở hết, mở hết, mở ra và đón cô bé về. Giờ phút này tôi muốn tôi là như vậy đó và tôi đã thật sự là như vậy. Tôi chịu hết trọn vẹn tấm thân của người con gái trong tay mình, và bay lên, bay lên...

Chợt bàn chân tuột êm trên lớp chăn nệm, tôi đạp nhằm khoảng không, rơi xuống, hụt hẫng. Tiếng cười của cô bé vỡ dòn tan. Tôi ngơ ngác mở mắt nhìn lại xung quanh, thấy cả hai đang té ngồi dưới đất cạnh giường. Cô bé ôm bụng cười nghiêng ngửa. Tôi đỏ mặt xấu hổ trong giây lát, rồi cũng phì cười. Nhẹ ngả người tựa lên thành giường, hai tay thả lỏng trên đầu gối, tôi nhắm mắt và nhấp tiếp hương vị của cơn chóng mặt còn ở lại. Mindy vừa thôi cười. Nàng mon men đến

cạnh bên và co tròn tấm thân mềm mại chui vào ngồi giữa lòng tôi. Tôi nhìn xuống, thấy qua mái tóc nâu là bờ vai với lớp áo vải lụa mỏng. Mong manh. Mong manh. Tôi đưa tay vuốt nhẹ lên lớp vai mong manh đó. Mindy im lặng. Có chút gì quá hiền lành và ngoan ngoãn trong cung cách của người con gái khiến tôi cứ không ngừng chảy tan ra vì cảm động.

Mindy cựa mình. Nàng tuột xuống thấp hơn, và chấp tay kề má nằm tựa lên chân tôi. Cô bé chớp mắt:

– Con rối.

– Gì em?

Mindy ngửa cổ ngước mặt thật cao để nhìn tôi:

– Con rối. Anh có làm một con rối.

Tôi mỉm cười. Mindy lại nằm xuống, kề má lên đôi bàn tay chấp:

– Anh cũng làm rối. Làm những con rối. Giống như là Pinelli.

Tôi tò mò:

– Thật vậy sao? Cha em biết làm rối à?

– Cha biết làm. Cha làm khéo tay ghê lắm. Khéo hơn là người ở đây có thể ngờ.

Tôi hơi thất vọng:

– Vậy mà tôi lại bày đặt làm con rối để tặng em!

Cô bé lại ngước mắt, nhìn tôi như không kịp hiểu. Tôi kiên nhẫn giải thích:

– Em vừa nói ba em làm đồ chơi khéo tay lắm...

Cô bé vẫn ngơ ngác. Rồi bật miệng hỏi bất ngờ:

– Rối của anh có biết gì về những hạt cát không?

Bây giờ thì đến phiên tôi không hiểu kịp, nhưng tôi chỉ lặng lẽ lắc đầu. Tôi không muốn cô nhỏ nhắc nhiều về những hạt cát. Cô bé có vẻ như còn suy nghĩ rất lung, nhưng nàng không nói gì thêm mà chỉ hạ đầu xuống, nằm yên ngoan ngoãn. Tôi nhẹ nhàng đỡ đầu cô bé dậy, rút chân ra và chồm người về hướng bàn. Đưa tay lượm lấy con rối, tôi trở lại quỳ trên đầu gối ngay trước mặt nàng. Điều khiển bằng hai

thanh gỗ hình chữ thập, tôi cho con rối chắp tay, cúi đầu chào người con gái:

– Chào chị – Tôi nhái giọng lạ để giả lời con rối – em không xinh đẹp bằng chị và cũng không xinh đẹp bằng những con rối mà cha chị có thể làm cho chị, nhưng em biết chị sẽ không ghét bỏ em, em biết chị sẽ thương yêu em, tại vì – con rối bắt đầu tiến tới gần bên cô bé – em được tạo ra cho riêng chị, cho riêng một mình chị thôi...

Tôi cho con rối đi tới nhẹ nhàng. Tôi chờ đợi cô bé mở rộng vòng tay ra, ôm con rối vào. Nhưng cô bé chỉ ngồi yên, mở mắt nhìn chăm, bất động. Con rối đưa một tay lên, chạm nhẹ lên người nàng. Mindy bất chợt hét lên một tiếng kinh khiếp, nàng chụp lấy con rối ném mạnh về phía trước. Tôi ngơ ngác nhìn con rối bay lên, đâm đầu vỡ toang trên mặt tường. Hai thanh gỗ chéo rớt xuống, nhúm vải dị hình rớt theo, nằm thảm thương giữa đám vụn thạch cao và thủy tinh vỡ. Tôi quay lại. Mindy vẫn ngồi bên cạnh giường, run rẩy với đôi mắt mở lớn kinh hoàng. Tôi không dám tiếc cho con rối xinh đẹp. Tôi không có thì giờ moi móc đầu óc để hiểu chuyện gì đang xảy ra. Tôi chỉ vừa kịp bước đến và ôm cô bé vào giữa vòng tay. Nhẹ nhàng vỗ về xoa dịu, mặc dù tôi không biết mình xoa dịu những gì. Tôi nhắm mắt nghe chua xót vô cùng. Chút gì vuột khỏi tầm nhận thức của tôi đang trở về, trong hình dạng mù mờ đe dọa. Cô bé bớt run rẩy và ngước lên nói với tôi:

– Không được. Anh biết không? Nó ở đây không được. Nó không biết gì về những hạt cát hết, nhưng nó vẫn không thể ở đây được. Ba sẽ không hài lòng, em cũng không muốn anh nghĩ xấu về em...

Tôi lắc đầu, kéo đầu cô bé ép sát vào lòng mình và không cho cô bé nói nữa. Tôi ấp trong tay tôi tấm thân nhỏ màu ngọc trai như đang ấp giữa lòng mình cả trời đất, cả vũ trụ. Tôi biết là tôi đang ngồi cheo leo giữa một vùng trời không lối thoát. Và tôi biết tôi cũng đang bám vào cô bé, như giờ phút này đây, cô bé đang bám víu vào tôi.

Tuyết của buổi sáng ngày thứ sáu phủ dầy hơn mọi hôm. Đêm qua

dường như có trận gió lớn thổi qua. Mấy triền dốc trắng xóa mịn màng không có dấu chân người mà chỉ là những gợn tuyết chồng lên nhau. Người con gái gọi tôi bước lên triền dốc soãi. Tiếng cười của cô bé nhỏ và trong, reo gợn lăn tăn như những nốt nhạc vui. Rừng thông xanh cao vút tuyết phủ từng cụm trắng. Tôi chỉ lên trời cao, và gọi cô bé:

– Em có thích trời ở đây không?

– Em chưa ra tới đây bao giờ, nhưng chắc là em thích. Chắc vậy. Thích lắm.

Tôi mỉm cười. Cho đến hôm nay tôi vẫn chưa thật sự quen với lối nói chuyện lẩn thẩn của cô bé. Tôi chỉ hơi nghi ngờ là thật ra, nó chẳng lẩn thẩn tí nào cả. Nhưng tôi chẳng muốn suy nghĩ sâu xa. Tôi không muốn khiến mình băn khoăn, cũng không muốn làm cô nhỏ bối rối.

Tôi bước hụt một bước và té xuống nền tuyết mịn. Thở dốc ra mệt nhọc, tôi nhăn nhó cười:

– Có phải là em sinh ra ở triền núi này? Em leo tuyết giỏi quá.

Cô bé mon men bước lại gần tôi:

– Em sinh ra ở đây, nhưng em không quen đi tuyết đâu. Đi như vậy là giỏi lắm sao?

Tôi vuốt tóc cô bé:

– Giỏi lắm.

Cô bé dụi đầu vào ngực tôi. Như con mèo đã quen hơi, hết sợ người lạ. Tôi ôm cô bé vào lòng. Và bất kể giờ giấc, bất kể nơi chốn, sinh lực tôi cứ cuồn cuộn thoát đi với ý tưởng điên cuồng muốn nhập vào thân cô nhỏ. Tôi bứt rứt:

– Tại sao em theo tôi? Tại sao tôi không muốn rời em? Tại sao lạ vậy, hả Mindy?

– Em không biết.

Tôi thở dài:

– Em có biết là tôi đã có gia đình và tôi không muốn vợ tôi buồn vì tôi?

– Tại sao vợ anh buồn vì anh?

– Vì tôi không chung thủy.

Cô bé cười rụt rè. Nét rụt rè của những ngày đầu, trở lại đôi khi, làm lòng tôi nhói đau vô nghĩa.

– Ngày thứ sáu.

– Gì anh?

Tôi vỗ nhẹ lên đỉnh đầu cô nhỏ:

– Hôm nay là ngày thứ sáu. Em biết chỉ còn một hôm nữa thôi, rồi là tôi về?

Cô bé không trả lời. Nàng bất ngờ luồn khỏi tay tôi và đứng lên chạy về phía trước mặt. Quay người lại, nàng đưa bàn tay rối rít ngoắc vẫy. Tôi không còn biết tôi đang đi đến đâu trong những băn khoăn suy tưởng. Chậm rãi đứng lên, tôi khó khăn bước đuổi theo nàng trên con đường tuyết ngập.

Thật ra tôi không bứt rứt băn khoăn nhiều như tôi tưởng. Tôi cứ lần mò bước sâu hơn vào vùng đất lạ, rồi biếng lười vùi mình trong đó, không hề có ý định muốn bước trở ra. Băn khoăn bứt rứt, nếu có, không phải vì tôi cảm thấy mình sai trái đối với vợ, cũng không phải vì một nguyên tắc, một lý do nào cả. Băn khoăn bứt rứt đến từ một điều hoàn toàn khác, một điều vượt ra ngoài tầm tri thức của tôi. Sáng thứ bảy thức dậy, tôi nghe tiếng cười khúc khích bên tai. Mở bừng mắt, và tôi lại thấy đôi mắt cô bé lấp lánh nhìn tôi. Tôi chợt hiểu, đỏ mặt và thu dấu vội vàng hai bàn tay. Hai bàn tay mồ côi, tìm kiếm trong giấc ngủ. Hai bàn tay tội nghiệp sợ hãi, sợ vụt thoát đi một điều không thuộc về quyền chọn lựa hay níu kéo của mình. Tôi mếu máo:

– Em đi đâu, hồi nãy em đi đâu vậy?

Người con gái bật cười. Nàng ngồi xếp chân trên mặt giường và khua múa hai bàn tay, cùng phân nửa phần trên của thân hình. Tôi trở lại làm trẻ nhỏ, nhìn không chớp mắt màn múa rối huyền hoặc đang diễn ra trước mắt. Nước mắt chợt trào ra, tôi bật khóc bất ngờ. Người con gái bối rối hạ bàn tay xuống, nghiêng đầu nhìn tôi ngạc nhiên. Tôi

khóc vùi như trẻ nhỏ. Tôi úp mặt và xua ra khỏi tầm mắt khuôn mặt cô bé, thân hình của cô bé, đôi mắt của cô bé. Tôi khóc như vắt cạn nguồn hy vọng cuối cùng. Rồi với xác thân hoàn toàn trống rỗng, tôi lăn xuống giường, cúi gầm đầu thu lượm mấy món đồ dùng lặt vặt. Thời gian đếm bằng giờ. Hạn kỳ nghỉ trên miền núi thu ngắn dần và trước sau gì tôi cũng phải về. Tôi thu dọn gần như là sạch sẽ căn phòng của khách sạn, rồi tôi đứng yên. Rồi tôi quay lại. Người con gái vẫn ngồi nguyên trên mặt nệm, dòng nước mắt chảy dài theo sóng mũi. Tôi ngạc nhiên. Tự dưng tôi biết là tôi sẽ không nhâm nha nhâm nhi hưởng trọn vẹn ngày hôm nay với cô bé. Tự dưng tôi biết giờ phút cuối không phải là chiều nay, bốn giờ, trên ga xe, mà là nơi này, ngay chính giờ phút này đây.

Tôi kéo cô bé lại và vuốt nhẹ mái tóc. Từng sợi tóc như chỉ cứng ngã nằm xuống ngoan ngoãn, rồi lại đứng lên. Tôi nhắm mắt đặt nhẹ một nụ hôn lên bờ môi rất ngọt:

– Nhà em ở đâu? Tôi sắp về rồi.

– Nhà em ở đây. Tại sao anh về?

– Nhà em không phải ở đây. Đây chỉ là căn phòng tôi mướn, ở tạm thôi.

– Căn phòng anh mướn?

Tôi gật đầu:

– Căn phòng tôi mướn. Hôm nay tôi về. Em muốn tôi đưa em về nhà em không? Nhà em ở đâu?

Giọt nước mắt của cô bé vẫn đều đặn chảy dài như đôi mắt có thể quên đi và vẫn tiếp tục ứa lệ. Trọn khuôn mặt thắp sáng hồn nhiên, không có dấu vết của nỗi buồn. Tôi cầm khuôn mặt đó trong tay, cố gắng hỏi thêm một lần nữa:

– Nhà em ở đâu? Tôi muốn đưa em về. Năm sau tôi sẽ trở lại, và nếu em muốn, tôi sẽ tìm em.

– Nhà em không ở đâu cả. Anh mang em theo.

Tôi lắc đầu. Cô bé gật đầu. Đôi mắt lấp lánh như có một nụ cười.

– Ở thành phố nơi tôi ở, tôi đâu thể mang em theo như tôi đã sống với em ở đây!

Người con gái không trả lời mà chỉ cười và lại gật đầu. Tôi không hiểu gì về ý nghĩa của cái gật đầu đó. Nhưng tôi im lặng. Tôi cố gắng xua đi những nguồn suy tưởng, cúi xuống hôn cô bé. Hơi thở người con gái mát thơm có thể đưa tôi đi thật xa. Nhưng những ý tưởng chộn rộn vẫn tiếp tục lùa về. Tôi bứt rứt mở bừng con mắt:

– Tôi về. Tôi về thật mà Mindy. Tôi muốn đưa em về nhà em, nhưng dường như em không muốn điều đó. Tôi sẽ để em lại nơi đây, em đừng giận tôi. Tôi không biết tôi có cần phải cám ơn em, phải xin lỗi em, có cần phải nói gì hay phải làm gì. Tôi không biết tôi có quyền để em lại đây hay không, nhưng tôi sẽ để em ở lại đây, vì tôi phải về, và ở nơi chốn mà tôi về, tôi không thể mang em theo được. Em hiểu chứ?

Người con gái nhoẻn miệng cười. Tôi tuyệt vọng chìm rơi vào một khoảng không. Tôi buông tôi rớt xuống và thả mình đi tìm làn da của cô bé. Tôi nhắm mắt lại hoàn toàn. Khuôn mặt của người con gái dịu dàng tan loãng và bay lên trong óc tôi như một giấc mộng đẹp.

Khi tôi giật mình tỉnh ra thì tôi thấy tôi lại ngồi trong quán nước. Người đàn bà mang ly cà phê lại đặt trước mặt tôi. Tôi ngơ ngẩn nhìn xung quanh. Quán cà phê không đông mấy, thưa thớt một vài khuôn mặt lạ. Tôi bần thần giây lát, rồi quyết định cầm ly cà phê, bước về quầy. Người đàn bà toét miệng cười chào tôi. Bà vẫn loay hoay lau mấy ly tách, như một trò giải trí để lấp thì giờ trống ở nơi đây.

– Chào ông.

Tôi cười. Chống hai khuỷu tay lên quầy, tôi khuấy tách cà phê. Cử chỉ mỏi rời như người trở về từ cơn bịnh nặng. Tôi ngần ngừ thật lâu. Rốt cuộc tôi quyết định lên tiếng hỏi:

– Bà có biết ông Pinelli ở vùng này?

Người đàn bà nhìn tôi, ngạc nhiên:

– Pinelli? Có phải ông muốn hỏi ông A. Pinelli? Ông có quen à?

Tôi trầm ngâm lắc đầu. Người đàn bà vui vẻ:

– Dĩ nhiên. Làm sao ông quen được. Ông già ít giao thiệp lắm. Ông lại không phải là người ở nơi đây...

Tôi làu bàu:

– Tôi có biết người con gái. Cô Mindy.

Người đàn bà mở miệng tính nói gì, nhưng rồi chỉ lắc đầu và toét miệng cười. Tôi ngạc nhiên đưa mắt hỏi. Bà ta đặt một chiếc ly xuống và nhấc ly khác lên tiếp tục lau chùi:

– Làm gì có con gái. Ông già không có gia đình. Không vợ. Không con.

Tôi phản đối:

– Có một người con gái. Mindy. Cô nhỏ nhỏ hay đi cùng tôi đến đây uống nước, bà không nhớ sao?

Người đàn bà nhìn tôi bằng cặp mắt kỳ lạ. Bà ta không cười nữa, nhưng cũng không thèm trả lời thẳng câu hỏi của tôi, mà che miệng nói nhỏ giọng như đang tiết lộ một bí mật:

– Ông già Pinelli ở một mình. Ông ta suốt ngày vùi đầu với mấy con búp bê. Tài tình vô cùng. Khắp nơi ai sành sõi cũng đều biết tiếng. Nhưng ông già khó tính lắm, không phải ai ông ta cũng nhận bán cho đâu.

Tôi ngơ ngác:

– Còn Mindy?

Người đàn bà lắc đầu.

Tôi như đi lạc vào một khoảng sương mù. Ngửa cổ nốc cạn ly cà phê, tôi tính rời quán. Nhưng chợt nhớ ra một điều, tôi lại chồm người lên quầy:

– Thế bà có biết gì về những hạt cát không?

– Ông moi móc ở đâu ra nhiều điều lạ thế? Những hạt cát? Thật ra ở vùng này có một truyền thuyết xưa lắm về những hạt cát, hình như vậy. Nhưng tôi không biết đâu. Tôi không nhớ được đâu. Chuyện xưa lắm rồi. Những hạt cát của thuở nơi chốn này còn là đại dương. Bây

giờ thì, ông thấy đó, quanh đây là núi cao và tuyết trắng. Nhưng hình như những hạt cát xưa vẫn còn, lẫn lộn với đất cát của thời nay. Tôi không bao giờ hiểu gì về câu chuyện của hạt cát. Ông già Pinelli có lần nói đó không hẳn chỉ là một truyền thuyết. Hôm trước ông ta còn bảo tại một nhúm cát mà ông ta phải mất đi con búp bê bằng sứ đẹp nhất của ông ta. Ông già thật dễ thương, nhưng nhiều khi cũng thật là lẩn thẩn, ông thấy không?

Tôi không thấy gì cả, và tôi cũng không còn kịp suy nghĩ nhiều hơn. Vội vã vất tiền trả lên quầy, tôi rời quán nước và vắt giò chạy về khách sạn. Tuyết trợt dưới chân, tôi nhào té nhiều lần, nhưng tôi không biết đau. Tôi rùng mình nghĩ rằng tôi sẽ tìm được một điều rất lạ ở căn phòng khách sạn. Tôi nóng nảy chạy nhanh hơn. Đầu óc miên man xoay chuyển quanh những con búp bê và những hạt cát. Tôi nghĩ là tôi đã hiểu. Hiểu rất rõ ràng. Tim nhói đau, tôi sợ tôi sẽ nổi điên lên khi bắt gặp trong căn phòng một con búp bê bằng sứ với mái tóc nâu và chiếc mũ len sặc sỡ nhiều màu.

Nhưng tôi hụt hẫng khi đẩy cửa bước vào và thấy căn phòng hoàn toàn trống trơn. Trên nền nhà trong góc phòng chỉ còn lại một vài vụn thạch cao trắng quét không sạch, của con rối tôi làm tặng Mindy. Đã vỡ nát, đã không còn.

Tôi rời khách sạn và vừa kịp chạy ra ga đón chuyến xe lửa bốn giờ chiều hôm đó.

Tìm Đọc:

MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC

TruyệnGérald Denerval

Bùi Giáng dịch

An Tiêm xuất bản
giá 6 Mỹ kim

HOÀNG XUÂN SƠN

lời quê

*

Ôi dặm đường tiều không hừng chí
Sớm dậy buông nhau cuộc chiến tàn
Những điếu xung kỳ đêm hôm trước
Cũng lẫn tan vào hệ nước non

Bằng hữu đôi ba lần gặp mặt
Trông đợi gì nhau bước dọc đường
Ừ người đi mãi chân hoang thú
Ta ngấm buồn hư nổi bệnh cuồng

Có gác chân lên nhau nằm ngủ
Xưa người trường mộng cũng thế thôi
Sông núi đâu mà ly cách mãi
Khinh khoái đời say những trận vùi

Càn khôn dẫu rót thêm huyền vận
Chén dài chén ngắn đổ vào nhau
Sao cho cạn hết sầu vô lượng
Như biển sông dâng nước ngập đầu

Bạn dở lần ra nhung y cũ
Hương thời gian nào có mòn hơi
Hỡi ôi bày trận không gươm súng
Kỵ mã không yên có ngậm ngùi?

Mắt sáng sao tuồng như đã dại
Tai nghe buồn nhỉ chuyện xu thời
Hào kiệt trên sa bàn nông nổi
Sông rạch cơ đồ mấy dặm khơi

Hát hỏng vài năm nhớ được gì
Ca cuồng cũng đến dạ sầu bi
Hà cù thương vời trong kỷ niệm
Tháng năm hoàn cố buổi đương thì

Ta biết lửa ngùn không dễ tắt
Trường giang nuôi mãi sóng khuynh thành
Một mai về lại nơi biên trấn
Sống thuở di hành áo trận xanh

Là khi đứng giữa trời đất mẹ
Mái điểm tóc sương cũng khứng tình
Xuống bờ đê nhỏ qua sông ngát
Cây cỏ tươi màu như đản sinh

Ngân một lời quê lòng chí thiết
Đêm nay trăng lửng chốn quê người
Ngẩn gì trong chớm hơi thu ấy
Nhớ bạn đường xa, một mảnh đời

THƯỜNG QUÁN

gởi đường xuân và trận gió trưa

*

Gió lên thất tán trời rợp bóng
Lảo đảo người đi đường cỏ bồng
Mai mốt còn xanh không không biết
Hoa về cứ trắng cổ hoài mong

Trên một tờ thư người lạ nắng
Đường đen nhánh mực chảy nằm cong
Sông một tuổi đưa về bao mộng
Gởi đường trưa mấy sợi hoen nồng

Đường đông lạnh đường xuân vẫn lạnh
Bàn tay níu mái trời câm
Thềm cửa đôi dép cỏ
Hoa trắng chuyện trăng rằm

Cho gửi với cho mai chạy tới
Mảnh vườn quê nhú lá thay xanh
Thân thương tích đỡ giùm dịu vợi
Ghé xuống chiều không đành

Đôi vạt cát cuối đường đáp vọng
Biển già đen bạc sóng thương tâm
Mây ngang thuyền cũ đi về lại
Những mắt vừa lau trời tự trầm

Kẻ đứng sững nền ngày một vạt
Đường vân chạy mãi mảnh buồm treo
Gió lên từng trận xoay nhầu nát
Phên liếp gài thưa trống đập sầu

Vẫn một đường dương âm ủ bóng
Chờ như muôn thuở vẫn chờ nhau
Đám rước ai về xa võng gánh
Kèn trưa thơ ấu gọi khan khao

Gió lên nắng lục vuốt mắt khép
Kèn bát âm vỡ tiếng khóc đầu
Mẹ đôi mươi và em mười sáu
Bàn tay nhành liễu trán muôn sau

Gió lên bằn bặt ai còn mất
Nến lửa bếp chiều dung nhan chào
Bóng thời gian hiện sinh tường vách
Vạt tóc từng gối đất còn nâu

KHÁNH TRƯỜNG

bí mật của rừng già

*

Tôi nằm duỗi dài trên giường, nghiêng đầu nhìn ra khung kính đục hơi sương. Đang giữa mùa đông, những đêm đi chơi khuya trở về xe phải giảm tốc độ đến mức chậm nhất, sương mù đậm như sữa đặc, có khi chỉ cách nhau vài thước đã không thấy gì. Sương mù sẽ còn dày như thế cho đến khi một ngày khác tới, mặt trời gần đứng bóng mới tan hẳn.

Mấy giờ?

Tôi nhìn đồng hồ treo tường.

Sáu giờ kém năm.

Giờ này các quán cà phê Việt nam chưa mở cửa. Tôi thèm uống một ly cà phê thật đậm, ít đường. Dĩ nhiên phải thứ cà phê nguyên chất được pha bằng lọc. Tôi dị ứng với loại cà phê Mỹ nhạt thếch thường tiền chế sẵn.

Nhưng còn sớm quá. Tôi không thuộc giới nghệ sĩ tâm hồn lúc nào cũng sũng ướt mơ mộng nên chẳng thể leo lên xe giờ này, chạy lòng vòng trong biển sữa đục nhờ kia hầu tìm kiếm cảm giác hư hư thực thực rất lãng mạn để khơi động mạch nguồn sáng tạo.

Đành nằm nướng vậy!

Có tiếng mở cửa phòng bên cạnh. Người đàn bà chân thọt đã dậy. Lại tiếng khép cửa *restroom* cuối hành lang. Người đàn bà sẽ làm vệ sinh khoảng mười lăm phút, trở về phòng và nửa giờ sau tiếng mở cửa

đầu tiên, bà ta sẽ ra khỏi nhà. Đều đặn, y boong giờ giấc như thế mỗi tuần năm ngày, kể từ lúc tôi đến ngụ cư nơi này, chưa một lần sai trật. Bà ta sống âm thầm lặng lẽ, hạn chế tối đa việc tiếp xúc giao du. Cửa phòng của người đàn bà bao giờ cũng đóng kín, im ỉm. Lúc bà ta ra đi, tôi đang sấp ngửa trên giường, lúc bà ta trở về, tôi còn lang thang đâu đó trong thành phố, vì vậy, rất ít khi tôi nhìn thấy người đàn bà, chỉ trừ một ngày duy nhất trong tháng, ngày chủ nhân sang thu tiền phòng, tôi mới có cơ hội chạm mặt, và chỉ không quá một phút. Người đàn bà mở cửa phòng lách ra, cái chân thọt làm cho thân thể hơi nghiêng về một bên, lệch hẳn vai trái. Bà ta lướt mắt nhìn chúng tôi, tia mắt chạy rất nhanh qua từng người, dừng lại chỗ chủ nhân, hai mép môi hơi nhếch lên biểu lộ một nụ cười sắp thành hình, sắp thôi, chứ chưa thể gọi đó là một nụ cười. Người đàn bà chìa chiếc bao thư màu xanh - bao giờ cũng màu xanh - về phía chủ nhân, "Gởi ông". Bà ta nói, giọng trầm và nhỏ. Thường, chủ nhân sẽ hỏi chiếu lệ chúng tôi, đại khái tình trạng ăn ở thế nào? Cần sửa chữa gì không? Nước nóng nước lạnh điều hòa chứ?... Chủ nhân chưa hỏi dứt câu đầu người đàn bà đã nhỏ nhẹ, "Cảm ơn... Tốt lắm... Xin phép..." Tia mắt lại quét nhanh một vòng, khẽ cúi đầu chào, rồi quay lưng khập khiễng trở về phòng. Cánh cửa lại khép kín, im ỉm.

Căn nhà gồm bốn phòng, mỗi phòng được xem như một đơn vị gia cư. Hai cha con Phong ở phòng đối diện. Phong xấp xỉ tuổi tôi, nghe nói vợ trốn theo một tình nhân cách đây ba năm, bỏ lại đứa con trai duy nhất năm nay lên mười một. Thằng bé thiếu vắng tình mẫu tử, đã đành, ông bố còn tỏ ra rất lơ mơ với bổn phận làm cha. Ngoài thời gian đến trường, thằng bé suốt ngày lẩn quẩn trong phòng như một cái bóng, ít nói, ít cười, có vẻ nhút nhát trước mặt người lạ. Phong qua Mỹ khá lâu nhưng cuộc sống vẫn không có dấu hiệu nào tỏ ra đã ổn định, đang là công nhân của một xưởng điện tử. Ban ngày cày bừa, tối la cà ở các quán nhậu đến một hai giờ sáng, có bữa về đến nhà đã say khướt, suốt đêm ra vào ói mửa, chửi bới om xòm, khiến cặp vợ chồng phòng bên cạnh mấy lần suýt gọi cảnh sát. Cặp vợ chồng này chưa có con và cũng là một hiện tượng khá đặc biệt. Anh chồng hình như có vợ bé

(hay cô này vợ bé không chừng), lưng bữa nửa tháng mới về nhà một lần. Trong khoảng thời gian "ngơi nghỉ" đó, chị vợ cũng biệt tích, lâu lâu tôi lại thấy chị dẫn về một đấng nam tử lạ hoắc. Thật tình tôi không dám quả quyết họ là tình nhân của nhau hay chỉ bè bạn thân thiết, bởi vì phía sau cánh cửa phòng khép kín hàng vài ba giờ đó, chỉ có trời mới biết họ đang làm gì! Kế tiếp là phòng của người đàn bà thọt chân, sát vách phòng tôi.

Chủ nhà cũng người Việt, khá dễ tính. Gia đình ông ta ở đâu lưng với chúng tôi. Đây là một *condo* được sửa lại, "ét" thêm phòng để cho thuê. Xét trên nhiều phương diện chúng tôi rất tự do, có thể đi sớm về khuya mặc tình. Mỗi người một chìa khóa riêng, một phòng riêng, chỉ phòng khách là chung nhưng ít khi chúng tôi sử dụng đến, ngoại trừ thỉnh thoảng lắm vào các ngày cuối tuần, tôi rủ Phong, hoặc ngược lại, cùng năm ba người bạn nữa bày tiệc chè chén. Những cuộc nhậu không mấy hào hứng. Chúng tôi chẳng phải bè bạn tâm giao. Thật hết sức khó khăn để tìm thấy cái không khí nhậu nhẹt bốc trời của những bàn nhậu ở quê nhà. Vài xị rượu đế hạng bét, đĩa lạc rang, con khô cá kèo mặn quắn... Vậy mà cũng sáng đêm, cũng văn chương thơ nhạc ào ào. Những trận nhậu nhớ đời, những trận nhậu khắc đậm trong ký ức từng mảng kỷ niệm khó quên. Nhậu, bây giờ, dù rượu ngon, dù thịt cá ê hề, vẫn nhàn nhạt thế nào. Ngồi, chỉ ngồi gượng. Uống, chỉ uống cầm chừng. Nói, chỉ độc một giọng than thân trách phận hoặc nhà cửa xe cộ dốp diếc lảm nhảm. Thế đấy, những cuộc nhậu không thể kéo dài được lâu và hoàn toàn vắng thiếu tính chất hào sảng của bọn hảo hán giang hồ.

Cửa phòng bên cạnh lại mở. Người đàn bà thọt chân đang ra khỏi nhà. Tiếng chìa khóa lách cách ngoài cửa cái. Mở. Đóng. Tiếng bước chân không đều nhạt dần. Tiếng máy xe khởi động. Một lúc. Có lẽ chiếc xe đã ra đến đường lớn, động cơ hơi rú lên rồi chìm nhanh trong bầu khí yên tĩnh của buổi sáng.

Tôi xoay người nằm sấp. Mỏi, lật ngửa. Mỏi, trở về tư thế cũ... Ngửa sấp, sấp ngửa... Loay hoay mãi với hai cây kim trên chiếc đồng hồ treo tường.

Sáu rưỡi. Bảy giờ. Bảy rưỡi...

Dậy thôi.

Tôi bật người khỏi mặt nệm, vớ chiếc khăn lông quấn quanh hạ thể trần truồng, mở cửa đi về phía phòng tắm.

Vài sợi tóc dài dính bết trong bồn rửa mặt. Những sợi tóc của người đàn bà, hẳn thế. Nhìn những sợi tóc tôi bỗng nhớ lời một bài hát, "*Một hôm thức dậy, ngồi ôm tóc dài, chập chờn, lau trắng trong tay...*" Ngũ Tử Tư. Tóc trắng như lau. Hình ảnh cũ, điển tích xưa nhưng lời nhạc và giai điệu thật đẹp, chữ "chập chờn" tuyệt vời. Người nhạc sĩ tài hoa này tôi từng được gặp, đã một hai lần ngồi chung cuộc rượu, không hợp lắm phong cách "cung đình" chừng mực. Nhưng tôi yêu nhạc ông ta. Đó là một trong những nghệ sĩ tôi thực sự ngưỡng mộ.

Tôi nặn kem ra bàn chải, chà răng. Vặn vòi nước rửa mặt. Nước lạnh giúp tôi tỉnh táo đôi chút dù cơn mỏi rã vẫn còn đang chạy luồn trong từng ống xương. Nghĩ nếu mở đầy một bồn nước ấm, trầm mình trong đó, chắc chắn sẽ thích thú phải biết. Nhưng loay hoay mãi để chừng đến năm phút tôi vẫn chẳng quyết định được nên tắm hay không. Suốt đời, chưa bao giờ tôi tỏ ra dứt khoát với bất cứ vấn đề gì. Lười, thiếu nghị lực, tiền hậu bất nhất, và hèn... Tất cả mọi "đức tính" đó đã biến tôi thành một thằng đàn ông làng nhàng, nhợt nhạt, vô vị. "Một thằng đàn ông chưa trưởng thành!" Ai đó đã nhận xét về tôi như thế. Lời nhận xét tuy có tàn nhẫn nhưng thảm thay lại quá đúng. Một thằng đàn ông chưa trưởng thành! Một đứa con nít trong một thân xác đã ba mươi! Đau chứ!

Cuối cùng tôi tự hẹn sẽ để dành cảm giác thú vị được nằm duỗi dài trong bồn nước ấm vào buổi tối, trước khi lên giường, "như vậy, giấc ngủ sẽ ngon hơn!" A, nếu bạn cùng "típ" lười như tôi, hẳn bạn sẽ hết sức cảm thông với quyết định này. Luôn luôn, bao giờ chúng ta cũng đủ... thông minh tìm ra lý do để trốn tránh trách nhiệm, dù là trách nhiệm với chính bản thân, phải không?

Tôi trở về phòng, thay vội bộ quần áo sạch, ra lấy xe xuống phố.

Chiếc xe chạy êm trên mặt lộ vắng. Sương mù chưa tan hẳn. Ngọn

đèn đỏ chỗ ngã tư nhập nhòe. Tôi nhấn thêm chân ga, chiếc xe chồm lên, động cơ gầm rú hung hãn. Gió thốc luồn qua khe kính mở hé tê tê da mặt.

Tôi ghé vào một quán cà phê quen.

Tuy còn sớm nhưng quán đã đông khách. Lướt nhanh tia mắt một vòng, toàn những khuôn mặt quen. Bọn này đa số làm ca hai hoặc cũng đang nhàn hạ bất đắc dĩ như tôi. Có tên ngước nhìn đưa tay vẫy chào, có tên mau mắn, "Hi". Cô tiếp viên ngồi sau chiếc quầy cao mỉm cười thân thiện. Tôi nhìn thấy trong hai hố mắt xanh đậm nét chì của cô ta đôi con ngươi lờ đờ ngái ngủ. Điệu này chắc chắn đêm qua nhảy nhót rong chơi đến sáng. Cũng như đa số bọn khách đang ngồi đây, tôi không lạ gì cô tiếp viên này. Đã vài lần tôi la cà với cô ta quanh mấy vũ trường trong vùng. Đó là một mẫu đàn bà tiêu biểu cho nếp sống thực dụng. Chẳng yêu ai, cũng chẳng ghét ai. Yêu ghét tùy theo túi tiền của đối tượng. "Này, chiều nay rảnh không?" "Chiều nào em không bán ở đây, làm gì có thì giờ rảnh". "Vẫn rảnh được như thường. Nhờ con Loan thay một buổi. Con nhỏ mới qua đang cần tiền, làm thêm một buổi có thêm mấy chịch, khoái tỉ bằng thích". "Nhưng em mất toi mấy chịch, đọi bằng thích". "Đừng lo, anh bù lỗ gấp đôi, chưa kể rong chơi ca múa tưng bừng hoa lá. OK?" OK là cái chắc. Rành nhau quá nên chẳng cần màu mè mắm muối thêm rắc rối tơ lòng. Cô tiếp viên nhìn chung không có điểm nào xuất sắc vượt trội, nhưng tôi khoái sự sòng phẳng của cô ta. Đi với nhau một đêm, nếu cao hứng đóng trò yêu đương nồng nàn một đêm, ngày mai ngủ dậy quên tuốt luốt. Ngày mai, tình cờ gặp lại nhau, đưa tay vẫy vẫy, "Hi". "Hi, đi đâu đó?" "À... à... Đi lăng quăng đốt thì giờ, rảnh quá mà, đang thất nghiệp mà". "Lát ghé quán không? Mới mua mấy cuốn băng, nhạc Pháp, hay tê tái cuộc đời". "Ừ... Ừ... Để xem, hết mẹ nó tiền rồi, đêm qua đốt sạch đến *cent* cuối cùng rồi". "Nhằm nhò gì, anh quen quá mà, ký được mà. Ghé nghe?" "Rồi, lát ghé". "Bye". "bye". Và quay lưng tiến bước, ngực vươn về phía trước, mông lắc lư, đôi giày cao gót gõ lốp cốp trên nền xi măng cứng, phơi phới, hân hoan. Làm như đêm qua không chung giường chung nệm, không chăn xô chiếu lệch, không đèn hồng

mờ tỏ... Tôi chịu sự sòng phẳng của cô ta. Chẳng cần thề non hẹn biển, càng không cần *anh yêu em em yêu anh* phường tuồng lãng nhách.

Tôi ngồi xuống chiếc bàn trống sát góc tường, chỗ có chậu cây cảnh vươn những đọt lá nhọn chực đâm vào mặt, cứ phải nghiêng đầu né tránh. Một chỗ ngồi không mấy thoải mái. Thảo nào thiên hạ chê.

Cô tiếp viên không cần hỏi trước, mang ra cho tôi ly cà phê đen đậm. Tôi ngước mặt:

"Coi bộ thiếu ngủ hả. Nhót suốt đêm hả?"

"Đến ba giờ. Mệt muốn chết".

"Về ngủ đi".

"Tuần trước nghỉ hai ngày rồi, tuần này nghỉ nữa thua đẹp anh ơi".

Tôi liếc vào trong. Chị chủ quán đang bận rộn với đám ly tách phin vợt. Tôi hạ giọng,

"Thua ở đây qua đầu quân bên Lộng Nguyệt, ở bển đăng báo cần người tùm lum".

"Thôi, làm đâu quen đó".

Và quay lưng đi vào, không quên ném lại một câu kết luận xanh dờn,

"Sướng hai chân thì... đần hai mắt. Chuyện thường".

Tôi bật cười. Câu tục ngữ được cô tiếp viên bóp méo một cách nghiêm chỉnh làm tôi thích thú. Vốn giang hồ từ nhỏ, bản chất lại ngỗ nghịch côn đồ nên tôi rất chịu lối đấu hót của cô ta. Văn chương, chữ nghĩa, lịch thiệp, từ tốn, ý nhị, sâu thẳm... A, "típ" đàn bà con gái đó tôi xin chào thua, để tôi cút xéo đi chỗ khác chơi cho tiện lợi đôi bề.

Cô tiếp viên trở lại sau quầy, leo lên ngồi trên chiếc ghế cao chống cằm nhìn ra ngoài, thỉnh thoảng đưa tay che miệng ngáp. Tôi đốt một điếu thuốc, nhả khói mù mịt. Mùi thuốc lá trộn với chất đắng cà phê khiến tôi ngầy ngật say. Dõi theo tia mắt của cô thâu ngân, tôi nhìn thấy dãy phố bên kia khu *parking* rộng lác đác vài cửa tiệm đã mở. Tiệm uốn tóc của một chị ca sĩ về chiều; tiệm bán băng nhạc, video, văn phòng khai thuế, bảo hiểm tai nạn xe cộ; tiệm bán quần áo vải

vóc, gởi hàng, chuyển tiền về Việt nam... Có hôm ngồi dông dài ở đây từ sáng đến chiều, tôi nhận thấy khu phố đối diện luôn vắng tanh vắng ngắt. Chẳng hiểu làm thế nào họ tiếp tục sống đến ngày hôm nay? Tôi quen với bà chủ bán hoa đầu dãy phố, bà ta tâm sự, "Riêng tiền *rent* mỗi ngày phải chi trên dưới một trăm, thế mà cậu biết không, có hôm tôi chỉ bán được một bó hoa, tính cả vốn lẫn lời vỏn vẹn mười đồng". "Thế hôm nào khá nhất được nhiêu?" "Năm chục". "Vậy lấy gì sống?" "Mười hai năm cày bừa trên miền Bắc dành dụm được chút tiền, tưởng *mu* về đây mở tiệm sẽ thoát cảnh làm cu li, ai ngờ tiền mất tật mang! Ông xã tôi lại phải cày thêm *dốp* để bù lỗ". "Dẹp quách có đỡ khổ hơn không?" "Bọn chủ phố đâu có ngu, chúng nó bắt ký *li* ít nhất ba năm, muốn dẹp phải tìm người sang, tình hình này bố ai dám nhào vô lãnh búa!" Bà chủ bán hoa dừng lại nhìn quanh rồi nửa đùa nửa thật tiếp, "Điệu này chỉ còn nước khai *benrốpxi*... hay đốt quán về tiền bảo hiểm!" Và bà ta kết thúc bài ca thập phần ai oán bằng một nụ cười méo xệch đầy tính... bi kịch. Nhiều người am tường cho rằng tình hình kinh tế của vùng đất được mệnh danh "Thủ Đô Tị Nạn" này chỉ là thứ "phồn vinh giả tạo". Mật ít ruồi nhiều, số cung nhiều hơn số cầu, nhất là từ ngày chính phủ Việt nam mở rộng dịch vụ du lịch, dân mũi tẹt da vàng nhớ cảnh nhớ người thay vì đổ về Bolsa tìm chút hơi ấm đồng hương, đã bay một lèo về cố quốc. Một công đôi việc, vừa xoa dịu được tí tình quê, vừa có dịp xênh xang "áo gấm về làng". "Thủ đô tị nạn" trở thành "thủ đô bị nạn", chết lăn chết lóc, chết tức chết tưởi, chết không kịp ngóc đầu xuống giọng xàng xê!

Nắng đã lên cao. Bình nước trà thứ hai đã cạn. Đi đâu bây giờ? Tôi cố moi óc xem còn chỗ nào có thể la cà chơ hết ngày. Chát thật. Thì giờ của những tên thất nghiệp lúc nào cũng thặng dư thái quá. Thật ra tôi biết có vài đám giang hồ đang ngồi ở các quán nhậu quen. Giờ này có lẽ bọn chúng đã bày cuộc, đến đó hẳn sẽ no say bằng thích, nhưng mấy tuần rồi tôi rách như xơ mướp, ăn bóng ăn gió mãi kể cũng kỳ.

Nghĩ đến thùng mì gói sẽ đắc dụng trong ngày hôm nay, tôi thở dài. Nhớ những lá thư vẫn nhận đều của đám bạn bè từ Việt nam, thư nào cũng chép đủ sáu câu mùi tận mạng, có cái còn tỏ ra thông cảm

một cách hết sức sâu sắc và đầy tự trọng, "*Ở đâu cũng thế, tôi biết bạn phải vất vả lắm mới tìm ra đồng tiền, riêng tôi, không đến nỗi vô liêm sỉ đến độ cứ nhõng nhẽo vòi vĩnh bạn mãi, tuy nhiên, thật tình tôi tuyệt vọng. Vậy mong bạn giúp tôi một lần, chỉ một lần thôi, tôi cần độ nghìn đô la làm vốn mở cái tạp hóa nho nhỏ sống qua ngày...*" Trời ạ! Trả lời thế nào đây? Ông nào bà nào về đến quê hương cũng biến thành chủ chợ, giám đốc hãng xưởng, tiến sĩ kỹ sư tiền rừng bạc bể, khai rằng đang đớp mì gói trên cái xứ sở ăn mày còn đi xe hơi này ư? Nếu không điên thì cũng "tiên sư cha thằng khốn nạn, giàu thay bạn sang thay vợ".

Tôi trả tiền, ra xe.

Vừa mở cửa bước vào nhà tôi ngạc nhiên nhìn thấy người đàn bà thọt chân đang ngồi ở phòng khách. Chuyện lạ. Lần đầu tiên tôi thấy bà ta tại phòng khách, một mình. Tôi hỏi:

"Chị không đi làm?"

Người đàn bà nhìn tôi, trũng mắt thâm quầng u uất,

"Hôm nay tôi mệt xin về sớm"

Khi tôi dợm bước định vào phòng thì người đàn bà ngập ngừng:

"Này anh...".

Tôi dừng lại.

"Tôi... Tôi có chút việc nhờ anh..."

Người đàn bà có vẻ lúng túng. Tôi ngồi xuống chiếc *sofa* đối diện, chờ.

"Tôi nghe anh Phong nói anh... anh rất giỏi về tử vi lý số. Tôi... tôi nhờ anh coi giúp được không?"

Chết thật. Cái anh chàng Phong lắm mồm. Mình chỉ ba hoa phét lác trong bàn nhậu cốt mua vui, thế mà qua miệng hắn mình bỗng biến thành chiêm tinh gia "rất giỏi". Tên này ở Việt nam hắn hành nghề Sơn đông mãi võ! Nhưng không có khói sao có lửa? Sáu năm trước, lúc còn ngồi tù ở Chí hòa (Xin thông qua lý do đã đưa tôi vào vòng lao lý, khai ra chẳng vẻ vang gì) tôi được một ông bạn già truyền cho ít ngón nghề. Say này, thỉnh thoảng muốn cầm tay cầm chân cô nào, tôi vẫn thường đem chút võ công học sổi đó ra "trộ". Cũng hiệu quả

lắm. Kinh nghiệm cho tôi biết trăm cô như một, không chừa cô nào, đều mê mệt chuyện lẩm cẩm này, và cũng kinh nghiệm dạy rằng, muốn lấy lòng các cô, muốn các cô chớp mắt lia lịa cảm động (có khi còn bắt được tí tình lẻ không chừng) cách tốt nhất cứ mồm năm miệng mười khen loạn cào cào, đại khái cung này, mệnh này, ứng với ngày sinh tháng đẻ này, cô nhất định phải là người thông minh thiên bẩm, giàu lòng vị tha, giàu đức hy sinh, tính tình thùy mị dịu dàng, ghét sự gian trá đê hèn.... Về mặt tình cảm tuy đường tâm đạo có hơi gập gềnh (cô nào lại không thích tí ti chông gai trên đường tình ái? Vậy mới thơ mộng lãng mạn chứ!), nhưng nhờ âm đức thế nào cuối cùng cũng tìm thấy người tâm đầu ý hợp, vợ chồng đề huề hạnh phúc, con cái học hành thành đạt, hậu vận phú quý vinh hoa tiền dư của để... Tôi dám cá với bạn một ăn mười, phần thắng nhất định thuộc về "phe ta".

Nhưng với người đàn bà này xem chừng mớ bài bản cũ rích kia sẽ không "ếp phê". Hình như chuyện "nhờ anh xem giúp" chỉ là một cái cớ. Bà ta hẳn rất cô đơn, đang cần người để bày tỏ tâm sự, rũ trút nỗi lòng. Đồng bệnh tương lân. Tôi hiểu hơn ai hết rằng không có gì kinh khủng bằng sự cô đơn. Nó hủy diệt dần mòn sức sống, nó đẩy con người đến mé bờ tuyệt vọng, nó làm đầu óc chúng ta tê liệt mù lòa. Tức nước vỡ bờ, nếu không có kẻ đồng điệu để tâm sự, niềm cô đơn kia sẽ ăn sâu vào lục phủ ngủ tạng, không sớm thì muộn, trước sau cũng trở thành thân chủ của các bệnh viện tâm thần.

Thôi được, tôi có cả một buổi chiều thừa thãi chưa biết sẽ phải tiêu phí cách nào. Hơn nữa, tông tích của người đàn bà này là một bí mật đầy quyến rũ tôi đang muốn biết.

"Anh bằng lòng chứ?"

Người đàn bà lại hỏi, nôn nóng. Tôi gật đầu:

"Chắc không khá lắm như anh Phong nói đâu, tuy nhiên... Để tôi xem..."

"Cảm ơn anh. Tôi có một câu hỏi rất quan trọng nhờ anh giải đáp hộ. Nhưng trước khi hỏi, tôi thấy cần phải kể rõ đầu đuôi câu chuyện của tôi anh nghe..."

Quả, tôi đoán không sai tí nào. Bà ta bây giờ giống như ấm nước đang sôi, nếu lưỡi gà trên cái lỗ nhỏ không bật lên cho hơi thoát ra, ấm nước có cơ nổ bung tan tành!

Người đàn bà thở dài:

"Bao nhiêu năm nay tôi chưa từng tâm sự với ai. Anh là người đầu tiên".

Bà ta ngừng lại, cúi xuống một lúc lâu, rồi cũng bằng giọng nói trầm trầm, nhỏ nhẹ cố hữu, bà ta bắt đầu câu chuyện...

*

... Tình trạng đã đi đến chỗ tuyệt vọng. Ba ngày kể từ lúc bị lọt vào khu vực chạm súng của hai phe, người dẫn đường tuy kéo được chúng tôi ra khỏi tử địa nhưng lại lạc mất phương hướng, không thể tìm thấy con đường mòn quen thuộc xuyên qua biên giới. Lương thực hầu hết chúng tôi đã vất bỏ cho gọn nhẹ. Đói và khát. Mười hai nhân mạng. Tám đàn ông, kể cả người dẫn đường tương đối còn sức lực. Riêng bốn người còn lại, tôi, cô em gái và mẹ con một người đàn bà đồng hành thì gần như không còn đứng vững nổi trên hai chân. Nhất là cô bé mười ba tuổi, kiệt quệ đến độ bọn đàn ông phải thay phiên nhau cõng. Xế chiều của ngày thứ ba, khi chúng tôi vừa ra đến một bìa rừng, bỗng chung quanh chát chúa tiếng súng cùng tiếng hú hét man rợ. Từ sau những bụi bờ, những thân cổ thụ, hàng chục khuôn mặt đen đúa hầm hầm sát khí xuất hiện. Cô bé mười ba tuổi khóc thét, "Mẹ, lính Miên...". Lính Miên. Hai tiếng ngắn gọn đó như một sức bật có khả năng đẩy chúng tôi văng bắn ra mọi hướng, cuống cuồng thoát chạy. Tôi kéo cô em gái lủi bừa vào rừng tre gai. Sau lưng tôi tiếng súng, tiếng hò hét đuổi theo gấp rút. Đạn rào rào trên những tàn lá rậm, đạn xé toạc những thân tre già nổ lốp bốp, đạn đốn gãy những cây cành. Tôi chạy, hoảng loạn, kinh khiếp. Tôi chạy, càn bừa, bất kể bụi bờ gai góc. Tôi chạy, cố gắng nhanh hơn, dù đôi chân đã run bần lẩy bẩy, dù cô em gái không ngớt vấp ngã, khóc rống từng cơn... Bỗng tôi có cảm giác tức nhói chỗ bắp đùi, đồng thời ngã chúi về phía trước. Tiếp theo, tiếng chân nện thình thịch trên mặt đất, rồi một vật cứng, hình như

một đế súng, dọng mạnh vào thái dương. Mắt nổ đom đóm, tôi vật ra, bất tỉnh.

Lược qua những chi tiết, tôi chỉ tóm tắt: Tám người đàn ông có ba người thoát, không biết bây giờ họ ra sao, ở đâu. Số còn lại đều bị bắt và bị chặt đầu. Cô bé mười ba tuổi bị hiếp đến chết. Bà mẹ bị một gã Miên già cưỡng bức làm "vợ", nửa đêm bà ta thoát ra ngoài, chạy hoảng vào bãi mìn, tan xác. Cô em tôi cũng bị buộc lấy một tên tiểu đội trưởng, sau đêm "động phòng" cô gần như mất trí, suốt ngày ngồi lặng một chỗ, mắt mở trừng nhìn ngây dại vào khoảng rừng âm u trùng điệp như chờ đợi một điều gì. Trong thời gian này những cuộc vượt biên bằng đường bộ xuyên qua lãnh thổ Campuchia đang ở giai đoạn cao điểm, vì thế bọn này làm ăn được mùa, mỗi tháng ít ra cũng vài ba mối, tất cả đàn ông chúng bắt được đều bị giết sạch. Đàn bà con gái thì hoặc chúng hiếp đến chết hoặc chia nhau lấy "làm vợ". Sau ngày chúng tôi bị bắt không lâu, tên tiểu đội trưởng vồ được con mồi mới, hắn lập tức bán cô em tôi cho một thuộc hạ với giá hai khoen vàng. Tên này nổi tiếng tàn ác nhất bọn, chính mắt tôi từng nhìn thấy hắn treo cổ mổ bụng nhiều nạn nhân. Có lẽ cô em tôi - bấy giờ đã hoàn toàn mất trí - không đáp ứng được thú tính man rợ của hắn nên sau mấy trận đánh đập thừa chết thiếu sống, hắn lôi cô vào rừng, và từ đó mãi mãi không bao giờ tôi gặp lại đứa em bất hạnh. Riêng tôi, lẽ ra đã được hóa kiếp sau cái đế súng nện vào đầu, nhưng nhờ viên chỉ huy cứu kịp. Cũng bằng cái cách quen thuộc: Nhận lấy tôi làm "vợ".

Tôi bị thương, viên đạn xuyên qua bắp đùi, phá vỡ ống xương. Chẳng hiểu bởi phép màu nào mà với tình trạng thuốc men chữa trị hết sức thô sơ, chân tôi không bị cưa. Nửa năm dở sống dở chết, cuối cùng vết thương cũng lành, có điều khúc xương thiếu không cho phép tôi đi đứng tự nhiên như xưa. Tôi trở thành một kẻ tật nguyền.

Thời gian vật vã với vết thương tôi chỉ có một ước muốn duy nhất là làm thế nào để chết được. Kinh hoàng vì những cảnh tượng chứng kiến hàng ngày, đau đớn vì cái chết của đứa em gái, và nhất là viễn tượng sẽ trở thành vợ của tên chỉ huy kia đã đẩy tôi xuống đáy cùng tuyệt vọng! Làm vợ một con thú đội lốt người! Trời ơi, quả là điều

quá sức khủng khiếp, chỉ nghĩ đến thôi cũng đủ khiến tôi rùng mình rợn gai ốc, huống chi sự việc không sớm thì muộn sẽ phải đến. Không chết được, tôi đành trốn vào cứu cánh mong manh khác, tôi mong vết thương đừng lành, đừng bao giờ lành, tôi thà chịu đựng triền miên đau nhức, thế vẫn còn hơn.

Nhưng cuối cùng sự việc kinh khủng kia cũng tới. Đó là ngày tên y tá của nhóm Kháng chiến Miên tuyên bố tôi hoàn toàn bình phục. Điều đó cũng có nghĩa tôi phải thực sự lấy tên chỉ huy làm chồng.

Tôi lấy hắn làm chồng! Mãnh lực nào giúp tôi chịu đựng được điều kinh khiếp kia? Phải chăng ý chí sinh tồn, niềm khao khát sống còn nằm sâu dưới đáy tiềm thức là động cơ? Hay tại thái độ của hắn đối với tôi, một thái độ lạ lùng không ngờ, hoàn toàn ngược hẳn với những gì tôi từng chứng kiến suốt nhiều tháng lê lết theo bọn chúng. Hắn tàn bạo, khát máu và quyết liệt bao nhiêu với thuộc hạ thì đối với tôi lại trở nên nhu nhược, mềm yếu bấy nhiêu. Thêm hai tháng nữa từ ngày phải sống chung với hắn, tôi cương quyết từ chối không cho hắn đụng vào người. Tôi rắp tâm chống cự đến cùng, hy vọng hắn sẽ nổi điên và giết tôi. Giết tôi. Chết. Đó là con đường giải thoát duy nhất trong hoàn cảnh này. Nhưng lạ lùng chưa? Hắn kiên trì chịu đựng, tuyệt không tỏ một phản ứng hung bạo nào. Chẳng những thế, hắn còn ra lệnh cho thuộc hạ để tôi tự do đi lại trong phạm vi có thể được, và đồng thời cũng tạo cho tôi cái quyền uy của một đệ nhất phu nhân trên vùng giang sơn hắn đang cai trị. Vàng bạc, châu báu, của cải cướp được hắn giao trọn cho tôi quản lý, thậm chí nếu muốn, tôi có thể ra lệnh giết người này, trừng phạt kẻ kia. Nói chung, sau hắn, tôi là người có quyền hành cao nhất. Tất cả mọi hành động hắn làm, mọi lời hắn nói, chỉ để chứng minh với tôi một điều: Hắn yêu tôi, thực sự muốn có tôi làm vợ. Cũng cần nói rõ tám năm trước, nghĩa là vào thuở đó, tôi khá đẹp, bao nhiêu đàn ông từng điêu đứng, thậm chí có kẻ thân bại danh liệt vì nhan sắc tôi. Hắn yêu tôi, điều đó chẳng đáng ngạc nhiên. Hạng người như hắn, nếu ở trong hoàn cảnh bình thường, còn chưa xứng đáng xách dép cho tôi nữa là!

Nhưng phải chăng ký ức của chúng ta thường bội bạc, không có

khả năng lưu giữ lâu bền mọi ấn tượng, nhất là những ấn tượng khổ đau? Phải chăng đó là một hình thức vượt thắng để tự tồn của ý chí con người? Phải chăng bản chất của đàn bà hầu hết đều yếu mềm ủy mị, dễ bị quyến rũ lung lạc? Một đêm hắn quỳ dưới chân tôi, đầu gục vào thành giường khóc rưng rức. Hắn khóc! Một người như hắn, một con thú uống máu không biết tanh, một kẻ cuồng sát xem chuyện cắt cổ một đồng loại không hơn chuyện cắt cổ một con gà con vịt. Một người như thế lại đang quỳ dưới chân tôi, và khóc, ngon lành, tức tưởi, đau đớn. Tôi ngạc nhiên đến bàng hoàng. Hắn khóc, rất lâu, vừa khóc vừa nói - hắn nói được tiếng Việt nam, khá sành sõi - "Tôi thương em... Em hiểu không? Tôi thương em... thương em vô cùng... Tôi có thể làm bất kỳ chuyện gì để em vừa lòng, kể cả em bảo tôi chết, tôi cũng không từ nan... Chỉ xin em một điều.... đừng hất hủi tôi, tôi muốn có em làm vợ... Em phải biết tôi có toàn quyền trên sinh mạng em, tôi có thể giết em dễ dàng, nhưng tôi không muốn làm thế. Bởi vì... Tôi thương em... Tôi thương em..." Hắn nói, lê thê, bất tận, lặp đi lặp lại mấy tiếng "tôi thương em" "tôi muốn có em là vợ". Giọng hắn lơ lớ ngọng nghịu, âm thanh phát ra đứt rời từng quãng trong tiếng nấc bi thiết. Giữa bầu không khí tĩnh mịch rờn rợn của đêm rừng hoang vu, trong bóng tối mù lòa của định mệnh khốc liệt, giọng hắn nỉ non như vọng về từ một cõi âm nào, như lời cầu đảo mê hoặc của một gã phù thủy vào thời con người còn ăn lông ở lỗ. Tôi cố gắng bình tĩnh, tôi cố gắng phân định vị trí của hắn trong cuộc đời tôi. Tôi nhớ lại hình ảnh đứa bé mười ba tuổi hạ bộ máu me đầm đìa, tôi nhớ lại người đàn bà tan xác trong bãi mìn, tôi nhớ lại cô em gái có lẽ xác thân đã rữa nát dưới lớp lớp lá rừng ẩm mục, và những chiếc thủ cấp rơi rụng long lóc, những thân thể bầm dập với vòng thòng lọng siết quanh cổ, đong đưa trên các nhánh cây cao... Lý trí tôi không ngớt kêu gào, "Đừng nghe hắn, đừng để thứ ngôn ngữ của địa ngục kia dụ hoặc. Mầy chỉ có một chọn lựa duy nhất là chết đi... Chết đi... Chết đi...". Nhưng một tiếng nói khác, tiếng nói vo ve của tiềm thức cũng đang vỗ về ngon ngọt, "Qua bao nhiêu thảm kịch khổ đau, cuối cùng mầy vẫn còn sống. Mầy còn sống và sẽ còn có cơ hội vượt thoát, làm lại. Hãy xem như đây là một

tai nạn trong vô số những tai nạn mầy đã gặp. Nghe hắn đi, tạm bằng lòng với hắn đi. Điều quan trọng bây giờ không phải là phẩm giá, là thù hận, mà là sinh mệnh mầy. Sinh mệnh mầy, giữ được sinh mệnh là giữ được tất cả. Nghe hắn đi, tạm bằng lòng với hắn đi..." Đêm bên ngoài đen đặc, tiếng côn trùng nỉ non, gió luồn qua những tàn lá rậm, làm rụng hàng triệu giọt sương rào rào trên mái. Qua khe hở giữa mái lá và tấm phên tre, tôi nhìn thấy một ngôi sao vừa đổi ngôi, tia sáng xẹt nhanh, vẽ thành một đường lửa xé rách cái nền thăm thẳm của bóng tối. Hơi lạnh tràn ngập căn chòi, lãng đãng như khói nhạt, thấm vào da thịt. Tôi rùng mình thụt sâu vào góc tối. Hắn vẫn gục đầu chỗ thành giường, tiếp tục nỉ non kể lể.

Có tiếng gà eo óc vọng từ một góc rừng xa. Đêm sắp tàn.

Bao nhiêu tháng trời nay tôi sống thường trực trong trạng thái vật vờ mụ mẫm từ thể xác đến tinh thần, không đêm nào tôi ngủ yên quá hai tiếng đồng hồ, cứ vừa chìm vào giấc ngủ là lập tức ác mộng kéo đến. Tôi biết, nếu tình trạng này kéo dài, sẽ có ngày tôi cũng giống như cô em gái, lý trí sẽ vĩnh viễn từ bỏ tôi. Có thể đêm đó khả năng chịu đựng đã đến mức cực cùng, cũng có thể sức dụ hoặc của những lời van nài ma quỷ kia đã làm thần kinh tôi tê liệt, ý chí đề kháng triệt tiêu. Dù cố gắng tỉnh thức, cuối cùng tôi vẫn thiếp đi.

Cho đến ngày hôm nay, tôi vẫn không biết trong giấc ngủ nửa tỉnh nửa mê đó tôi đã tự nguyện trao thân cho hắn hay tôi bị cưỡng bức?

Tôi đã trao thân cho hắn? Sức người có hạn, nhiều tháng trời chứng kiến bao nhiêu thảm kịch. Cô bé bị hiếp đến chết. Người đàn bà tan xác trong bãi mìn. Đứa em gái vùi thây dưới lớp lá rừng. Những cảnh chặt đầu, hãm hiếp, cướp bóc, tra tấn man rợ... Tất cả đã làm đầu óc tôi tê dại mù lòa. Tôi trao thân cho hắn, như một cách đầu hàng nghịch cảnh.

Hay tôi bị cưỡng bức? Một người đàn bà yếu đuối như tôi, từ tinh thần đến thể xác đã suy kiệt cực cùng, làm sao chống đỡ nổi với một con thú hung hãn đang ngày đêm chực chờ vồ chụp?

Tôi không biết thật. Đừng nghĩ tôi muốn phủ lên câu chuyện một màu huyền hoặc để biện minh cho hành động buông thả của mình.

Ngày nay, đã hơn nửa đời người, trải qua bao nhiêu biến cố tai ương, tôi nghiệm thấy rằng trong cuộc đời này tất cả mọi chuyện, kể cả những chuyện tưởng chừng phi lý nhất, vẫn có khả năng xảy ra. Một điều nữa, khối óc nhỏ bé của chúng ta không phải lúc nào cũng kiểm soát được tất cả mọi hành vi của thân xác. Có bao giờ anh trải qua cái kinh nghiệm đi tìm một đồ vật nào đó, một bao thuốc lá chẳng hạn, khi nó đang nằm trong tay anh?

Nhưng tôi đã đi ra ngoài câu chuyện mất rồi...

Anh có tưởng tượng được không, lần trao thân (hay bị cưỡng bức) kia tôi tưởng sẽ khổ sở lắm, nào ngờ lại là lần xác thân tôi cảm nhận trọn vẹn nhất cảm giác khoái lạc cực cùng của hành động gối chăn. Nói ra điều này chắn chắn anh sẽ khinh tôi, sẽ nhờm tởm tôi. Khổ thay đó là một sự thật, chính sự thật này là nguyên nhân của chuỗi biến cố tiếp theo, kéo dài đến bây giờ.

Kể từ đêm hôm đó, tôi tiếp tục ăn nằm với hắn, và gần như lần nào tôi cũng đạt đến tột độ của khoái cảm, thật khác xa những lần chung chạ trước kia, qua những người đàn ông tôi từng yêu thương. Hắn có một sức mạnh hơn người, hắn hung bạo dẻo dai như một mãnh thú nhưng đồng thời cũng biết cách chiều chuộng nương đẩy để tôi dễ dàng đạt được mục đích. Tôi không thể yêu hắn. Làm sao tôi có thể yêu hắn, nhưng dần dần qua va chạm thân xác, tôi cảm thấy hắn thực sự cần thiết đối với tôi. Một thói quen của thú tính? Một hành vi nuông chiều bản năng bẩn thỉu? Tôi vẫn thường vấn tôi, và vẫn thường khinh bỉ xác thân nhơ nhớp của mình. Sau mỗi lần chung đụng, thần kinh tôi căng thẳng tột độ. Tôi cần hắn, điều đó đã quá rõ ràng, nhưng tôi không thể không nhờm tởm hắn, không thể không lợm giọng chính mình. Tôi vẫn còn sung sướng thỏa mãn được ư khi cái chết của cô em chưa nhòa tan trong ký ức, khi chung quanh tôi cảnh giết chóc dã man vẫn xảy ra như cơm bữa? Tôi đang là người hay đã biến thành cầm thú? Những câu hỏi, hàng trăm câu hỏi quay đi quay lại trong đầu hết ngày

này qua ngày khác, cũng hết ngày này qua ngày khác, tôi tiếp tục sống trong nhầy nhụa, đau đớn.

Cho đến ngày tôi biết mình có thai. Ban đầu tôi dấu hắn, định phá. Nhưng sau đó tôi nghĩ lại, thấy đời mình thôi chẳng còn gì, tội không có hy vọng ra thoát chỗ này, mà ở lại thì chết không dám chết, sống, hôi thối như một bãi phân. Tôi sợ một ngày nào chút nhân tính còn lại trong tôi rồi cũng sẽ bị điều kiện hóa giữa đám súc sinh kia. Biết đâu đứa con sẽ giúp tôi hồi phục? Bám vào hy vọng đó, tôi quyết định giữ đứa con. Khi nghe tôi báo tin có thai, hắn sững người một lúc lâu, bỗng bất chợt quỳ mọp dưới chân tôi, úp mặt vào hai bàn chân tôi, và giống như đêm nào, hắn bật khóc, nức nở, tuôn trào. Lần trước hắn khóc vì bị chối từ, vô vọng, nhưng lần này, tôi hiểu, đó là tiếng khóc của một sinh vật đã đạt đến cực cùng của niềm sung sướng. Dù sao, thái độ của hắn cũng khiến tôi bồi hồi cảm động.

Quả thế, tôi hồi sinh thật sự từ ngày đứa bé chào đời. Lần đầu tiên tôi cảm nhận được sự thiêng liêng của tình mẫu tử, lần đầu tiên tôi khám phá ra ý nghĩa sâu thẳm kỳ bí của cuộc đời. Tôi từng đi qua những cánh rừng bị cày nát, cháy rụi bởi bom đạn, khắp một vùng rộng ngổn ngang than củi, tưởng chừng không một sinh vật, thực vật nào có thể sống còn, vậy mà chỉ sau một đêm mưa, sáng ra đã thấy trồi lên trên lớp tro than kia vô số những mầm xanh mơn mởn. Kỳ diệu thay sức sống dũng mãnh của muôn loài. Đứa bé đã ra đời, cái mầm xanh vô tội kia đã trồi lên mặt đất, bất chấp môi trường, thổ ngơi khắc nghiệt, cái mầm xanh sẽ vượt cao uy nghi hay tàn lụi héo úa? Có lẽ tôi phải làm một cái gì đó cho đứa nhỏ, nhân danh đứa nhỏ, khởi đi từ người cha tội lỗi, khởi đi từ chút nhân tính sót lại trong tôi.

Tôi bắt đầu quan tâm đến hắn và cố gắng không xem hắn như một kẻ thù. Ấn tượng về cái chết của cô em gái vẫn còn đậm nét trong tôi, nhưng tôi tự nhủ, mỗi người sinh ra với một định mệnh, định mệnh của em tôi là thế, đành phải thế. Hắn nữa, nếu không có những biến động bi thảm xảy ra trên quê hương hắn, nếu không có những thù hằn truyền kiếp giữa hai dân tộc, chắn chắn hắn đã không ở đây, không trở nên hung tợn khát máu. Trải qua hàng triệu triệu năm trên trái đất,

con người đi từ chỗ ăn lông ở lỗ dã man, dần dần tự điều chỉnh để tiến đến chỗ toàn thiện, nhưng tận thâm sâu trong mỗi con người, đều mai phục nguyên vẹn thú tính nguyên thủy. Cho nên học điều tốt lành, rất khó, ngược lại, tập làm điều ác lại vô cùng dễ. Lần đầu tiên nhúng tay vào máu tay có hơi run, lần sau, lần sau nữa... Cảm giác run sợ mất dần, để đến một lúc nào hành vi giết người trở thành bình thường như mọi hành vi có tính cách sinh lý khác. Cứ thế, hận thù tạo ra hận thù, hắn bị cuốn vào vòng quay khắc nghiệt của trò chơi đẫm máu, không phương tháo gỡ và cũng chẳng muốn tháo gỡ. Nhưng nếu hắn còn biết thương yêu tôi, còn biết nâng niu đứa nhỏ thì trong hắn hẳn vẫn còn tiềm tàng cái nhân tính của một con người, tại sao tôi không giúp hắn đánh thức cái nhân tính kia dậy?

Từ đó, tôi trực tiếp tham dự vào những hoạt động của hắn. Bằng quyền lực của một người đàn bà đang được thương yêu nể trọng, tôi kiềm chế bớt những hành vi bạo tàn hắn và đồng bọn đang làm. Những cảnh chém giết, cướp bóc, hãm hiếp bớt đi, hắn trở nên hiền lành hơn, nhân đạo hơn. Nhiều sinh mạng được cứu sống, nhiều bi kịch đã không xảy ra. Tôi vẫn còn đau khổ, ước muốn trốn thoát khỏi chốn địa ngục này vẫn ngày đêm rực cháy, nhưng lòng tôi, tâm tôi có phần yên bình hơn. Ít ra, bên trong cái thân xác tanh tưởi này, vẫn còn có một trái tim.

Khổ thay, tôi càng cảm hóa được hắn, càng đưa hắn xa dần tội lỗi thì quyền uy của hắn đối với thuộc hạ cũng mất dần đi, mầm mống đảo chánh manh nha. Tôi đã nói, buông thả thú tính để nó tự do thao túng thì quá dễ, khống chế được nó mới là điều khó. Nhóm thuộc hạ của hắn đã quá quen với máu tanh và xác chết, chúng như những con thú rừng bị nhốt vào cũi sắt, đang lồng lộn tìm cách phá sập chướng ngại để thoát ra.

Hắn và tôi nhìn thấy điều đó.

Tôi sợ.

Một hôm tôi nói với hắn, "Chúng ta nên rời bỏ nơi này, tôi linh tính nếu còn ở đây, sẽ có ngày cả ba bị giết mất thôi". Tôi đang du hắn

vào một chọn lựa quyết liệt. Thật ra, để lấy lại uy quyền hắn từng có với thuộc hạ là chuyện dễ dàng, hắn cứ việc làm ngơ cho bọn chúng tha hồ tung hoành và áp dụng lại những hình thức kỷ luật sắt máu như lúc trước thì trật tự sẽ được tái lập ngay. Nhưng vì yêu tôi, và qua tôi, hắn thực sự nhận thấy tất cả những hành vi hắn đã làm trong dĩ vãng quả đã đẩy hắn đi quá xa với những đức lý sơ đẳng nhất của một con người, vả lại hắn hiểu hơn ai hết rằng nếu hắn trở lại con đường cũ, tình cảm tôi bắt đầu có với hắn sẽ trở về con số không. Với hắn bây giờ, đó là điều đáng sợ nhất, đáng sợ còn hơn cái chết. Và nếu rời nơi này, hắn sẽ thế nào? Đã quen với quyền lực, người ta không dễ dàng rũ bỏ đột ngột, hơn nữa, còn chỗ nào để hắn dung thân? Tôi gợi ý, "Anh ra đầu thú đi". Hắn lắc đầu, "Không được, anh đã gây quá nhiều nợ máu, để gì bọn chúng để anh sống". "Hay chúng ta vượt biên giới qua Thái Lan". "Càng nguy hiểm hơn, tụi Thái căm thù anh chẳng thua bọn chính quyền ngoài kia, chết là cái chắc". Tôi tuyệt vọng, "Vậy chẳng lẽ ở đây chờ thuộc hạ anh cắt cổ?" Sau một đêm thức trắng, cuối cùng hắn đã đi đến một quyết định không ngờ, cái quyết định, cho đến bây giờ, tôi vẫn nghĩ rằng nếu không bắt nguồn từ một tình yêu vô giới hạn, chắc chắn sẽ không thể nào có được. Hắn nhìn tôi, nhìn đứa nhỏ đang ngủ vùi trong lòng tôi, viền mi dài cụp xuống, đen mướt, chiếc miệng đỏ au, đôi gò má bụ bẫm ửng hồng, hai bàn tay nắm chặt như hai mụn măng thò ra ngoài chiếc khăn lông sặc sỡ màu mè, đôi mắt hắn chan chứa yêu thương nhưng giọng nói đanh thép, quả quyết "Anh sẽ đưa hai mẹ con đến biên giới Thái". "Rồi làm thế nào anh thoát khỏi tay bọn chúng. Anh không sợ chúng sao?" "Em và con đi thôi. Anh sẽ trở về". Trong nhất thời tôi không biết phải xử trí thế nào trước quyết định bất ngờ của hắn. Tôi nghĩ đây là cơ hội nghìn năm một thuở giúp tôi vượt thoát khỏi chốn địa ngục tăm tối này. Nhưng... nhưng... có một điều gì vừa trào lên trong lòng tôi, một thứ tình cảm mù mờ chưa thể định được hình thù. Tôi muốn có hắn cùng đi chăng? Tôi yêu hắn rồi ư? Có thật sự tôi yêu hắn không? Bắt đầu từ bao giờ? Bỗng nhiên tất cả mọi biến cố đã đến với tôi trong hai năm trời vừa qua như một cuốn phim câm, chạy nhanh qua đầu, từ cái chết của đứa em gái, đến những ngày đau đớn tuyệt vọng, rồi những van nài khẩn thiết của hắn, sự buông thả đầu hàng của

tôi, lòng yêu thương vô bờ hắn dành cho hai mẹ con, và sự hòa hợp kỳ lạ giữa tôi với hắn trong lãnh vực gối chăn... Tất cả ùn ùn dấy lên... Tôi ngước nhìn hắn, nhìn thật lâu con người dù đã hai năm chung sống ăn nằm, dù đã có với nhau một đứa con nhưng chưa lần nào tôi có ý niệm rằng đó là một người chồng. Tôi bỗng bật nói, "Anh đi với em". Câu nói vừa thoát ra khỏi miệng tôi mới nhận thấy lần đầu tiên sau hai năm trời tôi xưng với hắn bằng "em". Có lẽ hắn cũng nhận ra điều đó, hắn chồm tới, ôm siết mẹ con tôi giữa hai cánh tay rắn chắc, lắc đầu, "Không được, anh không sợ chết nhưng sợ sẽ liên lụy đến em và con". "Ở lại chốn này anh sẽ rơi vào con đường cũ..." "Em yên tâm, đi đâu anh chưa biết nhưng nhất định không bao giờ trở lại nếp sống đó, anh hứa". Hắn cúi xuống hôn lên trán đứa nhỏ, tiếp, "Anh không muốn con và em tiếp tục khổ sở vì anh. Em và nó xứng đáng có một cuộc sống khá hơn, qua được đất Thái, em đưa con đi Mỹ, sau này hy vọng nó sẽ trở thành người tốt. Em làm được điều đó, dẫu chết anh cũng vui".

Cuối cùng tôi bằng lòng để hắn đưa qua đất Thái, chúng tôi có với nhau một ước hẹn, hắn còn một người em gái đang sống tại Nam vang, dù ở đâu, làm gì hắn cũng sẽ giữ mối liên lạc với người em gái này. Nếu đến được đất Mỹ, tôi sẽ liên lạc với hắn qua cô ta, và "biết đâu định mệnh sẽ còn có lúc run rủi cho chúng ta lại gặp nhau". Hắn nói, tôi nhìn thấy trong đôi mắt hắn sáng lên một tia hy vọng. Vâng, biết đâu... Tôi cũng đang nhủ thầm với rất nhiều hoang mang.

Chúng tôi không gặp trở ngại nào suốt quãng đường từ căn cứ đến biên giới. Bên này lằn ranh phân chia hai lãnh thổ là vùng của quân kháng chiến. Mật khẩu, đường đi nước bước hắn quá rành rẽ. Mọi chuyện đều trót lọt êm xuôi cho đến ngày cuối cùng trước khi chia tay. Chúng tôi đứng trên một gò đất cao, hắn đưa tay chỉ, phía sau cánh rừng kia là trại đóng quân của lính biên phòng Thái lan, "Vượt hết cánh rừng em lọt vào đất Thái, từ đó, bọn chúng sẽ đưa em về trại tị nạn". Hắn nói, giọng cố làm ra vẻ bình tĩnh nhưng tôi hiểu trong lòng hắn ruột gan đang quặn thắt từng cơn. Tôi cũng chẳng hơn gì. Anh có tin không, cho đến lúc con đường giải thoát hiện ra sờ sờ trước mắt, tôi lại thầm mong một biến cố nào đó sẽ đến, đẩy chúng tôi trở về lại căn cứ?

Điều này nghe có vẻ phi lý nhưng đó là một sự thật. Phải ở trong hoàn cảnh tôi lúc này, may ra anh mới thấu hiểu.

Kỳ quặc thay, biến cố đến thật.

Một đơn vị biên phòng Nam vang phát hiện ra chúng tôi. Tiếng súng đầu tiên khiến tôi giật bắn người, sẩy chân lăn lông lốc từ đỉnh xuống chân gò. Cũng may, tôi chỉ té ngã một mình, suốt quãng đường từ căn cứ đến đây, tôi vì cái chân thọt đi đứng khó khăn nên hắn giành bế đứa nhỏ. Khi tôi gượng đứng dậy được thì tiếng súng đã vang dội quanh gò đất. Hai năm sống với hắn, thường xuyên va chạm với súng đạn nên tôi không quá sợ hãi như lần đầu bị bắt, đồng thời cũng đã có chút kinh nghiệm "chiến trường". Tôi bật nhanh dậy, khom người chạy theo hình chữ chi, lủi biến vào khu rừng phía trước. Tiếng súng không đuổi theo tôi mà bắn về hướng ngược lại. Tôi biết mình đã thoát, chỗ tôi đang đứng là phần đất của Thái lan. Nhưng cùng lúc trong tôi một niềm hoảng sợ dấy lên, không xong rồi, hai cha con đang bị truy kích. Liệu hắn có mệnh hệ nào chăng? Và đứa nhỏ, trời ơi, đứa nhỏ, phải làm sao? Tôi ngồi dựa vào một gốc cây, bật khóc. Nếu hắn bị bắn, nếu đứa nhỏ... Tôi không dám nghĩ tiếp. Nỗi sợ hãi càng lúc càng tăng khi tiếng súng tiếp tục chát chúa phía bên kia gò đất.

Tôi đứng lên, định quay lại hướng cũ thì chung quanh đã lao xao tiếng người. Lính Thái xuất hiện...

Qua một buổi hỏi cung, bọn Thái xác nhận tôi thuộc thành phần vượt biên đường bộ. Dù đau đớn hoảng loạn đến tê liệt hồn xác vì biến cố vừa xảy ra nhưng tôi cũng còn đủ sáng suốt để ngụy tạo một chuyến vượt rừng có lớp lang hữu lý. Hai ngày tạm trú tại căn cứ biên phòng, họ đưa tôi đến trại tị nạn, và một năm sau, được xếp vào diện có cha thuộc thành phần quân nhân của chế độ cũ, tôi lên đường đi định cư.

Trong thời gian còn ở trại tị nạn tôi đã nhờ một người Miên viết thư cho cô em hắn, thư gởi đi quá nhiều nhưng tất cả đều rơi vào hư vô. Qua Mỹ, tôi tiếp tục viết nữa, mãi nửa năm sau, tình trạng tưởng chừng đã hoàn toàn tuyệt vọng thì hồi âm đến. Té ra tên đường phố và địa chỉ đã thay đổi, do một tình cờ may mắn, cô em hắn có quen với một nhân viên bưu điện, người này đã báo cho cô ta biết. Nhưng mọi

tin tức tôi có được về hắn qua cô em gái đều hết sức mù mờ, cô ta nói khoảng hai năm trước hắn có nhắn tin về, cho biết vẫn còn sống nhưng không nói thêm đang ở đâu, sinh sống thế nào, với ai. Chính người đưa tin cũng chỉ nhận tin qua một người khác. Tôi đã gởi cho cô em hắn nhiều đợt tiền, một phần cho cô ta, một phần nhờ cô dùng số tiền đó làm phương tiện truy tầm tung tích hắn. Nhiều năm trôi qua, tình hình vẫn chẳng sáng sủa hơn, tin tức liên quan đến hắn hầu hết đều "nghe người ta nói". Bỗng một năm trở lại đây tôi mất liên lạc với cô em hắn. Thêm một lần đổi tên đường nữa chăng? Hay cô ta đã dọn đi nơi khác? Hay bị phát hiện có liên lạc với loạn quân? Chính tình trạng hư hư thực thực này đã khiến tôi không lúc nào không nghĩ đến hắn và đứa con xấu số. Càng nghĩ đến hai cha con, càng nhớ lại thời kỳ chung sống với hắn, những thương yêu hắn đã dành cho tôi, sự hy sinh can trường khi hắn quyết định đưa hai mẹ con qua biên giới, tôi càng cảm thấy hắn gần gũi gắn bó với tôi quá đỗi. Bản chất con người vốn tham lam, không bao giờ bằng lòng với cái đang có, ước mơ của chúng ta luôn luôn vượt quá thực tế và chẳng chịu ngừng lại ở bất cứ điểm mốc nào, bao giờ chúng ta cũng nghĩ sẽ còn có thể tiến xa hơn, cao hơn. Cho đến một lúc chợt quay đầu nhìn lại mới bàng hoàng nhận ra, mọi nỗ lực tìm kiếm rồi cũng không đưa đến đâu, và cái hạnh phúc ngày hôm qua chúng ta vừa chối từ rũ bỏ, sẽ trở thành niềm tiếc nuối khôn nguôi. Sáu năm sống trên đất nước này, tôi nhận ra một điều: Ở đây tôi có được rất nhiều thứ, duy chỉ có một điều tôi tìm mãi không ra, đó là tấm lòng của con người đối với con người. Càng nhìn thấy sự nhạt nhẽo của tình người trên vùng đất mới tôi càng thấy lòng mình nghẹn ngào khi nghĩ đến hắn. Hắn, một tên thổ phỉ khát máu, một loại thú hoang sống tối tăm hoang dã giữa chốn rừng già thâm u, nhưng bên dưới cái bề mặt nhầy nhụa tội lỗi đó, vẫn lấp lánh vô vàn điểm sáng của nhân cách con người. Ở đây người ta tỏ ra thương xót bảo vệ tới từng cọng cỏ nhánh cây, người ta rao giảng triệu triệu lời tương thân tương ái tốt lành, nhưng người ta cũng có thể thản nhiên giết nhau, đày đọa nhau, chà đạp nhau một cách thật tàn nhẫn, chỉ có điều người ta đã hành động một cách khéo léo hơn, tinh vi hơn, và dĩ nhiên, văn minh, hoa mỹ, hợp pháp hơn!

Anh thấy, làm sao tôi có thể sống yên ổn với tâm trạng rối bời này?

Nói thật với anh, tôi sắp quay về chốn cũ, để cùng hắn tìm đến một góc rừng hoang vu nào đó, sống nốt cuộc đời còn lại, xa lánh hoàn toàn những bon chen, những hận thù. Nửa tháng nay tôi đã suy nghĩ rất nhiều, tôi thấy không còn con đường nào cho tôi trong tương lai ngoài cách trở về. Vâng, tôi sẽ trở về, tôi đã quyết định. Một tuần nữa tôi lên đường, giấy máy bay đang nằm trong ví tôi.

Tôi về, trước tiên trở lại quê hương thăm bà con họ hàng, sau đó sẽ qua Nam vang tìm cô em gái của hắn, và từ đó truy tầm tung tích hai cha con.

Này anh, nhờ anh xem giúp hộ tôi, liệu tôi có tìm ra hắn không? Liệu tôi có gặp được con tôi không?

LÊ GIANG TRẦN

nhớ người tháng tám

Gió đưa trăng xuống ven trời
Ai đưa em xuống phố đời bên kia?
Tôi bên đây biển chia lìa
Như chim xa nhớ về bìa rừng non
Đêm mai tháng tám trăng tròn
Ngỡ trong tim úa thu hờn lá rơi
Nhớ người thắm tuổi đôi mươi
Nhớ tôi bạc một mái đời ngây ngô
Thương mình đỏ rực tuổi thơ
Thương người xanh thẳm hai bờ thẳm xanh
Giữa thu trăng lả trên cành
Nhớ người. Tháng tám. Nhớ thành nhớ tôi

PHẠM ĐÌNH CƯỜNG

trong trí nhớ cuồng thâm

*

Ta vọng cuồng thân thế
Những giọt đời trổ bông
Kỷ niệm rồi hoang phế
Như năm tháng theo dòng

Ta, ngồi đếm tuổi đời
Với vết thương trầy trụa
Em, chỉ có một thời
Vui phấn son là lụa

Rồi yêu thương cũng hết
Rồi tình đời phôi pha
Rồi cuồng si sẽ chết
Ta còn gì trong ta?

Em, chui núc thiệt thòi
Trong quãng không tuyệt vọng
Ta, loay hoay một đời
Nơi trần gian lồng lộng

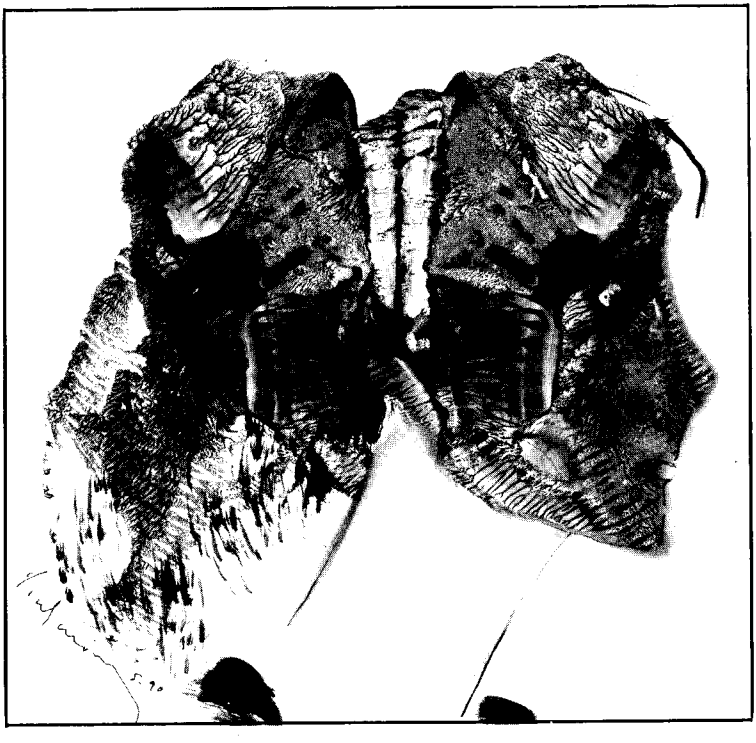

Phụ bản Đinh Cường

VŨ HẠ

tự hỏi

*

Dấu chân nào trên cát
Nhạt nhòa lúc chiều tan
Dòng sông nào tươi mát
Chảy trong hồn trăm năm

Em trở về theo mộng
Mùa xuân trên má thơm
Môi hồng một đường nắng
Biển đêm hai mắt tròn

Mưa bay qua rất vội
Còn giữ chút long lanh
Giọt ngủ trong tóc rối
Ru bài tình ca câm

Mặt trời mọc sáng nay
Sao bình minh tối đen?

RAYMOND CARVER

MAI KIM NGỌC phỏng dịch

căn nhà của ông tá

*

Lời dịch giả: *Raymond Carver sinh năm 1939 tại Clatskanie, tiểu bang Oregon. Sinh sống ở Port Angeles tiểu bang Washington, và qua đời ở đó năm 1988. Mặc dù chết trẻ, ông đã thành công lẫy lừng trong văn nghiệp (National Endowement for the Arts Grants; Mildred and Harold Strauss Living Award 1983; Livinson Prize, tuần báo Poetry 1985; Hội viên American Academy and Institute of Arts and Letter 1988; Tiến sĩ Văn chương, Harford University 1988; Brandeis Citation in Fiction cũng năm 1988).*

Tác phẩm của ông đã được dịch ra trên hai mươi thứ tiếng. Chỉ tiếc ông chết yểu nên đã không có dịp được những phần thưởng xứng đáng hơn như giải Nobel Văn học.

*

Carver viết về những cảnh đời tầm thường ở Mỹ vào thập niên 80, về những khu xóm hạ, trung lưu, kiến trúc một kiểu, nhà nào cũng giống nhà nào, láng giềng tọc mạch soi mói, góc phố là những tiệm hàng hóa rẻ tiền và phổ thông, những siêu thị bình dân, những quán hot dogs hay hamburgers...

Thế giới truyện ông là thế giới của những con người tầm thường, những công nhân xưởng máy, những người thợ bán (Salesman), những cô thư ký đánh máy, những cô bồi bàn ở các tiệm ăn bình dân. Nhân vật nam làm việc quần quật quanh năm, lúc nào cũng lo tiền nhà, tiền điện nước, tiền xe, và mơ ước lớn nhất là một chuyến đưa vợ con đi

Hawaii nghỉ hè mà ít khi làm được. Họ sống trong bấp bênh, lúc nào cũng có thể bị sa thải, lúc nào cũng phải lo tìm việc mới.

Đàn ông tìm trong men rượu chút thư thái cuối ngày, cho đến khi quá đà, họ trở thành nghiện. Và tiếp theo, là mất việc, là vào bệnh viện cai rượu, là ly dị, là tự vận...

Đàn bà là những thiếu phụ lâu lắm đã có hồi xinh xắn nhí nhảnh, nhưng nay đã béo bệu, bì xì, tuần ba bốn buổi đi làm bồi để kiếm thêm chút đỉnh cho gia đình. Họ không còn ảo tưởng về cuộc sống, thậm chí dù một chút ảo tưởng nhỏ nhoi. Họ rán sống, rán tổ chức một đời sống cho bản thân, cho chồng con, với phương tiện vô cùng giới hạn, với một người chồng ít học ít lợi tức, có khi lại nghiện ngập... Nhưng không phải bao giờ họ cũng thành công, tần tảo nuôi chồng nuôi con, như trong huyền thoại lý tưởng. Ngoại tình hay ly dị được đề cập tới một cách không kiêng kỵ trong tiểu thuyết của Carver.

Thảm hơn nữa, nhân vật của Carver chấp nhận cảnh sống ấy một cách bình thường, không than thân trách phận, không nhiều lời, không triết lý... Thậm chí hình như cũng không cho là mình khổ nữa... Có vẻ họ thấy cuộc sống nó là như vậy, và họ tiếp tục sống.

*

Đọc Carver, cảm giác đầu tiên là choáng váng, choáng váng vì cái đen tối của những cảnh đời ông tả. Mấy người Mỹ này khổ quá.

Lát sau, ta lại càng thấm thía hơn khi thấy cái khổ này không dành riêng cho mấy người Mỹ hạ, trung lưu của Carver... Văn của Carver thật quá làm ta thấy những nhân vật không còn là Mỹ nữa, không còn hạ, trung lưu nữa, mà có thể là bất cứ ai. Họ quen thuộc lắm, có thể là những người rất gần ta, hay trên một vài bình diện có thể có một chút ta trong đó...

Nhưng nếu chỉ ghi lại cái xấu cái đen tối chưa có nghĩa là đã tạo được những áng văn chương tuyệt tác. Carver không giống nhiều văn sĩ khác, khi tả những cảnh đời khốn khổ nhất, những vai nữ độc ác hay dâm dật nhất, những vai nạm tàn bạo hay đê hèn nhất, hay ghi được cái

đói nhất, cái lạnh nhất... đã tự đắc xoa tay mãn nguyện, tự cho là đã trở thành đại văn hào. Tác phẩm của Carver công phu hơn thế nhiều lắm.

Tôi nghĩ Carver chủ tâm dựng ra cái xấu, không phải để vinh hiển cái xấu, mà để xem trong những nghịch cảnh như vậy tâm hồn con người biểu lộ như thế nào.

Và Carver đã thấy gì qua những cảnh đời xấu xa đó? Ông đã kể lại những gì? Kỳ chưa, cái mà Carver kể lại cho ta về cuộc sống, về con người, không hẳn bao giờ cũng xấu, mà có khi lại rất lạ và rất đẹp. Là sự sống có một khả năng hồi sinh mãnh liệt, có một khả năng tái tạo vô song. Sự sống có thể có những lúc đen tối, nhưng không bao giờ mảnh dẻ. Sự sống khỏe mạnh và bền bỉ lắm.

*

Nhưng không phải cứ việc tích cực đề cao sự sống, đề cao hy vọng, đề cao tình người là tạo được một tuyệt tác. Người viết có quyền chọn lựa làm ông thiện hay ông ác, nhưng có bổn phận phải viết hay, nếu muốn tạo ra những tác phẩm có giá trị. Và Carver viết rất hay.

Văn phong của Carver rất đặc thù, và tất nhiên là rất điêu luyện. Ngôn ngữ ông dùng vô cùng giản dị, lấy ngay từ ngôn ngữ thông dụng hàng ngày. Tuyệt đối không có những từ trừu tượng, bóng bẩy, triết học, hay trữ tình. Vậy mà khi cần, văn ông vẫn đủ những nét ấy.

Một nét nữa tôi thích ở Carver, là ông kính trọng độc giả. Không có vụ cắt nghĩa cho độc giả là tác giả muốn nói như thế này khi tả cảnh như thế nọ, hay nhân vật cư xử như thế kia là vì cảm thấy như thế ấy. Không có những đoạn đại loại như "Chàng móc thuốc lá ra hút, vì mỗi khi người ta không biết nói gì thì châm điếu thuốc là giải pháp hữu hiệu muôn đời".

*

Tóm lại, lâu lắm tôi mới đọc được một tác phẩm hay như của Carver. Và tôi thích lắm, thích đến chỗ vờ đi không muốn nói đến mục khuyết điểm, như một người bình sách có bổn phận phải làm.

Tất nhiên là kim cổ không thiếu gì kỳ thư. Nước nào cũng cả tá tác giả lớn, ngôn ngữ nào cũng có cả trăm kiệt tác. Nhưng với những tác

phẩm đã đọc trước kia, không ít thì nhiều tôi phải cố gắng tự đặt mình vào khoảng không gian, vào khoảng thời gian của cuốn truyện mới lãnh hội được.

Với Carver thì không có như vậy. Và tôi nghĩ Carver là một tác giả hay lắm của thế kỷ 20, viết với văn phong và suy tư của thế kỷ 20, cho độc giả thế kỷ 20 thưởng lãm. Khi đọc truyện của Carver, sự thích thú hoàn toàn trực tiếp và hồn nhiên, không đòi hỏi hoán đổi không gian hay thời gian mới liên hệ được với tác giả.

Mùa hè năm ấy, Tân thuê một căn nhà có sẵn đồ đạc ở vùng bắc Eureka. Chủ nhà là một người mới cai rượu tên Tá. Thuê nhà xong, Tân gọi điện thoại cho tôi, muốn tôi bỏ hết mọi chuyện dọn lên với anh. Tân cho hay là anh cũng đang cai rượu. Tôi biết vụ cai rượu của anh, cai rồi uống uống rồi cai, đã bao lần rồi. Nhưng tôi từ chối thế nào anh cũng không nghe.

Ít ngày sau, anh lại gọi. Anh nói Yến này, nghe anh này, nhà anh có cửa sổ lớn trông ra biển. Lại có mùi muối trong gió nữa. Tôi nghe giọng anh không thấy lè nhè như những lần say sưa trước kia. Tôi nói anh để em nghĩ đã.

Và tôi suy nghĩ nhiều lắm. Tuần sau anh lại gọi. Thế nào, em có dọn lên với anh không? Tôi lại nói tôi còn đang nghĩ. Anh nói, em à chúng mình sẽ bắt đầu lại từ đầu. Tôi nói nếu em lên, anh phải chiều em một chuyện. Anh nói công chúa của anh cứ việc ra lệnh. Tôi bắt anh hứa là anh phải giống lại như anh Tân của tôi thuở nào. Anh Tân của tôi trong kỷ niệm. Anh Tân mà tôi đã lấy làm chồng. Nghe tôi nói, anh khóc trong điện thoại, và tôi nghĩ khóc như vậy chắc phải thành tâm. Và tôi nói, muốn em nhiều như vậy thì em dọn lên với anh.

Tân vừa đoạn giao với cô nhân tình, hay cô ấy bỏ rơi anh, thực ra tôi không biết. Mà tôi cũng không cần biết. Dọn lên với Tân, tôi đã phải đoạn tuyệt với người bạn trai đang chung sống với tôi.

Bạn trai tôi bảo em lầm rồi. Em cũng đừng đối đãi với anh như vậy. Em đi đã vậy, nhưng còn chuyện chúng ta? Tôi nói tôi phải đi,

Tân cần tôi, Tân đang cai rượu. Tôi bảo bạn trai tôi là chắc anh còn nhớ cai rượu nó khổ như thế nào. Bạn trai tôi nói nhớ chứ, nhưng vẫn không muốn tôi đi. Tôi nói tôi chỉ đi mùa hè thôi, hết mùa hè sẽ tính lại. Bạn trai tôi nói thế còn anh thì em quẳng đi đâu? Rồi bạn trai tôi bảo, đã đi thì đi luôn, đừng có về nữa.

*

Mùa hè đó, Tân và tôi uống cà phê, uống nước ngọt, uống đủ mọi thứ nước trái cây. Chỉ có rượu là nhất định không uống. Cả mùa hè hai vợ chồng chỉ uống có vậy. Tôi bỗng mơ ước là mùa hè đừng bao giờ hết. Lẽ ra tôi không còn cả tin đến thế, nhưng sau một tháng sống lại với Tân trong căn nhà của ông Tá, tôi lấy nhẫn cưới cũ ra đeo. Hai năm nay tôi đã không đeo nó, kể từ đêm hôm đã lâu, một lần say rượu, Tân tháo chiếc nhẫn của anh và ném tít vào vườn đào.

Tân có chút ít tiền, nên tôi cũng không phải lo chuyện mưu sinh ngay. Vả lại ông Tá cho Tân thuê nhà với giá rẻ mạt, kể như cho ở không. Chúng tôi không có điện thoại. Chỉ có tiền điện nước là phải trả. Đi chợ thực phẩm thì hai đứa tìm mua những món hàng đang bán hạ giá.

Một hôm chủ nhật, Tân đi mua ống nước tưới cỏ, mang về tặng tôi một cái mũ rơm và một bó hoa cúc vạn thọ. Tối thứ ba mỗi tuần chúng tôi dẫn nhau đi xi nê. Những tối khác, Tân đi họp với đám bạn đang cai rượu. Ông Tá thường mang xe lại đưa đón tận cửa.

Thỉnh thoảng hai vợ chồng tôi đi tới mấy hồ nước ngọt trong vùng câu cá. Chúng tôi ngồi ở bờ hồ câu, có khi cả ngày chỉ được vài con cá nhỏ. Tôi nói nhỏ cũng tốt, và đem về rán hai vợ chồng ăn bữa tối ngon lành. Có khi tôi trải tấm mền trên bờ hồ, nằm ngả lưng bên cạnh anh, lúc thiu thiu ngủ mơ hồ thấy mây trắng từng đám tít trên trời cao lững thững trôi về thung lũng bên kia núi. Đêm xuống, Tân hay ôm tôi vào lòng, hỏi tôi có còn là người yêu bé bỏng ngày xưa của anh không.

Con cái chúng tôi ở xa. Con Chương sống với một gia đình nông dân ở Oregon. Nó chăn dê lấy sữa bán. Nó còn nuôi ong lấy mật. Nó có đời sống riêng của nó, và tôi cũng không trách con. Bố mẹ làm gì

nó cũng mặc, miễn là đừng liên lụy đến nó. Thằng Bình thì ở Washington làm nghề trồng cỏ cho súc vật ăn. Hết mùa cỏ, nó đi hái táo. Nó đã có bạn gái, hai đứa sống chung, và đang dành dụm. Tôi viết thư cho con, mỗi lần ký tên bao giờ cũng viết thêm mấy chữ mẹ thương con lắm.

*

Một hôm Tân đang nhổ cỏ dại ngoài vườn thì ông Tá lái xe đến trước nhà. Tôi đang ở trong bếp, bên chậu rửa bát. Tôi còn nhớ rõ ràng quang cảnh hôm ấy. Tôi thấy chiếc xe cà cộ của ông Tá chạy vào cổng. Sau chiếc xe là con đường rẽ từ xa lộ vào, bên kia xa lộ là mấy cồn cát và biển xanh. Ông Tá bước ra khỏi xe. Ông kéo chiếc quần xệ lên. Tôi linh tính là sẽ có chuyện. Tân đang làm vườn, dừng tay đứng dậy. Tân đang đeo đôi găng làm vườn, đầu đội mũ vải. Anh trật mũ ra rồi đưa cườm tay lên chùi mặt. Ông Tá bước tới. Ông ôm vai anh. Anh tháo một chiếc găng tay ra. Tôi bước ra cửa. Tôi loáng thoáng nghe thấy ông Tá nói ông rất lấy làm tiếc, tiếc lắm, nhưng ông ấy muốn anh trả nhà cuối tháng này. Tân tháo nốt chiếc găng còn mang nơi tay kia.

Anh nói tại sao vậy, anh Tá? Ông Tá nói con gái ông ta, đứa con gái mà tôi nghe nói Tân hồi còn rượu chè vẫn gọi là con Linh Mập, đang cần chỗ ở. Ông Tá bảo với anh thằng chồng con Linh cách đây mấy tuần lấy tầu đi câu cá rồi biệt tích luôn. Con Linh là ruột thịt của tôi, ông Tá nói với Tân. Nó vừa mất chồng, con nó vừa mất bố. Tôi không giúp sao đặng. May mà tôi còn có phương tiện để giúp nó, ông Tá lại nói. Tôi rất tiếc, anh Tân à, buộc lòng tôi phải để anh dọn đi. Ông Tá lại ôm lấy vai Tân, rồi lại kéo quần lên, và sau cùng chui vào chiếc xe cà cộ lái đi mất.

Anh bước vào nhà. Anh buông mũ và găng xuống thảm, rồi ngồi xuống chiếc ghế bành. Tôi bỗng ghi nhận là cái ghế bành anh đang ngồi là của ông Tá. Cũng như cái thảm dưới đất cũng là của ông Tá. Mặt anh nhợt nhạt. Tôi rót ra hai tách cà phê, và đưa một tách cho anh.

Tôi nói, không sao đâu anh. Anh đừng bận tâm. Tay cầm tách cà phê, tôi ngồi xuống chiếc sofa của ông Tá.

Anh lại nói, chỉ tại con Mập tới ở mà vợ chồng mình phải dọn đi. Tay vẫn cầm tách cà phê, nhưng anh không uống.

Tôi nói. Anh, nghe em đi. Đừng quá bận tâm...

Anh nói thằng chồng con Mập chắc ít bữa lại xuất hiện ở một tỉnh xa lạ nào đó. Thằng cha chắc chỉ lập kế lỉnh đi, mất tích gì mà mất tích. Anh nói anh cũng chẳng trách nó. Vào địa vị nó anh cũng lấy tàu lỉnh đi, còn hơn là sống với con vợ như vậy cho đến già đến chết. Rồi anh đặt tách cà phê xuống đất, bên cạnh đôi găng. Anh nói, ở cái nhà này cái gì cũng hên, cho đến bây giờ.

Tôi nói mình sẽ kiếm nhà khác, lo gì.

Anh nói không nhà nào bằng nhà này. Không, không thể nào có cái nhà nào như cái nhà này nữa. Vợ chồng mình hợp với cái nhà này. Cái nhà này có bao nhiêu kỷ niệm tốt. Anh lại nói vậy mà con Mập sắp mang con nó dọn tới và đuổi mình đi. Anh nhấc tách cà phê lên nhấp một ngụm nhỏ.

Tôi nói nhà này là nhà của ông Tá. Vả lại bất đắc dĩ ông ấy mới phải đòi nhà chúng mình.

Anh nói anh biết chứ, anh biết vậy, nhưng anh vẫn không thích.

Điệu bộ anh bỗng thay đổi. Tôi biết điệu bộ này quá rồi. Anh thè lưỡi ra liếm môi. Rồi lại mân mê vạt áo sơ mi dưới thắt lưng quần.

Anh đứng dậy và đi ra cửa sổ. Anh đứng ngắm biển, ngắm mây, những cụm mây trắng đang đùn ở chân trời. Anh lấy ngón tay gõ gõ vào cằm như đang suy nghĩ chuyện gì. Và tôi biết anh đang nghĩ gì.

Tôi nói, đừng bận tâm quá, anh à.

Anh nói thì ra người đẹp muốn tôi đừng bận tâm. Anh vẫn đứng lì tại cửa sổ. Nhưng lát sau anh đến sofa ngồi bên tôi. Anh gác chân này lên chân kia, tay anh mân mê mấy chiếc cúc áo sơ mi.

Tôi cầm tay anh, và tôi bắt đầu nói. Tôi nói về mùa hè hiện tại chúng tôi đã sống hạnh phúc với nhau. Nhưng tôi chợt nhận thấy mùa hè chưa qua mà tôi nói như chuyện quá khứ. Rồi tôi nói đến con cái.

Anh nói anh ước được làm lại từ đầu, và nếu được làm lại từ đầu thì anh sẽ không lỗi lầm như trước.

Tôi nói các con chúng nó thương bố lắm.

Anh nói, không, anh biết, chúng nó không thương anh.

Tôi nói, cũng có thể. Nhưng đến lúc đó chuyện chúng nó có thương bố hay không thương bố cũng không còn quan trọng nữa.

Tôi nói biết đâu anh.

Anh nói anh biết chứ. Anh nhìn tôi, nói tiếp là có những chuyện anh biết chắc, tỉ như chuyện tôi dọn lên với anh làm cho anh vô cùng sung sướng. Em, anh không bao giờ quên ơn em.

Tôi nói tôi cũng sung sướng là đã lên với anh. Tôi nói là tôi đã hạnh phúc nhiều lắm khi ở căn nhà này suốt thời gian qua.

Anh cười khẩy, rồi anh cười hồn nhiên, rồi cả hai đứa cùng cười lớn.

Anh nói, thằng Tá, thằng con chó, hắn chơi khăm anh em mình. Nhưng anh rất mừng là em đeo lại chiếc nhẫn cưới. Anh sung sướng là anh em mình đã hưởng một thời gian hạnh phúc với nhau.

Tôi nhớ tôi nói mấy câu bâng quơ. Tôi nói giả thử, chỉ giả thử thôi, anh, giả thử là những chuyện đã xảy ra chưa bao giờ xảy ra. Giả thử đây là lần đầu tiên trên đời. Chỉ giả thử, giả thử đâu có hại gì phải không anh. Vậy thì giả thử coi như những chuyện kia chưa từng xảy ra. Anh hiểu em muốn nói gì phải không? Tôi nói nếu giả thử được như vậy anh nhỉ, thì đã đến nỗi nào.

Anh nhìn tôi đăm đăm. Anh nói giả thử như vậy, cầm bằng như giả thử chúng ta là những người khác, cầm bằng giả thử chúng ta không phải là chúng ta. Anh không còn can đảm để giả thử lối đó nữa, em. Chúng ta sinh ra để trở thành chúng ta bây giờ. Em không thấy vậy sao?

Tôi bảo tôi đã vứt đi cả một cơ hội sống thật tốt đẹp, và đã đi cả sáu trăm dặm đường lên đây, tôi không muốn thấy anh tiêu cực như vậy.

Anh nói, anh rất tiếc, nhưng anh không thể chiều tôi mà giả bộ như một người khác. Anh là anh, anh không phải là một người khác. Nếu anh không phải là anh, thì tất nhiên là anh đã không ở đây bây giờ, ở

hoàn cảnh này bây giờ. Nếu anh là người khác, anh đã không là anh. Nhưng anh là anh, em không thấy được sao?

Tôi nói Anh, mà có như vậy cũng không sao. Tôi cầm tay anh đưa lên má tôi. Bỗng nhiên không hiểu sao tôi chợt nhớ tới anh lúc anh mới mười chín tuổi, tới dáng anh nhanh nhẹn chạy băng cánh ruộng tới gặp cha chồng tôi. Cụ đang ngồi trên máy cày bên bờ ruộng bên kia, tay cụ đưa lên che nắng để nhìn con trai đang chạy tới. Hôm đó hai vợ chồng tôi vừa từ Cali lái xe lên. Tôi bế con Chương và thằng Bình ra khỏi xe và nói, ông nội kia kìa hai con. Nhưng hồi đó chúng chỉ là hai đứa bé còn măng sữa...

Anh vẫn ngồi bên tôi, lấy tay xoa cằm, như đang suy nghĩ chuyện gì lung lắm. Nhưng đã định chí, anh không còn vội vàng nữa... Bây giờ cha chồng tôi đã qua đời, và con cái tôi đã trưởng thành. Tôi nhìn anh rồi tôi nhìn xung quanh căn phòng khách của ông Tá. Và tôi nghĩ hai vợ chồng tôi phải kịp thời tìm một giải pháp mới.

Tôi nói Anh yêu. Nhưng anh như không nghe thấy.

Rồi anh nói, Em muốn cái gì? Nhưng anh chỉ nói có vậy. Anh như đã nhất trí. Một khi nhất trí, anh không còn vội nữa. Anh ngả người ra sofa, hai tay buông thõng trên đùi, nhắm mắt lại. Anh không nói thêm gì nữa. Mà thật ra anh cũng không cần phải nói.

Tôi nhẩm tên anh trong miệng. Quen thuộc lắm, tôi đã gọi tên anh bao lần trong quá khứ. Và tôi gọi tên anh lần nữa. Tôi gọi to: Tân à.

Anh mở mắt. Nhưng anh không nhìn tôi. Anh chỉ ngồi nguyên chỗ, xa vời nhìn ra cửa sổ. Anh nói một mình, chỉ tại con Linh Mập.

Nhưng tôi biết không phải tại con Linh. Con Linh mà ăn nhằm gì. Chẳng qua nó mới chỉ là một cái tên, chưa có mặt mũi, thậm chí cũng chưa xuất hiện nữa.

Anh đứng dậy, cầm dây kéo màn cửa lại. Cảnh trời bể bao la lúc này biến mất. Tôi cũng đứng dậy, lo bữa cơm chiều. Còn chút cá trong ngăn đá. Ngoài ra cũng không còn gì nhiều, ăn nốt bữa nay là hết nhẵn. Và tôi thầm nhủ, quả thật, mọi chuyện đã hết thật rồi.

THẬP LANG

nửa giọt máu bên kia

*

Thỉnh thoảng trong bài viết tôi ký tên Lệ Thương. Có nhiều người bạn biết chuyện hỏi, có phải Lệ Thương, tên người con gái tôi đã yêu xa xưa? Thực sự nó như vậy, nhưng không phải vậy. Lệ Thương, đứa em gái cùng cha khác mẹ với tôi.

Ba tôi chết đã lâu, từ năm 1951. Cả nhà chỉ nhận được tấm giấy báo, ba tôi bị máy bay Pháp bắn chết, trên con lộ số Một, tại Thanh hóa. Gần một năm sau, trên tỉnh gửi về cho mẹ tôi một cái khung xe đạp gãy, chiếc ba lô bạc màu, bên trong đựng vài bộ áo quần cũ nhàu nát. Đó là gia tài của một người đi Nam về Bắc, lên rừng xuống biển, làm thân con dã tràng se cát bốn mươi năm trời ròng rã.

Chiếc khung xe đạp, nhiều người hỏi mua, nhưng mẹ tôi không bán, đem treo ở gian bảy. Rồi không biết về sau này nó đi đâu. Cho đến những lần tôi về thăm nhà, trong thời gian sắp ký Hiệp định Đình chiến Giơ neo, năm 1954, không còn thấy nó nữa.

Sau khi ba tôi chết, nhiều lời đồn đãi đưa về. Cả nhà thống khổ vì tin đồn, nhưng người khổ sở nhất vẫn là mẹ tôi. Tiếng đồn nào cũng đầy ác ý, cho một người cha đã mất. Đây là những điều cấm kỵ đối với mẹ tôi, nhưng làm sao hơn được. Người ta có thể đan phên chắn gió, xây tường tránh mưa, đắp đê ngăn nước. Nhưng lời đồn thổi thì vô phương. Nó dễ dàng thấm vào lòng dạ con người, như mảnh vải trắng nhúng vào nồi nước thuốc nhuộm.

Một trong những lời đồn thổi tai tiếng nhất, đó là đứa con rơi của ba tôi, Lệ Thương.

Thật tình, không phải lời đồn đãi nào cũng mang tính chất thất thiệt. Lệ Thương, đứa em gái cùng cha khác mẹ với tôi, đó là một sự thật bằng da bằng thịt. Một sự thật đến sau một sự thật. Sự thật đến trước, ba tôi chết, sự thật đến sau, cuộc tình lăng nhăng của ba tôi với người nữ cán bộ trong chiến khu.

Nếu bảo là cuộc tình trong chiến khu, có lẽ không đúng. Thực tế đây là một cuộc tình đã dan díu trước năm 1945. Tôi đoan chắc thế. Chẳng ai nói với tôi điều gì cả. Đây là chuyện người lớn. Mẹ tôi cũng chẳng biết, huống gì là tôi, thế hệ đến sau. Sở dĩ tôi đoan chắc thế, vì lúc tôi gặp Lệ Thương vào mùa xuân năm 1955, em gái tôi đã bắt đầu học lớp năm, cấp hai. Tôi không biết chắc em tôi sinh năm nào, nhưng bắt buộc phải sinh trước cách mạng tháng Tám năm 1945.

Lệ Thương mang một huyền thoại khó chịu cho cả nhà tôi. Đó là hạt bụi dính trong con mắt, lâu ngày thành tật nguyền vĩnh viễn cho một gia đình trưởng tộc.

Một lần về thăm nhà, tôi đến chơi gia đình ông chú. Bà thím, thay vì gọi tôi là anh Út, lại gọi xách mé tôi là anh Tư về chơi. Tôi hiểu và cúi đầu im lặng.

Ông chú tôi biết ý, mắng át bà vợ:

- Đàn bà cứ việc, cứ việc... lắm điều, nói điêu...

Bà thím tôi mát mẻ:

- Ông ạ,

"Thế gian không ít thì nhiều,

Không dưng ai nỡ đặt điều cho ai?"

Ông cấm được mồm vợ, mồm con ông, đố ông cấm được mồm thiên hạ, xóm làng.

- Lại cứ cù mưng...

Ông chú tôi, vốn chậm người chậm tính, chậm cả lời nói đến việc

làm, nên gặp lúc phải đối đáp, lý luận thì ông nói ra những câu cụt ngủn, không mang một ý nghĩa nào cả.

Bà thím tôi im lặng một lúc rồi lại the thé lên, nhất định không buông tha:

- Không có lửa làm sao có khói, thấy quả tất phải có kẻ gieo mầm chứ ông?

- Đã bảo đừng cù mưng mà, bà im mồm đi được không?

Tôi thấy căng thẳng, vội xen vào:

- Có gì đâu chú mợ, thuở nhỏ cháu thích được làm anh, nhưng mẹ cháu lại đẻ ra sau cùng, nên cả đời phải chịu cái cảnh *"đầu sai cuối vác"*. Nay có đứa phải gọi bằng anh, tự nhiên thoát khỏi cái tròng đó, phải thế không mợ?

Thím tôi vẫn chanh chua:

- Anh không nghe người ta hay nói: *"Giàu con út, khó con út"*. Gia tài của bác, không để cho anh, biết để cho ai?

- Mợ thấy đó, gia tài gì nữa đâu, ruộng gần không có, ruộng xa bán hết rồi, nhà thì dột, cột thì xiêu. Gia tài chỉ còn mấy viên gạch hoa nứt nẻ, lát ở lối đi. Ngữ này, giàu không đến con út, mà khó chắc chắn phải đến với con út đấy mợ ạ.

Bề ngoài tôi làm ra vẻ không có gì quan trọng, nhưng bên trong tôi căm lắm. Tuổi trẻ nào mà không mang nhiều tự ái. Ba tôi bao nhiêu năm là thần tượng của tôi, giờ đây thiên hạ đập vỡ thần tượng đó, bằng một tang vật không thể vất bỏ đi được. Ngày xưa ba tôi còn sống, mấy bà thím dù có cạy miệng cũng chẳng dám nói ra. Bây giờ có ai sợ uy quyền một cái xác chết nữa đâu, nhất là xác chết không mồ mả.

Từ đó tôi sinh ra ác cảm với đứa em gái mang tên Lệ Thương. Đây chính là lý do, đã gần bốn năm, khi phát giác ra có đứa em gái, tôi mới đến thăm Lệ Thương.

Tôi còn nhớ, đó là một ngày vào khoảng đầu tháng Ba, năm 1955, lúa ngoài đồng đã giáp hạt. Dù đã vào xuân, nhưng trời còn lạnh lắm. Những cơn gió bấc thổi về như cắt da cắt thịt. Tôi vào Hà tĩnh tham

dự đại hội đầu xuân của hiệu đoàn học sinh tỉnh. Cũng chính dịp đó tôi mới có cơ hội gặp em gái tôi. Lệ Thương.

Sau năm 1945, đây là lần đầu tiên tôi mới có cơ hội trở lại thị xã này. Hà tĩnh trước năm 1945 vốn đã là một thị xã nghèo nàn. Sau năm 1945, có thể gọi đây là một thị xã không? Sau này đi khắp mọi miền đất nước, chưa bao giờ tôi gặp một nơi gọi là thị xã mà xác xơ điêu tàn như Hà tĩnh vào năm 1955. Một con đường trải nhựa loang lổ. Cả một dãy phố, không có lấy một viên gạch chồng lên một viên gạch. Người ta dựng lên những túp nhà lá hai bên vệ đường, giống như những túp lều cắm trại ngoài trời. Đây là một dãy phố duy nhất của thị xã. Đi xa hơn nữa, có những bức tường phong rêu đổ nát, đó là di tích của một thời phá hoại, trong chính sách tiêu thổ kháng chiến của Việt minh.

Một trong những túp lều của dãy phố buồn thiu đó, em gái tôi ở trọ một nhà người quen tản cư mới trở về.

Đến Hà tĩnh, tôi phải tìm gặp Lệ Thương ngay, vì những ngày tới, tôi phải chúi đầu vào hội họp liên miên. Em tôi, trong những ngày chiến tranh cũng phải tản cư, mới về đây chưa được ba tháng. Mãi sau này, tôi vẫn băn khoăn, không biết động lực nào, để tôi sốt sắng đi gặp Lệ Thương. Có lẽ chỉ một lý do duy nhất, tính tò mò, muốn xem mặt cái "quả" nghiệt ngã cho gia đình tôi, một gia đình đã mất mát quá nhiều trong chiến tranh.

Người môi giới để tôi gặp em gái tôi là Nga, một bạn gái rất thân, cùng học với tôi ngày còn tiểu học. Chính nhờ cái môi giới rõ ràng đó, nên em tôi đứng chờ tôi suốt buổi chiều trước cửa.

Cả tôi và em tôi tưởng đó là một cuộc gặp gỡ thắm thiết lắm, không ngờ lại là một cuộc diện kiến tẻ nhạt, gượng gạo cho cả hai phía.

Lệ Thương năm đó khoảng mười ba, mười bốn tuổi, nhưng cao lớn bằng tôi. Khỏe mạnh và có bề cao trước tuổi. Đây là một cô gái thật xinh, nước da trắng, mái tóc thật đen, thật dài và cứng. Tôi cố tìm trong con người em gái tôi, vết tích của cha tôi để lại, nhưng không thể tìm thấy, ngoài cặp môi mỏng trên cái miệng đam mê.

Có phải mỗi đứa con sinh ra, từ tính tình đến dung mạo, ảnh

hưởng tùy thuộc vào mức độ tình cảm rào rạt của cha mẹ trong thời kỳ gần gũi nhau hay không? Quả nhận xét này là đúng thì người mẹ Lệ Thương, một người đàn bà có tình cảm mãnh liệt, để lấy hết dung mạo của một người con cho ra đời giữa bà ta và ba tôi. Tôi chưa biết tính tình, nhưng dung mạo thì nàng hoàn toàn của người mẹ. Cho đến bây giờ tôi chưa biết bà ta là ai, mẫu người như thế nào trong xã hội. Nhưng nhìn vào Lệ Thương, tôi đoan chắc bà ta là một người đàn bà đẹp và thông minh. Chính điều này, có lẽ đã đưa đến cuộc gặp gỡ giữa tôi và Lệ Thương ngỡ ngàng hơn, không thắm thiết tình anh em, như tôi nghĩ từ đầu.

Chúng tôi đi bộ dọc theo đường phố. Thành phố này về đêm không có xe, kể cả xe đạp, cho nên, chiều tối, người ta bưng cả cơm ra ngồi trên con lộ để ăn.

Tôi và em tôi bỏ đám đông ồn ào, đi vào một cái sân vận động, ngồi trên một đám cỏ mềm như tấm thảm. Trời lạnh, nhưng em tôi chỉ mặc một chiếc áo cánh nâu bầm mỏng, mong manh như một người con gái không cha.

Tôi bắt chuyện:

- Mẹ em có về thăm em đều không?

Em tôi lắc đầu.

Tôi lại hỏi:

- Mẹ em có tiếp tế cho em đầy đủ không?

Em tôi lại gật đầu.

- Nói đi em, đừng gật đầu và lắc đầu như thế!!!

- Nói gì anh, em có biết nói gì đâu?

- Em cô đơn?

Em tôi lại lắc đầu.

- Em có biết thầy em, thầy chúng ta đã chết, đã chết bốn năm nay?!

Em tôi lại lắc đầu, cái lắc đầu dửng dưng, như khi tôi mới vào đề, bắt chuyện.

Một người con, khi nghe tin người cha đã chết mà dửng dưng như

thế sao? Tôi rùng mình. Tôi phải bật ra tiếng khóc, khóc cho ba tôi, cho em gái tôi hay cho chính tôi. Tôi kìm hãm lắm, tiếng khóc mới khỏi bật ra từ cổ họng của tôi lúc này. Tại ai đây? Tại gia đình tôi quá khắt khe và cố chấp? Tại cha tôi quá đam mê hay tại thời thế, một kẻ thù không chân dung của loài người.

Tôi nhắc lại:

- Thầy chúng ta đã chết tại Thanh hóa, bốn năm về trước. Em đã có lần nào gặp thầy chưa?

- Có, một lần thôi.

- Ở đâu?

- Thuở nhỏ, em ở với một bà dì tại một vùng quê. Bà không có gia đình, nên em coi như mẹ em. Mẹ em là cán bộ, đi xa. Có khi cả mấy năm mới về thăm em một lần. Năm đó em học lớp hai, cấp một. Một buổi đi học về, có một người đàn ông ngồi trước cửa chờ em. Ông ta bế em vào lòng, đưa cho em một gói quà, trong đó có hai bộ quần áo mới, một gói kẹo bột viên tròn, loại kẹo em thích nhất.

Chiều tối hôm đó, em mới biết đây là thầy em. Em mặc bộ áo mới, mừng vô kể. Rồi thầy bồng em suốt cả buổi chiều. Bữa cơm đến, thầy lấy một tô cơm, đút cho em ăn như một đứa trẻ, mặc dầu lúc bấy giờ em đã lớn.

Đêm hôm đó em nằm võng, nghe thầy kể chuyện, giọng ấm êm như tiếng mẹ ru, đưa em đi vào giấc ngủ.

Sáng hôm sau thức dậy, bà dì bảo thầy đã ra đi trong đêm hôm qua.

Em khóc và bỏ buổi học hôm đó. Cũng vì thế, em bị một trận đòn của bà dì. Đây là trận đòn duy nhất trong tuổi trẻ đời em, nhưng em nhớ mãi không quên.

Từ đó, mỗi buổi chiều đi học về, em cố tìm hình bóng một người đàn ông ngồi chờ em trước cửa. Nhưng cho đến khi em rời vùng quê về đây đi học, ông ta đã không quay trở về nữa.

Thầy đến với em như một giấc chiêm bao ngắn ngủi, nhưng lại là

giấc chiêm bao không bao giờ em quên được. Không biết người đi có hiểu như thế không?

Lúc này tôi mới thấy mắt em tôi sưng lên và mọng lệ. Tôi an ủi Lệ Thương:

- Anh cũng chẳng khá gì hơn em. Có khi cả mấy năm thầy không ghé về nhà. Mỗi khi về, có ở nhà lâu lắm, cũng chỉ chưa đầy một tháng lại ra đi. Mỗi lần đi thì mất tăm như người chìm vào dòng nước. Anh không thể hiểu được, người lớn họ làm gì và nghĩ gì, mà lúc nào cũng coi như không có ai ràng buộc chung quanh họ.

Lúc này thì em gái tôi khóc thật, hai giọt nước mắt chảy xuống trên khuôn mặt cô đơn, vô cùng cô đơn của Lệ Thương. Tự nhiên tôi cảm thấy, từ lâu đã bất công với em gái tôi và dường như mọi người, ba tôi, mẹ Lệ Thương, tất cả đã dành sự bất công quá đáng cho một người em gái.

Lúc này tôi sợ Lệ Thương khóc, tôi bỏ dở câu chuyện gia đình, đưa ra một đề tài khác. Sự học hành, sự hoạt động và tương lai của hai đứa. Tôi mở cái xắc cán bộ, lấy ra một tấm kẹo lạc gói trong tờ giấy báo, mua từ mấy hôm trước, khi đi qua huyện Đức thọ, nơi nổi tiếng kẹo lạc ngon, bẻ ra làm đôi, đưa cho em tôi một nửa. Lệ Thương không ăn, lấy giấy báo gói lại cầm ở tay.

Chúng tôi ngồi với nhau cho đến khi trời chập tối, tôi mới đưa Lệ Thương về nhà trọ.

Ngày kế tiếp, rồi ngày kế tiếp nữa, tôi chúi đầu vào những buổi hội thảo liên miên.

Bốn ngày sau, đúng mười giờ đêm, đại hội bế mạc. Tôi về nhà trọ, ăn nốt tô cơm nguội để dành từ buổi chiều, và mang ba lô lên vai, ra đi trong đêm hôm đó. Không kịp từ giã người em gái.

Thực tế mà nói, tôi có thể ở lại trong đêm đó, sáng mai từ giã Lệ Thương rồi ra đi cũng chẳng sao. Có lẽ tôi cũng giống ba tôi, luôn luôn vĩ đại hóa cái việc mình làm. Từ đó vĩ đại hóa cá nhân mình, luôn luôn bắt những kẻ liên hệ tình cảm với mình phải nghĩ đến mình đang thực hiện một công tác vĩ đại. Đang chạy theo với chiều xoay tròn của

quả địa cầu. Lúc nào cũng phải cấp tốc, lúc nào cũng phải khẩn trương một cách giả dối với bản thân, để tạo nên cái vĩ đại cho mình. Tất cả chỉ vì ích kỷ và chủ quan.

Chính cái ích kỷ một cách vụng dại đó đã đưa tôi đến hối hận cả mấy chục năm sau này. Chính cái vĩ đại và khẩn trương giả tạo của tôi, mà em gái tôi những tháng kế tiếp, ngót năm sau vẫn đứng trước cửa chờ người anh trai mới gặp lần đầu tiên quay trở lại.

Tôi ra Nghệ an, rồi Hànội. Hai tháng sau vào miền Nam, mang theo hình ảnh một người em gái, trời sinh ra, chịu một sự bất công của những người liên hệ, và cái đêm vĩ đại của đời mình.

Ba mươi hai năm sau, năm 1987, tôi nhận được một lá thư của người đồng hương tại Pháp. Trong thư kèm theo một lá thư của Lệ Thương, em gái tôi. Có lẽ bất cứ ai gặp hoàn cảnh như tôi, cũng không thể không bối rối. Em tôi còn sống và cuối cùng tìm được tôi. Trong thư em tôi kể, tìm được tôi trong một sự tình cờ như ai xui khiến. Em tôi bây giờ đang là một nhân viên trong bộ Ngoại giao Hànội và đang ở Pháp một thời gian ngắn.

Bảy ngày sau, tôi thu xếp công việc, sang Pháp để gặp em tôi. Tình cảm máu mủ là trên hết. Chủ nghĩa mà cắt đứt tình cảm, đó là chủ nghĩa phản lại con người.

Tôi đến Ba lê vào một buổi chiều, đây là lần thứ hai tôi đến thành phố này. Lần thứ nhất, tôi đến đây năm 1974, khi hai bên đang tố nhau vi phạm hiệp định đình chiến về Việt nam.

Lần này tôi đến đây mang theo một tâm tư khác, tâm tư của kẻ lưu vong, lâu ngày đi tìm nửa giọt máu chẻ đôi ra bởi một người cha. Vợ chồng người bạn đón tôi tại phi trường và cũng do sự sắp xếp của gia đình người bạn, ngày hôm sau, tôi và Lệ Thương, em gái tôi gặp nhau tại một nhà hàng Trung hoa.

Bây giờ em gái tôi là một thiếu phụ, bước vào tuổi trung niên. Vẫn còn những nét đẹp của một người đàn bà, nhưng tất cả những dịu dàng, duyên dáng của một người phụ nữ dường như mất hết trên con người

em gái tôi. Có thể đây là một nhận xét do chủ quan và định kiến, khi tôi được biết em tôi đang là một cán bộ đảng.

Nhưng thực tế, tôi cứ tìm mãi, vẫn chỉ thấy những nét cương nghị của một con người lăn lóc, hơn là một phụ nữ.

Khác với ba mươi hai năm trước, lần gặp gỡ này, em tôi nói nhiều hơn tôi. Tôi không đến nỗi lắc và gật đầu như em tôi ngày xưa, nhưng cũng gần gần như vậy.

Nếu ai trong hoàn cảnh như em tôi và tôi, mới hiểu trạng huống chúng tôi lúc này. Cuộc gặp gỡ dường như là một định mệnh khắt khe. Chúng tôi là hai con gà cùng mẹ, được tách ra, nuôi lớn lên trong hoàn cảnh khác nhau. Bây giờ gặp nhau, còn nhớ mường tượng, ngày xưa đã có lúc sống chung một chuồng.

Lệ Thương nói:

- Sau buổi gặp anh năm xưa, lúc đó em mới nhận ra, trên đời này có một loại tình yêu anh em cốt nhục, cũng ràng buộc nặng nề như tình yêu mẹ cha. Biết anh đi rồi, nhưng em vẫn chờ. Cả một năm sau, hễ cứ chiều đến, em ra sân cỏ chờ anh trở lại.

Rồi một ngày mẹ em về, đưa em đi Hànội. Em học hết cấp hai, cấp ba rồi đại học. Sau đi du học tại Nga. Lúc đang làm luận án về ngôn ngữ học, tin mẹ em chết, từ Việt nam đưa sang. Thế là trên cõi đời này, không còn ai là thân thích của em nữa. Đàng nội như anh đã biết, chỉ có hai người đến thăm em hai lần duy nhất, thầy và anh. Và, em chỉ biết đến đó thôi, không còn biết lai lịch mình từ đâu đến. Đây là một vô tình hay ích kỷ độc ác của người lớn. Bên ngoại em, bà dì em coi như người mẹ khác, đã chết lúc em còn học tại Hànội. Em trở về nước, với hai nấm mộ người thân. Tấm bằng phó tiến sĩ trong tay, nào có ai để mừng cho em? Nấm mộ không biết cười, di ảnh không biết nói.

Ngày xưa ông nghè về làng, cả tổng cả huyện đón rước. Ngày nay bà nghè về nước, không có lấy một chỗ để che mưa, không người quen để nở một nụ cười. Tủi ơi là tủi. Nhiều lúc muốn đâm đầu vào đường rầy xe lửa để cho xong một kiếp làm người. Mẹ cha ơi sinh ra làm gì?

Sao ông trời bắt em làm một đứa con hoang? Có một lần, buồn quá, em hỏi thăm và tìm đến quê anh. Dòng họ không còn một ai, kẻ thì đi Nam, người thì đã chết trong cải cách ruộng đất. Em gặp một cụ già, ông ta bảo: "Ngày xưa cả thôn này là dòng họ Trương, họ ở từ đầu thôn đến cuối thôn dài cả hơn cây số ngàn. Bờ tre kín mịt như bức tường đen, con chim sẻ cũng đừng hòng lọt qua, đừng nói chi là con người. Quanh năm chẳng biết bên trong bờ tre có những gì. Nhưng bây giờ như cô đã thấy, điêu tàn và điêu tàn".

Lòng em quặn đau. Cả một dải đất trù mật của dòng họ, cất dựng lên bao nhiêu đời, bây giờ điêu tàn xác xơ như thế này đây? Biết thân phận mình không thuộc của dòng họ, nhưng lòng em vẫn ngậm ngùi. Có phải "*gà cỏ trở mỏ về rừng*" không anh?

Ngày học ở Hànội, em gặp Như Phu. Chắc anh còn nhớ Như Phu, bạn học cùng anh tại trường Huỳnh Thúc Kháng, chợ Bông, Nghệ an. Chính Phu cho em biết anh đã vào miền Nam. Chồng em bây giờ là Như Phu. Chúng em đã có hai mặt con với nhau, Phu thỉnh thoảng có nhắc đến anh.

Chúng ta là cái gì anh nhỉ? (Em tôi hỏi, nhưng vẫn không để tôi trả lời) Là một lớp người quái dị, sống để ngờ vực nhau, căm thù nhau? Lứa tuổi chúng ta, nhất là hai thế hệ trở lại đây, dân tộc ta, tự nhiên chia làm hai loại người, một loại gọi là Cộng sản, một loại gọi là Quốc gia. Một dân tộc bị chẻ đôi ra bởi hai loại người đó. Bên Quốc gia nhìn người Cộng sản qua lăng kính đỏ, phía Cộng sản nhìn Quốc gia qua lăng kính đen, ngụy quyền. Những cái lăng kính đỏ, đen, thê thảm đó, làm cho con mắt kẻ bên này, nhìn kẻ bên kia không những chỉ đổi màu sắc mà còn đổi cả bản tính con người nữa.

Người Cộng sản nhìn người Quốc gia qua cái lăng kính đổi màu, rồi tưởng họ là những con thú hung tàn. Người Quốc gia nhìn người Cộng sản có khá hơn thì cũng chưa bao giờ liệt họ là những con người bình thường. Chính cái lý do đó mà chúng ta đã giết nhau hai mươi mốt năm.

Anh thử nghĩ lại coi, đâu phải trên quả địa cầu này chỉ có miền Bắc

Việt nam là Cộng sản, và cũng không phải trên trái đất này chỉ có miền Nam Việt nam là Quốc gia. Nhưng tại sao chúng ta có một cuộc chiến dài nhất thế kỷ. Có phải vì miền Bắc chỉ muốn Cộng sản hơn những người Cộng sản trên mặt đất. Cũng như những người miền Nam chỉ muốn chống Cộng hơn những người chống Cộng trên thế giới? Anh có thể hiểu, và em có thể hiểu, vì chúng ta đang mang hai cái lăng kính đổi màu để nhìn nhau, và nhìn lịch sử. Nhưng con anh, con em. Những thế hệ tiếp nối chúng ta, chúng không thể nào hiểu được việc làm của cha ông trong thế kỷ 20 này.

Một hôm vợ chồng em đang đi trên bờ hồ Hànội. Thấy một toán người mà họ gọi là sĩ quan Ngụy. Chân tay bị xiềng với nhau, áo quần tơi tả, đầu cạo trọc củ nưa, hình tượng thê thảm như một thây ma di động. Người ta xúm lại xem, như xem những con thú bắt từ rừng sâu mang về. Người già có, trẻ con có, đàn ông có, đàn bà có, họ nhổ nước bọt, ném đá lên những cái đầu cạo trọc. Chính chồng em, một người có học, cũng nhổ nước bọt vào đầu trọc một tù nhân. Thế mà buổi tối về, bưng bát cơm lên miệng, ngồi ăn thanh thảnh. Lương tâm con người để đâu anh? Tại sao không bao giờ họ nghĩ có lúc chính mình là kẻ thua cuộc và bị kẻ thắng cuộc đối xử tệ hơn những con thú như thế này.

Khi con người mang cái lăng kính đổi màu vào rồi, thì chính bản tính của mình thay đổi, không phải con mắt của mình nhìn sự vật sai lạc.

Có đêm em ngủ say bên chồng, bàng hoàng chỗi dậy trong cơn mê hốt hoảng. Ai trong những kẻ đầu trọc trên bờ hồ hôm nọ là anh ruột thịt của em? Tại sao và bởi đâu đưa đến nghịch cảnh thê thảm này? Tất cả chủ nghĩa là bịa đặt. Dù người ta viết hàng ngàn pho sách để giải thích, cũng chỉ là bịa đặt.

Chủ nghĩa của em chỉ có năm chữ duy nhất: "Con tim" và "Dòng máu nóng". Con tim để hòa nhịp, dòng máu nóng để luân lưu. Đây là một chủ nghĩa vĩ đại nhất của loài người. Một chủ nghĩa tồn tại lâu đời nhất của nhân loại.

Kìa anh hãy nhìn vào tấm gương soi đi, để thấy rõ chính anh lúc này. Khuôn mặt ngơ ngác của anh bây giờ, chính vì anh nghe được những

câu nói vừa rồi của một người Cộng sản. Anh đang mang cái lăng kính đổi màu trong trí khôn, nên không bao giờ nhận ra em là con người bình thường, con người có tim và biết đau khổ. Ai giết nhân dân miền Nam, nhưng nhất định không phải em, không phải tất cả mọi đảng viên Cộng sản, và dĩ nhiên, không phải tất cả nhân dân miền Bắc. Họ cũng đau khổ như anh, như những người thua trận trong cuộc chiến hôm qua.

Chắc chắn anh đến đây không phải để chống Cộng. Cũng như em, đến đây không để giải phóng ai! Chúng ta đến đây để nối lại khúc ruột đứt ra từ một người cha. Chúng ta đến đây để hòa lẫn một giọt máu chẻ đôi ra từ một người đàn ông bất hạnh. Chúng ta đến đây để phanh phui ra những điều gian trá, bịa đặt bấy lâu nay của chủ nghĩa. Những thứ mà ngày xưa anh đã vĩ đại và khẩn trương mang ba lô ra đi trong đêm không đợi mặt trời lên, để từ giã em. Thứ gian trá mà đã có lần anh coi nặng hơn tình cốt nhục máu mủ này!

Tôi đưa hai bàn tay, úp lên hai bàn tay em tôi đang để trên mặt bàn. Chúng tôi im lặng, chúng tôi nghĩ ngợi, chúng tôi nhìn nhau và cuối cùng chúng tôi ngượng ngùng...

Hai giọt nước mắt lại chảy trên gò má em tôi. Đây là giọt lệ thương đau, ý nghĩa ngặt nghèo của cái tên, mà em tôi phải mang theo cả một kiếp làm người.

Tôi đưa ra một tấm chi phiếu, nói để gửi cho hai cháu ở Việt nam. Lệ Thương cầm lấy, mâm mê một lúc rồi nói: "Anh ạ, ba ngàn dollars là một số tiền mà chưa bao giờ em nghĩ sẽ được cầm trong tay. Ba ngàn dollars nếu đưa được về Việt nam, đó là cả một gia tài của những đứa con em. Nhưng ba mươi hai năm về trước, nửa tấm kẹo lạc của anh cho em, em vẫn sống cho đến ngày hôm nay, để tìm và gặp anh. Tìm được anh, có anh, em quý hơn nghìn lần tấm chi phiếu này".

Lệ Thương xé đôi tấm chi phiếu, đưa cho tôi một nửa và bảo: "Anh giữ lấy một nửa và nửa này em giữ để nhớ anh, như chúng ta đã chia đôi tấm kẹo lạc ba mươi hai năm về trước".

Tôi ngồi với em tôi trên bốn tiếng đồng hồ tại nhà hàng. Thức ăn đầy trên bàn, nhưng dường như cả hai không ăn một miếng nào. Trời

đã tối, em tôi đứng dậy, tôi đưa Lệ Thương ra cửa, vẫy một chiếc taxi. Bên trong tấm kiếng mờ mờ, lần đầu tiên tôi thấy em tôi cười. Một nụ cười duy nhất của một người em gái mang tên Lệ Thương. Xe chuyển bánh, nụ cười em tôi khuất vào đường phố đã lên đèn.

Bảy tháng sau, tôi nhận được một lá thư từ Việt nam của Như Phu, chồng Lệ Thương. Lá thư cho biết em tôi đã chết trong chuyến máy bay hàng không Việt nam rơi tại Thái lan.

Trong thư hắn viết: "Ba tháng sau Lệ Thương mất, tình cờ tôi mở hộp đựng kỷ vật của vợ tôi ra và bắt gặp nửa tấm chi phiếu có địa chỉ của anh. Tôi gửi trả lại anh nửa tấm chi phiếu và báo hung tin này cho anh. Vì tôi biết, anh là người ruột thịt duy nhất của Lệ Thương, vợ tôi, và đang ở một nơi nào đó, không thuộc về chúng tôi".

Tôi cầm tấm chi phiếu lên, phía sau là hàng chữ của em tôi: "*Đây là những gì tôi được, sau ba mươi hai năm tìm tòi và chờ đợi*".

Trong thư Như Phu không hề hỏi thăm tôi lấy một lời, mặc dầu ngày xưa đã có lần ngồi chung một lớp học. Có lẽ hắn viết lá thư đó trong lúc mang cái kiếng đổi màu, nên đã nhìn thấy cái đầu trọc của tôi trong bộ áo tù của chế độ. Tôi thương hại nó. Thực sự tôi thương hại nó, như lịch sử đã thương hại Gia Long, khi ông ta dùng sọ đầu vua Nguyễn Huệ làm vật tiểu tiện. Ông Nguyễn Huệ không nhục, nhưng lịch sử đã nghiêm khắc phê phán sự hẹp hòi và tư cách của một ông vua lập ra nhà Nguyễn. Cũng như hôm nay, lịch sử đã phê phán sự hẹp hòi và tư cách của con người Cộng sản, khi nhổ nước bọt lên cái đầu trọc của những người tù chế độ.

Lệ Thương, em tôi đã chết. Em tôi đã ra đi vì không thể chờ thêm một chu kỳ ba mươi hai năm nữa. Ngày xưa Ngưu Lang Chức Nữ, hằng năm còn được gặp nhau một lần. Ngày nay chủ nghĩa đã bắt chúng tôi phải chờ tới ba mươi hai năm thê thảm, mới được gặp nhau một lần. Một kiếp người có được mấy lần ba mươi hai năm?

Lệ Thương em tôi ra đi, cho đến giờ này, tôi vẫn không biết, ai đã đặt cho em tôi cái tên nghiệt ngã - Lệ Thương - Nửa giọt máu còn lại phía bên kia.

CHÂN PHƯƠNG

chuyện phào

rời phi đạo
bỏ lại sau lưng mấy câu thơ thiếu cánh

nhìn xuống dòng sông
như giải cà vạt lụa
xổ tung sau cuộc tiệc rã rời
mà thành thị dưới kia là
mâm cỗ bàn vung vãi thịt người

Saigon Boston...
Manila Vancouver...
Paris Bangkok...

tôi đã bay bao nhiêu vòng địa cầu
mà vẫn chưa tìm ra bãi đáp cho tôi

ngoài kia ô cửa
những bãi nước bọt của im lặng
lềnh bềnh khắp bầu trời

mười lăm năm
hai mươi năm
hai mươi năm
một trăm một nghìn năm

những bãi nước bọt khổng lồ
im lặng trôi giữa vô thỉ vô chung
chẳng rõ trên Kim tinh hoặc Hỏa tinh giờ này
có công dân điên nào đang làm tình với chữ

thôi

sắp bốn mươi tuổi đến nơi
hơi đâu lo chuyện xếp ý đặt lời
dù chuyến bay hạ cánh an toàn
thì cũng thất lạc mọi tọa độ với địa chỉ lâu rồi
chỉ còn cuộc hẹn dưới kia với bàn ghế
hàng quán trống để tiếp tục cuộc chơi
cộng sản tư bản
kéo màn hạ màn
dăm đoạn kịch tồi
đã làm hỏng mẹ cuộc đời
say thế nào đây với cái thực đơn
gà tơ bò cái cá hồi
không tôi không dùng cà phê
nói như các nhà văn
ngày mai vẫn mọc mặt trời
đúng vậy ngày kia vẫn mọc mặt trời
credit card đây
xin cô tiếp viên vui lòng
cho thêm chai rượu
đã lâu rồi
tôi không còn thích
lê chiếc bóng thiên tài đơn chiếc
trên một quả đất bán thân bất toại
nhặt nhạnh ít hạt bụi chân thiện mỹ
hay đưa ma dăm cuộc tình hương khói
bây giờ chỉ còn men cay và giấc ngủ
mộng mị nơi lưng chừng trời
hoặc chết vô danh như chim chóc
thì cũng thế thôi
ngoài kia là im lặng muôn đời
với những bãi nước bọt lặng lờ trôi
lỡ có ghép được thêm vào thân phi cơ
đôi cánh thiên di chấp chới của trí tưởng buồn cười
cũng chẳng thể thoát ra ngoài diên tích
đôi mũi giày lấm bụi

PHAN TẤN HẢI

trân trọng làm thơ

Ừ rồi bây giờ em cũng làm thơ
không ngờ thằng út ngày xưa bây giờ cũng lớn
ừ thì làm thơ nghĩa chỉ là cầm bút làm thơ
đừng băn khoăn hỏi tại sao thế nào hay có phải

Cứ cầm bút tự nhiên như nói như cười như đứng như đi
như một hôm rình rình đưa em gái chợ về phòng
để học người lớn mời em hút thuốc uống bia
để chị mắng lại lang thang thêm dăm ngày nửa tháng

Em hỏi tại sao làm sao ai biết được tại sao
hay có lẽ anh cũng tin trăm nghìn có lẽ
thôi cứ đoán vì anh yêu thương trùng điệp yêu thương
như giọt mực lăn vào đời rất nhẹ

Anh cũng từng tin như em đời vốn không thật là thơ
và cũng từng tin như em đời vốn rất mực là thơ
thôi cứ xông vào dù có mồ hôi nước mắt máu xương
dù có không hiểu tại sao cuộc đời nghìn dặm sương mờ

Em có biết ta đang giữa một thời rất khó khăn
thơ, tiếng nói lạ của loài him chiều nay tuyệt chủng
cứ thẳng đường bay dù giữa bầu trời vắng mặt hồng ân
và chết giữa trăng sao như có hôm nào mỏi cánh

Ừ rồi bây giờ em cũng làm thơ
hãy cứ như anh vẫn thấy đời vui như ngày mới lớn
vẫn cứ mỗi ngày xuống phố học nói ngu ngơ
giấy mực một đời vẫn còn rất lạ
vẫn tập chấp tay chào đời đi qua
gọi tên yêu thương trân trọng từng mùa

SĨ LIÊM

tình buồn câu vọng cổ

*

Trách ai đành đoạn
Đốn ngọn cây bần
Không nghe ghe cá đậu gần ghe tôm
Ca Dao

Anh Tư Du ngồi dựa lưng vào khoang xuồng, tay ôm cây lục huyền cầm, ngửa mặt nhìn lên tàn cây bần đặc gật trái xanh, tay nắn nót từng phím nhạc. Chuỗi âm thanh "tửng, từng, tưng" trong vắt, lảnh lót, êm ả bay theo cơn gió thoảng lay động mặt nước con rạch dài hun hút. Ánh nắng chiều tô màu hồng lên thân hình lực sĩ của anh. Từng bắp thịt cuồn cuộn láng bóng màu nâu đỏ như màu đồng trên vòng ngực, trên cánh tay anh cuồn cuộn bật nổi như những đồi cát vàng lồng lộng trên sa mạc nắng cháy. Mái tóc anh bồng không bao giờ chải gỡ lay động nhè nhẹ trong gió càng gia tăng gương mặt phong trần của tay lực sĩ nổi tiếng mạnh nhứt làng Mỹ lộc.

Tư Du có nhiều biệt tài hiếm có: đá banh với vai trò trung phong vô địch, đờn hay, ca vọng cổ tuyệt diệu và võ nghệ gia truyền thâm hậu. Anh đa tài nhưng trung hậu và khiêm tốn. Nhắc tới anh Tư Du, ai cũng kính nể và yêu mến. Tôi tản cư về Mỹ lộc quen anh, mến anh và được anh xem như một đứa em ruột thịt. Anh dạy tôi vài miếng võ

tự vệ hộ thân và tôi học được nơi anh tánh khiêm tốn, lòng nhơn ái, quên bản thân mình hy sinh tất cả cho tha nhơn.

Chiều nay, anh đưa tôi tới rặng bần để cùng nhau thưởng thức món ăn đặc biệt đồng quê miền Nam: bần chua ăn với mắm sống và cơm nguội, ớt xanh. Nồi cơm nguội, gói mắm sặc, mớ ớt xanh, xị rượu đế trong vắt như mắt mèo đang bày ra trước mặt tôi, chỉ còn thiếu bần xanh là đủ "mơ nu" bữa ăn đặc biệt. Tàn bần oằn trái ở ngay phía trên chỉ cần nhón gót một chút là tha hồ hái trái.

Tôi đã nghe hạch dịch vị bị kích động ác liệt, nước miếng đã tươm ra miệng. Tôi giục anh:

- Anh Tư, bắt đầu nhập tiệc đi chớ?

Tư Du cười thật tươi để lộ hàm răng trắng đều:

- Chờ anh dạo đờn ca vài câu vọng cổ lấy trớn cái đã. Bộ em đói rồi sao?

Tôi nuốt nước miếng đánh ực, cười:

- Đói thì hổng đói lắm nhưng thấy mắm với bần, em thèm chịu hết nổi.

Như không buồn để ý đến tôi, Tư Du tiếp tục dạo đờn rồi cất tiếng hò lảnh lót, nói lối vài câu đoạn bắt đầu vô vọng cổ. Giọng anh ấm, ngọt, hơi anh dài. Mà hơi anh không dài sao được vì anh còn có biệt tài lặn sâu, lặn lâu, cả năm, sáu phút đồng hồ chưa trồi lên mặt nước. Hồi nẳm, anh kể, lúc anh mới tám, chín tuổi, anh còn một đặc biệt thiên phú nữa: ngồi xếp bằng, khoanh tay trước ngực, người anh nổi lều bều trên mặt nước cả buổi không chìm như thể anh có đeo phao dưới đít vậy. Thỉnh thoảng anh biểu diễn cho bà con lối xóm xem chơi, mỗi người tặng anh vài xu ăn bánh, kẹo. Lớn lên, không hiểu sao anh mất tiêu đặc điểm trời ban đó. Anh tâm sự với tôi: "Chắc tại anh gần đàn bà, con gái, người bị ô uế nên không nổi trên mặt nước được như xưa nữa".

Tư Du vừa đờn vừa ca vọng cổ, có nét điêu luyện nhà nghề lắm: "*Lan xơ xác sầu ai Lan rã cánh. Bướm lỡ làng thương phận bướm cô*

đơn. Mộng vàng tan theo năm tháng tủi hờn. Nơi cửa Phật Lan đành vùi chôn đời tục lụy".

Câu nói lối để gối đầu câu một bài vọng cổ sao mà thê lương! Anh Tư nghển cần cổ cho dài ngoài, gồng mình lên để xuống câu vọng cổ, mắt anh khép nửa vời trông thơ mộng đáo để: *"Điệp ơi, cánh bướm năm xưa hãy bay đi đừng trở lại, và hiện giờ đây Lan có khác chi là một đóa hoa tàn, Lan đâu trách ai đem dạ phụ phàng, nhưng thôi kiếp này đã lỡ, xin Điệp đừng lưu luyến chi Lan, cứ để Lan yên tâm rảnh dạ tu hành, mượn kinh kệ chốn thiền môn để lấp chôn mối sầu vạn cổ".*

Anh ca hết câu một, bắt qua câu hai, tới câu ba anh mở mắt trao tráo nhìn tôi, tròng mắt long lanh đưa đẩy có vẻ hứng thú lắm. Anh Tư Du cứ hết mỗi câu là anh đổ hột ngân nga như danh tài Hữu Phước, hát như vậy hèn nào các cô gái Mỹ lộc không chấn động tâm can cũng uổng. Chị Búp ở xóm trên có lần vừa chải đầu thì tiếng ca của anh từ vàm rạch bay tới khung cửa sổ buồng chị. Chị ngưng chải tóc, tay mân mê chiếc lược sừng trâu, mắt chớp lia lịa, má đỏ rạo rực.

Nước bây giờ đã ròng, lầy bãi bùn nâu đỏ. Lũ chằng be, vịt nước, nhạn sen, le le bắt đầu về tụ họp trên bãi. Một chiếc bè gỗ trôi theo dòng. Trên bè, mụ đờn bà sồn sồn nhìn anh Tư Du, miệng cười chúm chím mà cặp mắt ướt rượt. Hứng chí anh ca bài *"Lý Con Sáo"*:

Ai, ai đem
Con sáo sáo là sang sông?
Là sáo là sang sông
Sang sông, nên con sáo xổ lồng
Xổ lồng rồi con sáo bay
Ôi sáo bay đến phương trời xa
Rồi chiều tàn mây bay thướt tha
Bay đến đâu sáo quay về đây?

Điệu *"Lý Con Sáo"* miền Nam mùi mẫn ác ôn, lảnh lót nhức nhối, mặt anh Tư Du như mê đi, lịm đi trông thiệt là giống nghệ sĩ cầu Bến lức, bến bắc Mỹ thuận!

Tôi vỗ tay thiệt lớn khi anh xuống câu xề mùi thúi ruột thúi gan.

Quen xem cải lương ở đình, tôi tự động vỗ tay đôm đốp mỗi lần đào kép vô vọng cổ, xuống câu xề êm rơ như dòng suối chảy. Mụ đờn bà sồn sồn nghe bài *"Lý Con Sáo"* của Tư Du ca có lẽ mụ tưởng anh Tư Du có ý chọc ghẹo mụ nên mụ ông a ông ẹo tưởng chừng như thân hình của mụ ta không có xương sống, cặp mắt liếc đưa qua đưa lại như mắt đào lẳng, như bắn lông nheo cả chùm. Tối nay biết đâu mụ sẽ trằn trọc tới sáng.

Tư Du vừa ca vừa ngó về xóm nhà cạnh rặng bần như thể anh muốn ai đó nghe lọt tiếng lòng anh. Cha mẹ ơi, tiếng đờn sao mà thánh thót, não nùng, như kêu, như gọi, như xoáy vào tâm khảm thằng nhỏ vừa mới lớn là tôi đây. Tôi mê giọng ca của anh Tư Du có một, tôi mê tiếng đờn của anh tới ba.

Tôi quên thèm bần chua, mắm sống, mải miết nhìn Tư Du mê mẩn cả tâm hồn. Coi kìa, mắt Tư Du ươn ướt, tiếng ca nghèn nghẹn, đứt quãng, run run. Thôi rồi, mèn ơi, đúng là tâm sự của anh, đúng là tiếng lòng anh. Anh muốn mượn lời ca, tiếng nhạc gửi tâm sự, tiếng lòng cho ai? Tôi nào hiểu nổi!

Tư Du buông đờn, cúi đầu khoát nước sông rửa mặt, tôi đoán là anh đã khóc.

Tôi chợt xót xa, thương cảm, tròn xoe đôi mắt nhìn anh, gọi khẽ:

- Anh Tư! Gì ghê vậy? Anh khóc hả?

Tư Du lặng thinh. Bỗng anh vụt ngước lên, đưa tay, thở dài, cười gượng:

- Anh sống thực với tâm tình của bản ca nên mới xúc động quá chừng.

Tôi cười xòa, vỗ vai anh:

- Không ngờ ở anh, tình cảm dồi dào vượt quá sức tưởng tượng của em nhiều. Em mà không chứng kiến cảnh này thì em cứ để trong đầu là đào kép ca cải lương xức dầu cay lên mắt mỗi khi họ đóng màn khóc lóc, bi thương.

Tư Du cười. Anh vuốt đầu tôi:

- Xức dầu cay mắt thấy bà nội, làm sao mà khóc được?

Tôi và anh Tư Du nhìn nhau cười, khoang xuồng chòng chành trên mặt nước. Một con chim bói cá lông xanh biếc vừa chụp được con cá lòng tong bay vụt lên thinh không.

Anh Tư Du đứng lên với tay, nhón gót lặt vội mấy trái bần phía trên đầu. Anh cúi xuống mặt nước dùng nước rạch rửa từng trái một, xắt lát mỏng xếp ra ván xuồng:

- Ăn đi cưng! Em kẹp với mắm sặc, cắn ớt, nhai chầm chậm để thưởng thức hương vị quê hương mình. Nè - anh cho tôi ly rượu - lai rai với anh vài ly cho vui.

Tôi lắc đầu lè lưỡi:

- Ăn bần với mắm sống thì được, chớ còn nhậu thì em xin đầu hàng. Tuổi em chưa được phép nhậu.

Tư Du rướn người đẩy ly rượu sát vào tay tôi, thuyết phục:

- Thôi mà, hổng phải anh muốn đầu độc làm hư em đâu. Anh muốn em thưởng thức món nhậu độc đáo của miền Nam chúng mình. Ăn bần với mắm sống và cơm nguội mà em không uống chút rượu, em sẽ đau bụng chết luôn đó nghen. Uống nhiều hổng được thì uống một ly thôi. Nè, cầm đi!

Tôi chịu thua, cầm lấy ly rượu. Mặt Tư Du hài lòng sáng rỡ. Anh cúi xuống kẹp hai lát bần chua với mắm sống đưa vô miệng, cắn nửa trái ớt xanh, nhai rơm rớp dòn tan. Nhìn cách anh ăn mà dịch vị tôi hoạt động, nước dãi ứa ra nườm nượp.

Anh giục:

- Vô! Vô đi em, ngon ơi là ngon!

Anh đưa ly đế lên môi, nốc cạn, đánh khà một tiếng kéo dài:

- Ngon thấu trời đi lận!

Tôi bắt chước làm đúng theo Tư Du. Tôi nhai ngấu nghiến. Tôi nghe vị chua, ngọt, cay cay thấm vào vị giác. Bốc vốc cơm nguội bỏ vô miệng nhai, tôi cứ tưởng như trên đời này không còn món ăn nào ngon hơn nữa!

Chung rượu trong vắt trước mặt mời gọi. Tư Du ra hiệu biểu tôi nâng ly. Anh rót đầy ly, đưa tới cụng ly tôi, cười bảo:

- Nhớ đời bữa nhậu hôm nay, nghe em. Không chắc gì còn bữa thứ hai đâu. Dù em sau này có ăn cao lương mĩ vị, em đừng quên mon ăn đặc biệt của quê hương mình. Nó là hồn thiêng đất nước, là tinh hoa địa phương. Chỉ có quê hương mình mới có món nhậu kỳ thú này thôi.

Tôi nhắm mắt, để vừa lòng Tư Du, nín thở hớp ngụm rượu đế, sau tiếng "*khà*" đứt quãng, nghe hơi nồng lên mũi. Tôi hoa cả mắt và tưởng chừng hai tai nổ lùng bùng, tiếng thở nghe dồn dập. Cái ngon của rượu đế miền Nam chưa cảm hóa được tôi. Tôi chỉ biết có mỗi một vị cay, đắng và nồng bốc thiệt mau lên đầu tôi. Tư Du nhìn tôi cười ngã lăn chiêng. Trao ly rượu lại cho anh, tôi nhăn mặt:

- Thấy ghê quá anh Tư ơi! Tởn tới già luôn!

Tôi tiếp tục ăn bần sống, mắm sặc, ớt cay, cơm nguội. Nồi cơm đã vơi một phần mà sao tôi vẫn chưa thấy no. Càng ăn, tôi càng thấy thèm. Tư Du thì chỉ chén tạc, chén thù với bần chua, mắm sống, ớt xanh. Anh không đụng tới một hạt cơm, anh ngó mông về xóm nhà sau rặng bần như thể ngóng đợi một bóng hình thân thương.

Ly rượu đế hồi nãy chắc có lẽ đã thấm, tôi thấy trời đất như chuyển động, quay tít người tôi như con vụ xoay tròn, đảo lộn. Tôi nghe ngầy ngật muốn ói.

Tư Du lại dạo đờn "tửng, từng, tưng", cất tiếng ngâm, nói lời vô vọng cổ. Tôi chỉ còn nghe văng vẳng:

Hò ơi... Chiều chiều, tui buồn tui ra sông dài sóng dữ, quyết tâm tự tử cho rồi.

Sống làm chi mà chia ly thục nữ

Thác cho rồi đặng chữ thủy chung

Và anh vô vọng cổ, giọng vang lộng hơn:

Ngó lên không trung mịt mùng bóng nhạn, ngó về sông cùn rạch cạn đâu bóng con bạn quê nghèo, dạ bâng khuâng mà tôi lơi tay chống tay chèo, ba năm qua tui đã cùng ai trao lời thệ ước, mà giờ đây cô độc với

mây nước đìu hiu, sầu từng cơn theo nắng sớm mưa chiều, ngóng trông dáng diễm kiều của người trinh nữ ơ... ơ...

Tôi không còn nghe thấy gì nữa. Tôi không còn biết gì thêm nữa. Tôi chìm lỉm vào cơn say. Tôi gục đầu vào đùi anh Tư Du. Tôi không còn là tôi nữa!

*

Dạo ấy, tuy còn thơ dại, tôi không hiểu câu tiếng Pháp anh Tư Du thường ngâm nga mỗi lần anh ngà ngà say *"un être vous manque, tout vous semble dépeuplé"*. Sợ tôi không hiểu rõ, anh bèn dịch ra Việt ngữ bằng hai câu thơ của chính anh:

Khi người thương xa vắng
Anh nghe đời hoang vu!

Giờ đây anh Tư Du bỏ nhà, bỏ làng xóm ra đi biền biệt, tôi càng thấm ý nghĩa hai câu thơ đó. Bên tôi không còn ai bầu bạn, vỗ về, an ủi và tâm sự. Chung quanh tôi tựa hồ hoang vắng, đìu hiu. Tôi thương mến kính trọng Tư Du như học trò thương mến ông thầy hiền lành. Anh thương tôi như đứa em ruột thịt. Hai đứa tôi không rời nhau một ngày kể từ khi tôi theo mẹ và người kế phụ về Mỹ lộc làm rẫy, lập vườn. Anh âm thầm ra đi không từ giã tôi một lời. Gia đình anh phóng tin cho mọi người biết Tư Du lên Sàigòn làm ăn. Chỉ đơn giản vậy thôi. Tôi không tin nhưng đành chịu không cách chi tìm hiểu nổi sự thật. Làng Mỹ lộc ngày nào đối với tôi là nơi tôi học hỏi được nhiều điều hay chuyện lạ, bây giờ trở thành chiếc lồng giam nhốt con chim bé nhỏ. Đời chim chật hẹp buồn thiu. Tôi muốn trốn về thành phố đi tìm người anh kết nghĩa thân yêu nhưng tiếng bom đạn đêm ngày nổ dồn ở đó không ai cho phép tôi thỏa lòng mơ ước. Binh lửa lan tràn đó đây. Làng Mỹ lộc ở phía ngoài vùng xôi đậu. Khi gia đình tôi về đây lập nghiệp thì chiến dịch Phượng Hoàng bắt đầu vét nạo sào huyệt tụi Việt cộng, nên xã ấp đều tương đối an ninh. Vậy mà Việt cộng đêm đêm vẫn lén về thâu thuế. Khi Mỹ lần lượt rút hết căn cứ đi thì Mỹ lộc được coi là vùng mất an ninh, dù có đồn bót nghĩa quân và một căn cứ đại đội Địa Phương quân đóng ở đó.

Tôi đoán anh Tư Du thất tình với cô nào đó, đi nhập ngũ trường đào tạo hạ sĩ quan (vì anh có bằng trung học đệ nhứt cấp). Anh dám xâm lên mình song song với chữ "*Sát Cộng*" là hình một trái tim có mũi tên xuyên qua và phụ đề hàng chữ "*Hận Kẻ Bạc Tình*" lắm đa. Và tôi tin chắc một với một là hai, ảnh không xâm hàng chữ "*Đêm Buồn Nhớ Chị Dâu*" vì ảnh đâu có anh trai, mà chỉ có hai người chị gái chết hồi còn thơ bé.

Quả thiệt, đúng như lời tôi nghĩ, anh đã đi trường Hạ Sĩ quan Đồng Đế. Khi ra trường, với cấp bậc Trung sĩ, anh được bổ sung về một đơn vị Địa Phương quân ở Dầu tiếng (tỉnh Bình dương).

Khi anh đi rồi, tôi ưa chèo xuồng đến đám bần, khi câu cá, khi câu tôm, lòng buồn rười rượi. Và vào một buổi sáng hôm nọ, lúc tôi còn ngủ nướng thì chị Hai Búp đến tìm tôi. Chị bảo má tôi:

- Nghe em Lâm đau ốm sao đó, sẵn dịp đi qua nhà chú Ba Khía mua tôm, cháu ghé thăm.

Má tôi cười hề hề:

- Thằng đó ít khi đau, nó mập cùi cụi như trâu. À, cháu ghé đây cũng là việc hay. Khi đến nhà chú Ba Khía, nhớ mua giùm thím một ký tép bạc. Để thím bẻ một ít trầu gởi cho má cháu ăn chơi.

Thừa lúc má tôi ra ngoài sân, chị Hai Búp thì thào hỏi tôi:

- Em biết anh Tư Du đi đâu không?

Tôi lắc đầu:

- Làm sao em biết. Đâu, chị ghé ba má ảnh hỏi thử coi.

Nước mắt chị Hai Búp trào ra. Chị ngó về hướng ngoài sân lau nước mắt thiệt kỹ, nhưng đợt nước mắt này vừa ráo là đợt nước mắt khác trào ra. Khi mà tôi bước vào nhà thì cơn khóc của chị cũng dứt, nhưng cặp mắt chị đỏ hoe như cặp mắt của kẻ bị nhặm kinh niên.

Một năm sau, có một anh Trung sĩ Địa Phương quân ở Mỹ lộc vốn sanh trưởng ở Dầu tiếng, muốn về cố hương thường lui tới gia đình anh Tư Du, nên nhờ ba má anh Tư giàn xếp việc hoán chuyển đơn vị. Ít lâu, anh ta được về Dầu tiếng, còn anh Tư Du xách túi vải, deo ba

lô về Mỹ lộc thế chỗ cho anh chiến hữu đổi về Dầu tiếng. Tôi mừng gặp lại bạn cố tri. Gặp anh tôi chất vấn:

- Sao anh đi đâu mất biệt hổng có tin tức gì hết vậy, anh Tư Du?

Anh Tư Du cười nhẹ:

- Anh buồn quá nên không muốn gặp ai nữa hết đó.

- Cả em nữa hay sao? Anh có tâm sự gì sao anh hổng nói cho em biết. Biết đâu em sẽ giúp được cho anh phần nào.

Anh Tư Du lắc đầu, mặt buồn hiu:

- Em còn nhỏ em hổng hiểu đâu!

Thấy anh không muốn nói, tôi cũng không gặng hỏi nữa. Nhưng từ khi chuyển về đây, lúc nào anh cũng trầm ngâm. Anh không rủ tôi hái bần ăn với mắm sống, ớt xanh, cơm nguội nữa. Tối ngày anh cứ ngâm nga ca vọng cổ, toàn là những câu buồn sầu ai oán, nghe muốn đứt ruột, nát gan. Tôi chỉ có nước nhìn anh rồi thở dài thườn thượt.

Còn chị Hai Búp vì cha mẹ ép uổng, phải lấy ông chủ Đáo, lớn hơn chị mười sáu tuổi, xấu không ra xấu, đẹp không ra đẹp, nhưng khuôn mặt lầm lì, cách ăn nói phách lối nên xóm giềng đều ghét. Chủ Đáo giàu có nhờ biết làm áp phe với Mỹ. Ông ta bỏ tiền ra để má chị Hai Búp mua máy xay trái cây và mở quán bán nước sinh tố, và các thứ giải khát khác. Quán họ có âm nhạc, cho chạy băng nhạc Trịnh Công Sơn qua giọng hát Khánh Ly hà rầm.

Trong khi đó anh Tư Du vẫn mê vọng cổ. Tay anh không xâm trái tim có mũi tên xuyên qua và hàng phụ đề Việt ngữ "*Hận Kẻ Bạc Tình*" như tôi tiên đoán. Anh chỉ cho xâm bên tay trái hàng chữ "*un être manque*" và bên tay phải "*Tout Vous semble dépeuplé*". Anh ưa ca vọng cổ than khóc mối tình Lương Sơn Bá, Chúc Anh Đài:

Chàng vội vã sang Chúc gia trang để cầu hôn người bạn cũ, nhưng phong cảnh dường như ủ rũ mơ buồn (vô vọng cổ), hoa thắm tàn phai tơi tả rụng quanh tường, bức rèm châu con oanh cũng im lìm tiếng hót, khách trang đài lả chả lệ sầu tuôn.

Hỏi thuyền, thuyền sắp sang ngang
Hỏi nàng, nàng sẽ ôm cầm ra đi

Ngày em cất bước vu quy
Là ngày anh ôm mảnh tình si trọn đời.

Trước ngày cưới chị Hai Búp một tuần, anh Tư Du được phép nghỉ thường niên nên cứ chống xuồng ra chỗ đám bần. Anh không cho tôi theo. Anh đến đó không ca vọng cổ, không bẻ bần chua, chỉ câu cá. Anh cứ ngồi câu như vậy, cho đến ngày thứ tư anh đi đâu mất biệt. Cả nhà anh cho người đi dọ hỏi những nơi quen biết quanh vùng. Ba hôm sau là ngày anh hết hạn nghỉ phép và cũng là ngày chị Hai Búp lên xe hoa về nhà chồng.

Nước ròng, tất cả rác rến, cây gỗ mục đều cuốn theo dòng nước, chỉ còn trơ lại cái xác bị trói thúc, nằm kẹt lại đó. Nhà chị Búp đang treo bông thắt tua rực rỡ và rực sáng đèn đuốc. Có ban nhạc tỉnh Long an đến trình diễn cho rậm đám. Tiếng pháo nổ dòn hòa lẫn tiếng la trẻ nít, tiếng cười hoan hỉ người lớn. Mùi hôi thúi nồng nực theo gió cuồn cuộn thổi vào tiệc cưới. Như ong vỡ tổ, thiên hạ kéo nhau chạy ùa ra bờ rạch. Kẻ bịt mũi, ôm ngực vừa chạy tháo lui vừa ói mửa đến mật xanh, người xấn tới xem mặt mũi xác chết. Tử thi nằm xấp, thiên hạ đoán được ngay là đờn ông. Người ta dùng xào xeo, nậy, đẩy cái xác lật ngửa ra để nhìn mặt.

Bỗng chị Búp ôm mặt hét lên:

- Trời ơi! Anh... anh Tư Du!

Chị khuỵu xuống, từ từ ngã ra bất tỉnh. Chú rể bế xốc chị lên, quắc mắt nhìn xác chết, chạy thẳng vào nhà. Người chị Búp mềm nhũn, tay chưn dong đưa, quằn quại theo từng bước chạy của người chồng bất đắc dĩ.

Tiệc cưới đột ngột biến thành cảnh dở khóc dở cười dù vẫn ồn ào, náo nhiệt! Mọi người khẩn cấp cứu tỉnh cô dâu đang hôn mê tưởng không sao cứu sống nổi. Bịnh tim của chị Búp có thể giết chị chết thảm trước biến cố nhứt đời chị. Gã con trai bất hạnh kia mới đích thực là chú rể của ngày trọng đại hôm nay. Người tình đầu đời đang nằm sình thúi bên bờ con rạch mà trước đây hai người đã từng hò hẹn, gặp gỡ nhau, cùng thề non hẹn biển kết nghĩa vợ chồng. Bị ép buộc làm vợ

một người mình không thương, chị đã chết nửa cuộc đời. Giờ đây, xác người yêu linh hiển trôi tấp trước cửa nhà ngay trong ngày cưới, làm sao chị chịu thấu một cú nặng ngàn cân đập chan chát lên con tim vốn sẵn mảnh mai, dễ vỡ bể?

Buổi chiều hồi bốn năm trước, anh Tư Du chở tôi tới hàng bần, ca vọng cổ, uống rượu đế, ăn bần mắm sống, giờ đây tôi đã hiểu, chỉ là cái cớ để anh tìm cách gặp mặt chị Búp lần cuối cùng trước khi anh ra đi.

Chị Búp nghe tiếng đờn, lời vọng cổ, định chạy ra gặp Tư Du nhưng ba mẹ chị dứt khoát ngăn chận, nhốt chị vào buồng riêng. Chị khóc ngất trong khi tiếng đờn lời ca từ hàng bần lanh lảnh rót nhẹ vào tai chị.

*

Xác anh Tư Du có dấu đâm của lưỡi lê súng AK. Sau một thời gian điều tra, ban tình báo chi khu cho biết rằng trong mấy ngày anh Tư Du ngồi câu ven bờ sông, dưới đám bần, bị bọn du kích Việt cộng theo dõi. Chúng bắt anh trói thúc ké rồi đâm anh một nhát lưỡi lê xuyên qua tim và xô xác anh xuống sông.

Chánh quyền xã thông báo cho gia đình Tư Du và bắt buộc phải đem xác anh về đất nhà chôn cất. Hay tin đau đớn, cả nhà anh đau buồn vô kể. Chị Hai Búp nằm liệt giường, liệt chiếu tại bệnh xá ở chi y tế quận hai ngày. Ngày thứ ba có chuyến trực thăng chở chị về bịnh viện tỉnh thì đêm trước, chị bỏ bịnh viện đi đâu mất. Bà Hai Đỉnh, má của chị bảo chú rể:

- Đâu, mày lại đằng đám ma coi có con quỷ cái đó không. Nếu thấy nó, mày lôi cổ nó về đây để tao trấn nước cho nó chết. Tao vô phước đẻ đứa con ngu si đần độn, lại còn nghịch thiên bội địa, cãi lịnh mẹ cha thà tao coi nó sút nôi, chết từ thuở mới lọt lòng.

Đám táng anh Tư Du buồn ảm đạm, không có chị Hai Búp. Một số người quen biết đến tiễn đưa anh, trong đó có tôi. Tôi khóc kể thảm thiết, như mất một phần thân thể. Tôi còn nhỏ quá, dễ xúc cảm. Khi mọi người đã rời xa ngôi mộ Tư Du, chỉ còn mình tôi ngồi bên mộ bia bằng gỗ hàng giờ. Bao nhiêu kỷ niệm của chúng tôi như cuộn phim quay chậm hiện rõ từng chi tiết nhỏ chiếu sáng lên tấm màn ký ức của tuổi nhỏ.

Tiếng đờn lục huyền cầm réo rắt, lời ca não nuột của anh còn văng vẳng bên tai tôi: "*... từng từng tưng... làm trai da ngựa bọc thây... ơ hơ hơ... Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi... Nếu anh đến nợ nước, em ơi! em có khóc nhiều cho cuộc tình vì chiến họa mà gặp nỗi trái ngang... ơ hơ hơ... từng từng tưng...*".

Bất chợt tôi vụt thấy từ dưới mộ có tiếng dế rỉ rả vọng lên. Tiếng dế buồn hơn điệu vọng cổ, điệu Lý Con Sáo. Qua màn lệ, tôi như thấy bóng dáng anh bay chập chờn ra khỏi khu vườn nhà, bay bay mãi về phía hàng bần. Khuôn mặt anh buồn buồn, cặp mắt khép nửa vời trong lúc anh ngấm sâu tâm hồn vào ý tình điệu cổ nhạc miền Nam. Tôi đứng lên, đuổi theo bóng ảo giác bay chập chờn phía trước. Nắng chiều đã tắt. Bóng tối mờ mờ phủ khắp thôn trang. Trước tầm mắt tôi, xa xa trải dài hàng bần, muôn ngàn ánh sáng đom đóm tắt cháy đều đặn như ánh đèn màu trong các phòng trà khiêu vũ.

Anh Tư Du thường giải thích cho tôi hiểu về ánh chớp tắt của loài đom đóm: "Đó là tiếng gọi tình yêu! Chúng nó mời gọi nhau qua ánh lửa của trái tim. Khi ánh lửa tắt lịm không còn bật sáng lên nữa thì coi như cuộc tình đã chết!"

Tôi đứng ngây người bên kia hàng bần, cứng mắt nhìn theo bóng trăng len lỏi qua hàng bần lóe sáng chớp tắt. Cơn váng vất trôi qua. Tôi định thần nhìn lại, bóng trắng đó chính là chị Hai Búp.

★

Giặc giã càng sôi động, tôi trở về thành phố, lòng hoang vắng kỳ cục. Nửa năm sau, tôi trở về thăm làng Mỹ lộc, thăm mộ Tư Du. Tôi bàng hoàng, tê tái khi hay tin sét đánh: chị Hai Búp đã chết thảm thương. Chị bỏ nhà đi biệt tích sau khi lành bịnh. Không ai rõ chị tự trầm ở đâu nhưng xác chị nằm ngửa trôi về con rạch Mỹ lộc, tấp vào sau nhà anh Tư Du và nằm kẹt trên bãi sình khi nước rút.

Làng xóm xôn xao, xúc động. Gia đình chị đem xác chị về chôn trong đất nhà. Có người xin chôn chị cạnh mộ Tư Du cho hồn đôi trẻ mãi mãi kề cận bên nhau nhưng song thân chị nhứt quyết chối từ.

sinh hoạt văn học

*** Giải Nobel Văn Chương 1990:**

Nhà thơ Octavio Paz của Mễ tây cơ.

Giữa cái tôi trông thấy và cái tôi nói ra
Giữa cái tôi nói ra và cái tôi im lặng
Giữa cái tôi im lặng và cái tôi mơ tưởng
Giữa cái tôi mơ tưởng và cái tôi lãng quên:
Thơ ca

Octavio Paz, 76 tuổi, thi sĩ Mễ tây cơ, người vừa được Hàn lâm viện Văn học Thụy điển trao tặng giải Nobel về văn chương năm nay, đã định nghĩa thi ca như trên trong một bài thơ ông làm năm 1976. Đây là lần đầu tiên một người cầm bút Mễ tây cơ có cái vinh dự này và tin ông được giải đã làm toàn thể dân chúng Mễ vô cùng hãnh diện về ông. Tổng thống Carlos Salinas de Gortari tuyên bố: "Octavio Paz là một nhà thơ, một người cầm bút có tầm vóc hoàn vũ. Ông có cái nhìn thực sâu sắc về quốc gia Mễ cũng như châu Mỹ La tinh".

Khi được tin mình trúng giải, Octavio Paz nói trong một cuộc họp báo: "Ngày nay thi ca không còn là bộ môn nghệ thuật phổ thông nữa, nhưng nó vẫn là một phần thiết yếu trong đời sống con người. Thi ca là ký ức của một quốc gia, một ngôn ngữ".

Khi tuyên bố Paz được tuyển chọn trong số một trăm năm mươi người có tên trong danh sách, Hàn lâm viện Văn học Thụy điển ca ngợi "Văn chương của ông đã mở ra những chân trời rộng lớn... qua

những bài thơ trữ tình trác tuyệt hoặc những bài tiểu luận xã hội hay văn học đầy nhiệt tình. Văn chương của ông là sự hài hòa tốt đẹp, mặc dù rất gian nan, của ba nền văn hóa khác nhau: Văn hóa thổ dân Da Đỏ thời kỳ tiền Kha Luân Bố, văn hóa thuộc địa Tây ban nha và văn hóa hiện đại của Tây phương".

Văn Học sẽ có bài giới thiệu đầy đủ hơn về nhà thơ Octavio Paz trong những số báo tới.

*** Nhà văn Alberto Moravia (Ý) và Patrick White (Úc) qua đời**

- Alberto Moravia (1908 - 1990) được xem là nhà văn lớn nhất của Ý đại lợi ở thế kỷ 20. Tác phẩm của ông được dịch ra 37 thứ tiếng. Hai quyển bán chạy nhất là quyển La Romana (1947) và quyển La Ciociara (1957). Quyển sau được dựng thành phim do nữ minh tinh điện ảnh Sophia Loren thủ diễn. Tác phẩm ông thường nói về tình yêu và chiến tranh, chứa đựng những vấn đề của nước Ý thời hậu chiến như sự lạc lõng của giới trẻ, sự tàn bạo của đời sống... Moravia cũng là nhà văn khai thác tình dục rất kỹ. Ở những tác phẩm nổi tiếng của ông, nỗi ám ảnh tình dục luôn luôn ẩn hiện trong các nhân vật nam cũng như nữ. Quyển The Voyeur (Kẻ Nhìn Trộm Qua Lỗ Khóa) là một thứ khôi hài đen trong đó miêu tả truyện một anh con trai sống với cô vợ trẻ và người cha dượng cùng một mái nhà vì nạn khan hiếm nhà cửa không cho phép họ ra riêng. Kết cuộc, cô vợ trở thành người tình của cả con lẫn cha và cả ba bằng lòng sống một cách bại hoại như vậy.

- Patrick White (1912 - 1990) tiểu thuyết gia, thi sĩ kiêm kịch tác gia của Úc đại lợi. Ông đoạt giải Nobel Văn chương năm 1973. Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông, quyển The Tree of Man, mô tả cuộc sống một cặp vợ chồng đi khai phá tìm đất sống giữa khung cảnh hoang hdã của nước Úc thời lập quốc.

*** Christa Wolf: Một trường hợp thống nhất văn hóa**

Christa Wolf có lẽ là nhà văn nữ nổi tiếng nhất của Đông Đức thời hậu chiến. Tác phẩm của bà được ấn hành ở cả Đông lẫn Tây Đức trước đây. Năm 1980, bà được trao tặng giải Buchner, giải thưởng văn học cao quý nhất của Tây Đức. Ngày nay, nước Đức đã thống nhất,

nhưng có lẽ sẽ phải mất một thời gian khá lâu trước khi dân chúng hai miền tìm thấy những điểm tương đồng trong đời sống văn hóa mới. Đông Đức thực sự bị Tây Đức nuốt chửng trên bình diện chính trị và kinh tế, nhưng nhiều người như Christa Wolf vẫn không chịu để mình bị cuốn hút vào dòng văn hóa mới.

Hiện bà đang bị giới cầm bút Tây Đức chỉ trích. Họ lên án bà là cơ hội chủ nghĩa vì quyển Was Bleibt? (Còn Lại Cái Gì?) bà viết cách đây mười năm nhưng vẫn giữ trong ngăn kéo đến bây giờ mới đem in. Bà bị gán ên người danh từ "nhà thơ của chế độ" mặc dù trước đây bà không ngớt chỉ trích chính quyền Đông Đức.

Phản ứng của Christa Wolf có lẽ chỉ là phản ứng của một người cầm bút ương ngạnh, không chịu để mất lai lịch của mình trong lúc giao thời. Dù chính quyền Cộng sản Đông Đức là một chế độ tồi tệ, ngày nay bị toàn dân hai miền đồng ý xóa bỏ, nhưng dù sao bà cũng sinh trưởng từ miền đất đó và chối bỏ quá khứ là việc làm vô cùng khó khăn đối với một nhà văn.

*** Sau bốn mươi mốt năm chờ đợi tác phẩm mới được in**

Đó là trường hợp của nhà văn Felip Alfau, năm nay 88 tuổi, văn sĩ Mỹ gốc Tây ban nha, di cư sang Mỹ từ thời đệ nhất thế chiến. Ông hoàn tất quyển "Chromos" - viết về Manhattan (New York) vào thập niên 30 - từ năm 1948 nhưng mãi đến năm ngoái mới được nhà xuất bản Dalkey Archive chịu ấn hành. Điều an ủi thứ hai là quyển sách của ông được chọn vào vòng chung kết giải Văn chương Toàn quốc 1990 bộ môn Tiểu thuyết (National Book Awards).

Năm nay, trong số năm người vào vòng chung kết của giải thưởng này có đến ba người là di dân từ các quốc gia khác. Ngoài Alfau ra còn có nữ văn sĩ Elena Castedo gốc Chilie (với quyển Paradise) và nữ văn sĩ Jessica Hagedorn gốc Phi luật tân (với quyển Dogeaters). Hai người còn lại là văn sĩ Charles Johnson (với quyển Middle Passage) và nữ văn sĩ Joyce Carol Oates (với quyển Because It is Bitter, and Because It is My Heart). Joyce Carol Oates là nhà văn nổi tiếng của Hoa kỳ, có trên hai mươi tác phẩm xuất bản và đã từng đoạt giải này vào năm 1970.

phong vũ tiêu tiêu lôi vũ động

NGUYỄN ĐỨC LẬP

CHƯƠNG MƯỜI

Quận Nhiều hỉ hả gật đầu đáp lại cái chào của ông Chủ Thạnh. Liếc nhìn mâm lễ vật của ông Chủ Thạnh vừa để trên bàn, y hả họng ra cười tới nỗi những sớ thịt ngang trên mặt y rung rinh từng chặp. Miệng lưỡi của y đãi bôi ngó thấy:

- Tôi đã nói với ông hoài. Ông ghé thăm tôi là quý rồi, lễ lạc mà làm chi.

Vừa ngồi xuống ghế, ông Chủ Thạnh vừa ôn tồn:

- Bẩm quan chủ quận, cái lễ nó phải vậy. Vả chăng, cũng nào có gì đáng giá đâu, một ít trà bánh để quan giải lao thôi mà.

Ông Chủ Thạnh kín đáo liếc nhìn người lính đang đứng hầu phía sau ghế của Quận Nhiều.

Quận Nhiều tinh ý, khoát tay bảo người lính hầu:

- Cho bay lui. Chừng nào có việc, tao sẽ kêu.

Đợi cho tên lính hầu bước ra ngoài, khép cửa lại cẩn thận, Quận Nhiều mới xoa tay thoải mái:

- Nào, bữa nay ông có dịp lên quận, ghé thăm tôi hay có sự gì ông muốn nói riêng.

Ông Chủ Thạnh ngập ngừng:

- Dạ, cũng một công mà đôi ba việc. Trước là tôi ghé thăm quan chủ quận... Mấy tháng nay, việc làng việc xóm lu bu, tôi không đặng rảnh mà ghé thăm... Sau nữa...

Quận Nhiều không để cho ông Chủ Thạnh nói hết ý. Y chận ngang:

- Việc làng việc xóm gì nữa. Ông đã thôi chức việc từ lâu rồi mà.

Tôi tưởng ông đã cáo lão rồi, bây giờ chỉ ngồi nhà mà hưởng sự an nhàn vô sự.

Ông Chủ Thạnh mỉm cười:

- Bẩm quan chủ quận, tiếng thì đã cáo lão rồi, chuyện thiên hạ không còn là chuyện của mình nữa, nhưng thật ra, làm sao mà an nhàn vô sự cho được. Làng xóm có việc, không lẽ mình ngồi yên, không bỏ của cũng phải bỏ công mà hụ hợ chớ...

Quận Nhiều có hơi ngạc nhiên, cau mày nghĩ ngợi, và như chợt vỡ lẽ ra, y gật gù:

- Ý ông muốn nói tới cái vụ dịch tễ hoành hành ở trong làng? Tôi tưởng vụ đó đã yên xong rồi, đâu có còn cái gì phải lo nữa.

Ông Chủ Thạnh thủng thẳng:

- Dạ, người chết thì đã chôn rồi, người bịnh đã mạnh lại, nhưng, còn người sống thì chả xong cái gì hết.

Quận Nhiều cau mày, thắc mắc:

- Ông nói cái gì, tôi không đặng hiểu.

Ông Chủ Thạnh chậm rãi:

- Những người sống mà tôi muốn nói tới ở đây là thân nhơn của những người đã chết trong cơn dịch tễ. Nhiều người đờn ông mất vợ. Nhiều người đờn bà chết chồng. Nhiều cha mẹ già mất con. Nhiều đứa con nít mất cha, mất mẹ. Lấy cái gì mà đền bù cho họ? Rồi phải làm sao giúp cho họ sống?

Vừa nói, ông Chủ Thạnh vừa ngó đăm đăm vô mặt Quận Nhiều, khiến cho y cảm thấy bối rối, ngó lơ qua chỗ khác, y nói nhỏ:

- Cái cảnh mà ông vừa nói tới, thật là thảm thiết... ông không có ý trách tôi đó chớ? Hổm rày, dân gặp nạn mà quận không hề cử người về chăm lo thăm viếng...

Miệng lưỡi y trở nên chua chát:

- Mấy ông hương chức trong làng trách tôi cũng phải...

Ông Chủ Thạnh lật đật:

- Bẩm quan chủ quận, đâu có ai có ý nghĩ trách cứ quan chủ quận.

Xin quan đừng có nghĩ như vậy mà tội nghiệp cha anh em tụi tôi. Ai cũng biết rằng, trấn nhậm quận đường, quan phải lo hết thảy các tổng trong quận. Mỗi tổng lại có tới chín, mười làng. Quan đâu có thể mà lo riêng cho một làng nào. Nếu quan để hết thì giờ riêng lo cho một làng, mấy chục làng khác, ai lo?

Quận Nhiều có vẻ hài lòng:

- Nói như ông vậy mới thiệt là thông tình đạt lý...

Y như muốn giải thích thêm:

- Cái chuyện thiên tai địch họa, dân tình phải gánh chịu, tôi lo lắm chớ. Mang tiếng là "cha mẹ của dân", dân khổ mà mình không lo, vậy mình là người gì? Nói thiệt với ông, tôi làm thinh đây cũng là có ý riêng, muốn giúp mấy ông thôi. Cái lối làm việc của nhà nước Đại Pháp không phải giống như cái lối làm việc hủ lậu của các quan lại Nam Triều... Ông có biết là mỗi khi thấy nơi nào có dịch tễ, nhà nước Đại Pháp làm cái gì không?

Không đợi cho ông Chủ Thạnh kịp trả lời hoặc có dịp bày tỏ thắc mắc, Quận Nhiều nói luôn:

- Họ sẽ cử phái đoàn về lập hàng rào y tế quanh vùng đó. Họ ra lệnh "nội bất xuất, ngoại bất nhập". Họ gom dân trong vùng đó lại. Họ phóng hỏa đốt hết cả vùng... Ông cứ nghĩ mà coi, nếu tôi xuống làng ông để quan sát, thì khi về, tôi phải lập công văn "lập bo" (1) phúc trình. Một khi mà sự việc đã tới tai nhà nước rồi, làng của ông đâu có còn được yên ổn như bây giờ...

Ông Chủ Thạnh xuýt xoa:

- Cớ sự như vậy, được quan chủ quận dạy, tôi mới hiểu đặng... Tôi đâu có ngờ quan có ý riêng thương tưởng tới làng của tôi như vậy...

Quận Nhiều có vẻ đắc chí:

- Tôi làm quan với nhà nước Thuộc Địa mặc dầu, nhưng tôi vẫn là người dân nước mình mà. Thân tôi ở Tào, nhưng lòng tôi ở Hớn. Mấy ai biết được nỗi khổ tâm của tôi. Bởi vậy, hễ có dịp nào qua mặt được nhà nước Thuộc Địa để giúp dân mình được, tôi đều làm liền. Những chuyện này, nếu nhà nước biết ra, tôi bị cách chức là cái chắc, có khi

còn phải bị tù mọt gông. Nhưng, thà là tôi chịu thiệt riêng mình, chớ làm cho dân khổ, sao tôi đành lòng được?

Ông Chủ Thạnh chớp mắt liên tục làm ra vẻ cảm động trước những lời lẽ chí tình chí nghĩa của Quận Nhiều. Nhưng, trong bụng ông, ông những muốn cười thầm. Ông đã quá rõ con người của Quận Nhiều và rõ luôn về cái tâm địa tay sai bán nước hại dân của y. Miệng lưỡi giả nhơn giả nghĩa của y lừa ai, chớ đâu lừa ông được. Người ta thường nói "nhứt tướng công thành vạn cốt khô". Y không là tướng, y chỉ đang "tại vị hành chánh" với chức chủ quận. Nhưng muốn đạt tới cái địa vị này không thôi, y đã hại chết bao nhiêu người, hại cho bao nhiêu người tán gia bại sản, hại cho bao gia đình phải tan nát. Cũng như mấy người chuyên cho vay cắt cổ, hễ cứ mở miệng ra là đem Trời đem Phật, đem "Ông", đem "Địa Mẫu" ra mà phân chứng, y luôn luôn đem chuyện ái quốc, ái quần ra mà biện giải cho cái tâm địa hèn mạt của y...

Ông Chủ Thạnh đẩy đưa:

- Dạ, ai cũng có tâm sự riêng... Cái lòng thương dân của quan lớn, ai cũng biết hết. Từ ngày quan về trấn nhậm ở đây, dân được nhờ nhiều lắm...

Quận Nhiều tỏ vẻ ân cần:

- Tai nạn của làng ông đã qua, nhưng các chức việc trong làng đã làm gì để cứu giúp những người gặp nạn?

Ông Chủ Thạnh mau mắn:

- Dạ, thì cũng thấy đâu, làm đó vậy thôi. Ai cần tiền thì giúp tiền, ai cần gạo thì cho gạo nhưng, đó mới chỉ là những sự giúp đỡ sơ sịa cho qua cơn túng cùng. Cái khó khăn là làm sao phải tính kế lâu dài cho họ.

Quận Nhiều có hơi bối rối:

- Ông gặp tôi là vì chuyện đó?

Ông Chủ Thạnh lắc đầu:

- Dạ, không. Chuyện đó, sẵn quan hỏi thì tôi mới bộc bạch đôi điều. Tôi đâu có nghĩ là phải làm bận lòng quan những việc nhỏ nhặt như vậy...

Quận Nhiều hơi ngẩn người. Té ra nói chuyện cả buổi rồi mà cái lão già lợi hại ngồi trước mặt y vẫn chưa đi vào vấn đề chính. Lễ lạc của ông Chủ Thạnh y nhận cũng đã nhiều. Y vẫn nghĩ rằng đến một lúc nào đó, ông Chủ Thạnh sẽ mở miệng mà nhờ cậy y một việc gì. Nhưng y đợi hoài, nhậm lễ của ông Chủ Thạnh, lòng y vẫn thắc mắc không an. Rõ ràng là ông Chủ Thạnh đâu có cần mua lấy lòng y để cầu một sự an ninh cho bản thân. Địa vị của ông vững như bàn thạch khi mà hai người con trai của ông đi du học ở Mẫu quốc, do quan chánh Tham biện đứng ra bảo lãnh đỡ đầu. Ông đã giao tình thân thiết thẳng với quan chánh Tham biện Tây Dương, thì có lý nào ông lại còn phải bỏ của để mua lòng một quận trưởng người bản xứ...

Quận Nhiều hơi ngập ngừng:

- Hồi nãy, ông nói là ông ghé thăm tôi, một công, đôi ba việc... Nhưng ông chưa nói hết...

Ông Chủ Thạnh tằng hắng hai, ba cái liền. Ông nhích qua nhích lại trên ghế. Ông đưa tay sửa lại cặp kính lão. Làm như ông có điều khó nói.

Quận Nhiều ngả người dựa ngửa trên thành ghế, phơi cái bụng trống chầu, im lặng chờ ông Chủ Thạnh lên tiếng. Y với tay lấy hộp thuốc thơm Con Mèo, rút ra một điếu gắn lên môi. Theo thói quen, y liếc mắt ra sau, dợi tên lính hầu bật quẹt mồi thuốc. Sực nhớ ra là đã đuổi tên lính ra ngoài, y gượng gạo vơ lấy cái hộp quẹt.

Tằng hắng thêm một cái nữa, ông Chủ Thạnh mới ngần ngừ:

- Bẩm quan chủ quận... hồi nãy, tôi nói cái chuyện giúp đỡ những người dân trong làng không cần quan chủ quận phải bận tâm... Nhưng, thiệt ra, không cần mà vẫn phải cần... Quan lớn là "dân chi phụ mẫu", chuyện của dân mà nói không cần tới quan lớn là nói tầm bậy...

Quận Nhiều hơi nóng nảy trước sự rề rà của ông Chủ Thạnh. Nhưng, chưa hiểu hết ý của ông này, y không tiện lên tiếng.

Ông Chủ Thạnh cứ một mực từ từ mà nói:

- Bẩm quan, nếu quan không thương tình mà ra tay một chuyến, ắt cái chuyện cứu giúp nạn dân này không thể nào xong...

Không dằn được nữa, Quận Nhiều hỏi lớn tiếng:

- Ông biểu tôi phải làm gì? Công nho của quận đường thiếu trước hụt sau, đâu có thể xuất ra trong những trường hợp bất đắc như vầy. Ông tính kế lâu dài cho mấy người dân gặp nạn. Kế lâu dài là phải lo cho họ an cư lạc nghiệp. Ở thì họ ở trong làng của ông, làm thì họ là tá điền của mấy ông, quận đâu có phép mà xen vô sắp đặt cho họ được...

Ông Chủ Thạnh mỉm cười:

- Những sự tiền bạc hay lo việc an cư lạc nghiệp cho họ, đâu có cần quan chủ quận phải lo...

Quận Nhiều có hơi bực dọc:

- Thiệt, tôi không biết ông muốn nói cái gì. Ba hồi thì ông nói cần tới tôi, bốn hồi thì ông nói không cần. Ông nói xà quần giống như con nít chơi "xây dĩa"... (2)

Y chợt khựng lại. Hay là cái lão già này lú lẫn rồi chăng? Lão cũng bảy mươi mấy tuổi rồi, có ai dám bảo đảm là lão không lẩn thẩn, nói trước quên sau. Nếu đúng như vậy thì tự nãy tới giờ, y đã phí thì giờ một cách vô ích rồi. Đôi mắt y xoay nhanh. Y muốn tìm phương đuổi khách.

Ông Chủ Thạnh lại cười nữa:

- Xin quan đừng nóng nảy gì hết thảy. Chuyện này lẽ ra phải nói dài dòng thì quan mới hiểu hết đặng. Bị tôi muốn nói tắt cho mau, thành ra thiếu đầu thiếu đuôi, khiến cho quan mờ ớ... Thôi thì quan phải chịu khó mà cho phép tôi được giải bày đủ ngọn đủ ngành để cho quan hãn tường cơ sự...

Mặt mày của Quận Nhiều bần thần thấy rõ. Khoanh hai tay trước ngực một cách trịch thượng, y hất hàm ra dấu cho ông Chủ Thạnh nói tiếp.

Ông Chủ Thạnh vẫn một giọng đều đều:

- Hồi nãy, quan có nói là mấy ông quan Nam Triều làm việc chậm lụt mà hủ lậu lắm... Mấy ông hương chức ở làng tôi cũng rập một khuôn như vậy thôi. Có mòi mấy ổng còn muốn hủ lậu hơn. Tỉ như

trong cái nạn dịch tễ vừa qua. Bịnh thì phải uống thuốc, điều đó tới đứa con nít cũng phải biết. Đàng này, dân làng bị bịnh, thuốc men không có người lo, mấy ổng lại lo nổi trống đình mà làm lễ tống ôn. Thưa thiệt với quan, tuổi tác của tôi cũng xấp xỉ bằng trang bằng lứa với mấy ổng, nhưng nhờ tôi có con cái theo Tây học, tôi không có hủ lậu như vậy đâu...

Nghe tới đây, vẫn chưa hiểu được hết ý của ông Chủ Thạnh, Quận Nhiều nói cho qua tang lề:

- Nghe nói ông đã xuất tiền, đích thân đi mua cả ghe thuốc, chữa bịnh cho cả làng... Cái chuyện hòm bộng để chôn người chết cũng một tay ông tế độ...

Ông Chủ Thạnh lật đật chận lại:

- Chuyện đó đã qua rồi, không nên nói lại nữa... Vấn đề bây giờ là lo cho những nạn dân còn sống... Chuyện đó, lẽ ra phải sốt sắng làm liền, nhưng mấy ông hương chức làng tôi vẫn quen cái thói lề mề, chậm lụt. Trẻ mồ côi sau cơn hoạn nạn cũng lên tới gần ba chục. Tôi có đề nghị là phải lập một viện dục anh để nuôi nấng tụi nó. Mình cũng lấy đó làm đó thôi, có những ông già bà cả chết hết con cái, thì dùng họ trong việc chăm sóc mấy đứa cô nhi. Lương tiền gạo thóc thì mình lo, nhơn công mình đâu có thiếu. Tôi theo nói hoài, nhưng mà mấy ông hương chức còn dùng dằng tới lui, bàn hoài vẫn phân phân bất nhứt...

Hình như, tới đây, Quận Nhiều bắt đầu hiểu:

- Ông muốn tôi can thiệp vô để cho ông lập một viện dục anh...

Ông Chủ Thạnh tươi rói nét mặt:

- Bẩm, một tiếng nói của ông sẽ có hiệu lực cấp kỳ...

Quận Nhiều nhíu mày:

- Một chuyện phải như vậy, tại sao mấy ổng dùng dằng? Ông đã đứng ngoài ban hương chức, vậy mà ông đứng ra cáng đáng gánh việc cho mấy ổng, lẽ ra mấy ổng phải đồng ý tán trợ cả hai tay mới đúng.

Môi ông Chủ Thạnh trề ra:

- Mấy ổng nói là bày ra thì dễ lắm, nhưng lo cho công chuyện được dài lâu, không dễ chút nào. Mấy ổng nói tôi cũng đã gần đất xa trời,

đâu biết nhắm mắt theo ông bà ngày nào. Tôi đã bày ra chuyện, một mai rủi có bề nào, lấy ai gánh vác. Theo mấy ổng, đây là tôi tự ý vẽ bùa mà bắt người khác đeo...

Quận Nhiều sốt sắng:

- Tưởng chuyện gì, chớ chuyện ấy, tôi sẽ xuống tờ cho hương chức làng Thạnh hòa tuân cứ.

Ông Chủ Thạnh vội xua tay:

- Như vậy thiệt là không tiện. Việc giấy tờ vốn rắc rối lôi thôi, mà mấy ổng sẽ có bằng cớ giấy trắng mực đen mà bỉ thử tôi. Quan chỉ cần kêu ông Cả Bường với Hương quản Thành lên để dạy việc gì đó. Luôn tiện, nói kèm luôn việc này. Như vậy, tiện cho tôi hơn.

Quận Nhiều nhìn ông Chủ Thạnh trân trân. Y thấy nói chuyện với ông già lù khù này không đơn giản một chút nào. Ông Chủ Thạnh đã trách mấy ông hương chức hội tề kia làm việc lề mề, chậm lụt, nhưng về phần ông, ông lại quá cẩn thận, rào trước đón sau, y gật gù:

- Ông làm như vậy cũng rất tiện cho tôi. Nói miệng kiểu đó, tôi ra bao nhiêu cái lịnh mà không được. "Khẩu thuyết vô bằng" (3) mà.

Ông Chủ Thạnh hớn hở:

- Được quan hứa làm vậy, tôi thiệt là mãn nguyện...

Bỗng dưng, mặt ông sa sầm xuống. Ông thở ra một cái khì, buột miệng than van:

- Quan nghĩ coi, sống ở đời, muốn toàn vẹn trước sau, thiệt là khó. Ý là mình muốn làm việc phải mà còn phải rào trước đón sau như vậy... Đây là tại tôi thày lay, đã ở ngoài vòng cương tỏa mà còn muốn đem thân gánh vác chuyện đời.

Miệng lưỡi ông chợt ngậm ngùi ngang:

- Chớ chi mà tôi có chút quyền hành trong làng, cỡ như... ông Cả Bường, tôi sẽ làm được nhiều việc lắm...

Đôi mắt Quận Nhiều sáng lên. Phải chăng đây mới là mục đích chính của chuyến viếng thăm của ông Chủ Thạnh? Và, nếu quả tình

đúng như vậy, thì đây chính là cơ hội cho túi y thêm nặng. Y nhóng chừng:

- Tôi tưởng tại ông không muốn thôi chớ. Với tiền bạc của ông, với thế lực của ông trong làng, tôi tưởng là ông ngồi vô địa vị của ông Cả Bường cũng đâu phải là chuyện khó... Với lại, cũng còn có tôi ngồi ở đây...

Ông Chủ Thạnh làm thinh. Mặt mày ông có vẻ bần thần, buồn buồn. Ông cởi cặp kiếng lão xuống, kéo vạt áo lên, chùi đôi tròng kiếng. Đầu ông hơi cúi. Có vẻ, ông suy nghĩ lung lắm. Thỉnh thoảng, ông lộ ra vẻ ngẩn ngơ. Một lúc sau, ông nói bâng quơ:

- Nói khó thì cũng không mấy gì khó, nhưng dễ thì đâu đã tới phiên mình...

Quận Nhiều ngạc nhiên:

- Ông nghĩ như vậy sao? Ông đã ra tay bao bọc cho cả làng, cái thế lực của ông trong làng phải lớn lắm chớ. Không phải là người ngồi ở phía sau mà cầm cân nẩy mực cho cả làng, tôi tưởng ông "nhứt hô", phải có "bá ứng".

Tự nhiên, ông Chủ Thạnh có vẻ bực tức:

- Có thể là quan thấy đúng, nhưng đúng trong từng trường hợp. Khi cần giúp đỡ, họ hô lên một tiếng, tôi ra tay liền một khi thì chuyện gì cũng yên xong dễ dãi. Nhưng khi tôi đề nghị một cái gì, thì họ bàn bạc tới lui một hồi, rồi tìm cách lảng ra. Mỗi người một ý, bụng ai cũng có ý riêng để thủ. Có người thì sợ bị níu kéo dính líu vô, sẽ bị khó, bị khổ. Có người lại sợ bị rắc rối lăng quăng... Có người lại sợ bị gán ghép vô cái tội tụ tập để làm quốc sự...

Càng nói, ông Chủ Thạnh càng hậm hực:

- Làm những chuyện phải, những chuyện có ích cho mọi người, giữa thanh thiên bạch nhựt. Không núp lén khuất lấp, hà cớ sự mà mấy ổng lại sợ bóng gió như vậy. Như cái chuyện lập viện dục anh, tôi đã nói với mấy ổng, có gì đã có quan ngồi ở trên, cứ việc đi thẳng lên gặp quan để xin ý kiến. Nếu quan gật đầu, thì cứ vậy mà làm. Còn như, quan thấy không tiện, thì... thì thôi...

Ông Chủ Thạnh hạ giọng ngán ngẩm:

- Chuyện "quốc sự" bộ tới phần mấy ổng sao?

Đôi tròng mắt của Quận Nhiều xoay đảo lia lịa. Miệng lưỡi y ra chiều gạy mọt:

- Chuyện "quốc sự" không tới phần mấy ổng, vậy chớ theo ông, ai mới xứng mặt làm "quốc sự"? Và, những mặt làm "quốc sự", bộ ông biết sao?

Không thèm nhìn thấy điệu bộ có vẻ lăng xăng của Quận Nhiều, ông Chủ Thạnh điềm tĩnh:

- Dạ, biết chớ. Khắp Lục tỉnh Nam kỳ, kể từ ngày các quan lớn thuộc địa đặt chân tới, người làm "quốc sự" thiếu gì...

Quận Nhiều hấp tấp:

- Tôi không muốn nói chuyện xa xôi. Những chuyện gần đây mới lý thú hơn...

Ông Chủ Thạnh tỉnh bơ:

- Dạ, gần đây, bên Cần thơ thì có hai ông Nguyễn Thần Hiến, gốc ở Hà tiên và Nguyễn Quang Diêu, tự là Tử Ngọc, gốc người Cao lãnh...

Quận Nhiều có hơi thất vọng, nói xuôi xị:

- Hai ông đó bất thức thời vụ và đã chết lâu lắm rồi mà... Nói là nói chuyện ngay bây giờ kìa...

Ông Chủ Thạnh chợt cười lớn:

- Ngay bây giờ hả? người làm việc "quốc sự" là quan lớn đây chớ còn ai vô đó nữa...

Quận Nhiều tái mặt, dớn dác:

- Ông đừng có nói pha lửng như vậy, không nên.

Ông Chủ Thạnh nghiêm mặt:

- Nào tôi có dám nói chơi. Quan lớn đang tại vị hành chánh, ngồi vào chức chủ quận, vậy mà hồi nãy, quan nói rằng hễ có dịp nào qua mặt nhà nước thuộc địa để giúp dân mình được, quan đều làm liền. Như vậy, không làm "quốc sự" thì quan làm cái gì?

Mặt Quận Nhiều xanh còn hơn là mặt đờn bà vừa qua một cơn xảo

thai, xuất huyết. Làm như theo thói quen, y đảo mắt tứ phương. Cái lão già này, không biết nói thiệt hay nói chơi. Cái mặt của lão thiệt là ba trợn. Quận Nhiều muốn nổi giận khi thấy cặp mắt của ông Chủ Thạnh hấp háy dưới đôi tròng kiếng. Khi thấy cái miệng hơi móm của ông chu chu một cách nghịch ngợm. Y chợt nhớ lại một ý nghĩ về ông Chủ Thạnh mà y đã có trước đây. Không thể khinh thường lão già coi bộ quê mùa này!

Quận Nhiều tự trách rằng tại sao y lại ơ hờ, không chịu đề cao cảnh giác khi nói chuyện một cách thân mật với ông Chủ Thạnh. Phải chăng những mâm lễ lạc bí bàng của ông, khiến cho y mất phòng hờ. Cảm giác của y rất bực tức khi thấy dường như bị ông Chủ Thạnh giỡn mặt.

Ông Chủ Thạnh vẫn chưa im:

- Điều nào tôi nói ra cũng là thật hết, nhưng việc gì mà quan phải lo, hay là phải nổi trận lôi đình. Quan qua mặt chánh phủ để giúp dân, tức là quan làm lợi cho dân. Đã lợi dân thì chắc chắn là ích nước. Nước đây là nhà nước Thuộc Địa, là nước Đại Pháp chớ còn nước nào vô đó nữa. Vừa được dân thương, vừa lập công lớn với nhà nước, quan còn đòi hỏi điều gì hơn...

Quận Nhiều ú ớ ra mặt. Không lẽ ở địa vị của y mà y để cho ông Chủ Thạnh mặc tình mặc sức vừa đánh vừa xoa. Y lập nghiêm:

- Ông càng nói, càng hồ đồ. Những điều ông yêu cầu, tôi chưa giải quyết xong, ông lại làm cho tôi bực mình.

Ông Chủ Thạnh bối rối:

- Bẩm quan, tôi tưởng nói ra những điều đó, quan lớn sẽ vui...

Vừa nói, ông vừa liếc mắt vào hộp bánh để trên mâm lễ vật. Quận Nhiều liếc mắt theo ông. Hộp bánh nhắc nhở cho y biết rằng y không thể nào phát tác giận dữ, đối với lão già ngồi trước mặt này được. Y phải dịu giọng:

- Cái chuyện viện dục anh, tôi sẽ kêu ông Cả Bường với Hương quản Thành lên để nói chuyện. Còn như ông muốn ngồi vô chức Hương cả, ông cứ tính cho kỹ, có gì, tôi sẽ sắp đặt cho...

Rõ ràng y đã kết luận, muốn chấm dứt cuộc đàm đạo đang làm y khó chịu. Nhưng, ông Chủ Thạnh chưa muốn ngừng lại ở đây.

Ông hỏi chăm bẳm:

- Nghe đồn rằng có nhiều người lính mã tà của quan bị người ta giết chết ngoài chợ, tại sao lại có chuyện như vậy?

Quận Nhiều hơi khựng lại. Chưa nắm được ý của ông Chủ Thạnh, y thấy cần phải đề phòng. Y tuế toái:

- Ông còn lạ gì ba cái thứ cờ bạc, hớt giựt rồi sanh ra đâm chém. Chuyện đó, ở đâu cũng có hết và ở thời nào cũng có hết. Bợm cờ bạc mà, không bị đâm bị chém mới là chuyện lạ...

Ông Chủ Thạnh kêu lên:

- Ồ, thì ra là như vậy. Nhưng, cớ sao quan lại không ước thúc họ, để họ lang bang làm chi ở sòng bài cho bị chết thảm.

Quận Nhiều bĩu môi:

- Ba cái thứ năm cha bảy mẹ làm sao mà ước thúc. Tụi đó vốn là tụi có tài, tuy hết dạ trung thành, nhưng vốn có nhiều tật, sử dụng cái tài của tụi nó, tin tưởng ở lòng trung thành của tụi nó là được rồi. Làm sao mà cấm tới cái tật của tụi nó được?

Ông Chủ Thạnh làm ra vẻ mặt nghiêm trọng:

- Quan thấy không? Cờ bạc tai hại ghê chưa. Bởi vậy, quan cũng đừng nên trách là tui thậm ghét những cái quân say mê cờ bạc...

Quận Nhiều gật đầu bọc xuôi:

- Ông ghét cờ bạc là phải quá rồi...

Y có vẻ quả quyết:

- Lóng rày, tôi đâu cần cấm, đám lính của tôi cũng đâu dám lân la ra ngoài chợ mà tùng tam tụ ngũ theo ba đám cờ bạc nữa. Mấy thằng bị chết, gan lỳ cách mấy, chúng nó cũng phải biết thất kinh...

Ông Chủ Thạnh đứng dậy cáo từ. Quận Nhiều đứng dậy theo một cách thoải mái. Y định đưa ông Chủ Thạnh ra cửa, nhưng những lời lẩm bẩm của ông này làm y chợt khựng ngang:

- Mã tà bị giết, lính phải thất kinh, không tìm ra thủ phạm, tụi cờ bạc nào mà ghê gớm vậy kìa?

*

Trong phòng khách nhà ông Chủ Thạnh, ông Cả Bường cười chúm chím:

- May mà anh Chủ đã có nói trước, chớ không tui cũng không biết Quận Nhiều "triệu hồi" tui về dinh quận để làm gì. Không biết anh đã nói gì với y mà coi bộ y gờm anh quá tay.

Ông Chủ Thạnh cười:

- Có gì đâu anh Cả. Lâu lâu, cũng phải cho y biết chút mùi lợi hại của mình chớ. Làm chủ quận, mặc y, nhưng phép nào mà y lên mặt song tàn với tụi mình...

Mấy ông già, ông Cả Bường, ông Chủ Sảnh, ông Hương sư Tòng bật cười ha hả...

Chú thích:

(1) Rapport

(2) Một trò chơi của con nít thời xưa. Một bọn giang tay và nắm tay nhau đứng thành vòng tròn, chưn chụm lại, bật người ra phía sau và xoay tròn, vừa xoay vừa hát "xây dĩa, tao ỉa, mày ăn".

(3) Khẩu thuyết vô bằng: lời nói từ cửa miệng không thể làm bằng chứng thưa kiện hay xử án.

Đầu tháng 11-1990, đón đọc:

CÓ NHỮNG BỰC MÌNH, TỨC KHÔNG THỂ NÓI

thơ Đỗ Kh.

●

ĐIỂM TÂM CHO NGƯỜI YÊU

thơ Trân Sa

TÂN THƯ xuất bản

thư độc giả

Bàn về "uy thế văn chương" của nhà văn Võ Phiến, (VH số 55 tr.91) tác giả Thụy Khuê có đặt ra hai giá trị:

- Thời 1955 - 1975 Võ Phiến không ăn khách.

- Võ Phiến di tản sang Hoa kỳ từ 1975, uy thế văn nghệ của ông đổi khác. Nhiều người tìm đọc hay đọc lại Võ Phiến và yêu thích.

Tôi không đồng ý với nhận định này, vì lẽ, nếu trở ngược lại giai đoạn 1975, chỉ cần đưa ra hai thí dụ sau đây, chúng ta sẽ thấy rõ Võ Phiến đã có "uy thế văn chương";

+ Khoảng 1971, 1972 ông có ký tên vào bức thư thỉnh nguyện ngưng kiểm duyệt báo chí tại miền Nam, kết quả ông mất chức Chánh sự vụ Sở Thông tin, và bị đày đi đây đi đó. Nhờ đó, ta được đọc một số bài tùy bút đáng yêu trên Đất Nước Quê Hương do nhà xuất bản Lửa Thiêng in trước 1975. Thử hỏi, nếu ông không có "uy thế văn chương" thì sự việc này có xảy ra như thế không?

+ Trong ban giám khảo của bộ môn văn "giải văn học nghệ thuật của tổng thống" vào khoảng 1970 - 1975, hẳn nhiên ai ai cũng rõ ông là một trong những người chiếm giải. Nhiều nhà văn được "nhiều người tìm đọc" (xin lập lại chữ đã được dùng trong bài),nhưng chưa hẳn đã có được đủ "uy thế văn chương" để xếp vào ban giám khảo này.

Hơn nữa, hẳn chúng ta còn nhớ một tập sách của nhà phê bình văn nghệ Cộng sản "Những Tên Biệt Kích Văn Hóa" trong đó Võ Phiến được các nhà phê bình này "hỏi thăm" rất kỹ lưỡng. Nếu ông không có đủ "uy thế văn chương", chắc hẳn không bao giờ họ phí giấy và tốn thì giờ để làm chuyện trên...

Ngoài ra, vào khoảng tháng Bảy 1975, trong chiến dịch bài trừ văn hóa đồi trụy của nhà nước Cộng sản, những sách của Võ Phiến nằm vào hàng đầu danh sách cấm lưu hành. Bao nhiêu cuốn đã làm mồi cho lửa.

Tác giả Thụy Khuê khẳng định một số điều, tuy nhiên, kèm theo đó không thấy được dẫn chứng. Điều này làm mất đi sức thuyết phục độc giả bởi những điều mình đã phê bình. Xin được đan cử như sau:

"Nhiều nhà văn, nhà phê bình bên này bên nọ, hết lời ca ngợi" (tr.91). Sau đó, tác giả đưa một số người viết thuộc về bên này như Đỗ Quý Toàn, Võ Đình, còn những người bên kia là ai thì không được dẫn chứng".

"Câu văn không cầu kỳ, đôi khi còn vụng về, cốt chở ý" (tr.93). Không thấy tác giả Thụy Khuê đưa ra một vài câu văn gọi là "vụng về" của ông Võ Phiến để làm dẫn chứng.

Sự thiếu sót của tác giả Thụy Khuê khi đưa xuất xứ của những tài liệu đã trích dẫn, như một số câu của Trang tử trong Nam Hoa kinh. "Đạo ở khắp nơi, không có chỗ nào là không có nó: trong con kiến, trong cọng cỏ, trong miếng sành vỡ, trong cục phân..." (trích từ trang 527 Nam Hoa kinh, bản dịch của Nguyễn Duy Cần, nhà xuất bản Xuân Thu tái bản tại Hoa kỳ).

Tác giả Thụy Khuê vẫn còn vướng mắc ở "lô gích toán học" như sau:

Trang 91, bà cho là ông Võ Phiến không ăn khách.

Trang 91, phần kế câu trên bà cho ông Võ Phiến đã có một uy thế văn nghệ đổi khác vì nhiều người đã tìm đọc hay đọc lại.

Do đó, ta thấy tác giả Thụy Khuê liên kết chuyện người viết có một uy thế văn nghệ lên hay xuống với mãi lực của sách họ viết ra. Sự liên hệ này là liên hệ bất tuyến tính (non-linear). Người đọc càng nhiều thì uy thế văn chương của người viết hẳn nhiên càng lên.

Tuy nhiên, ở trang 98, bà có phê bình hiện tượng "best seller" nhiều khi không có một giá trị nghệ thuật cao siêu nào cả. Nếu dựa trên lập luận này thì dù sách bán chạy nhưng tác giả chưa hẳn đã có

một uy thế văn chương đáng kể. Điều này hình như mâu thuẫn với lập luận vừa nêu ở trên.

Trang 98, tác giả Thụy Khuê có phê bình ông Võ Phiến ở chỗ không áp dụng đúng lý luận toán học khi phê bình một môi trường phi toán học. Theo thiển ý, Thụy Khuê đã khá khắt khe với Võ Phiến ở điểm này. Ông Võ Phiến thực sự nhận rõ chuyện "đo lường" một tác phẩm lớn hay nhỏ rất tương đối, do đó ông đã phải dùng một số ví dụ để làm nổi bật một thực tại "lớn" hay "nhỏ" của một tác phẩm bằng cách so sánh từ một cực đại với một cực tiểu. Như ông so sánh cuốn Nam Hoa kinh với sách dạy làm nước mắm. Ở đây ta phải hiểu ý ông Võ Phiến nằm ở chỗ thuyết phục người đọc vào chủ đề "lớn", "nhỏ" của tác phẩm văn chương. Sự thuyết phục này được khuyếch đại bằng những thí dụ hiển nhiên như thí dụ nêu trên. Vì, nếu ông tìm được một định nghĩa chính xác một hệ thống đo lường lớn nhỏ trong phê bình văn chương thì ông đã thí dụ khác đi. Nếu ông đưa lại tác phẩm *Đêm Xuân Trăng Sáng* và *Khuôn Mặt* của nhà văn "hôm nay" Thanh Tâm Tuyền để so sánh thì biết cuốn nào lớn cuốn nào nhỏ bây giờ, và cuối cùng làm sao thuyết phục được người đọc vào chủ đề của bài viết? Do đó, tác giả Thụy Khuê đã "o ép" ông Võ Phiến hơn nhiều ở những thí dụ thuyết phục này, và đã quy kết ông nhiều vào chuyện áp dụng không chính xác "lô gích toán học".

Có lẽ bởi vì chủ đề của tác giả Thụy Khuê là sự mâu thuẫn trong tư tưởng của Võ Phiến. Nỗi mâu thuẫn của Võ Phiến đã được chứng minh. Thế nhưng, vì những mâu thuẫn này đã ám ảnh người đọc, là người viết thư này, và lại thấy có một vài mâu thuẫn nơi người viết, Thụy Khuê. Xin được coi là một góp ý của một độc giả bình thường, nếu có gì sơ sót xin tác giả Thụy Khuê vạch rõ cho.

Nguyễn Ái Anh

Houston, Texas

ĐÍNH CHÍNH

- Văn Học số 56, trang 40, bài thơ "Vàng Thu" của Trần Mộng Tú có sự sai sót như sau:

Thay vì: *Tôi đứng giữa rừng nhìn thu sang*

Xin đọc là: *Tôi đứng giữa rừng nhìn thu* **rụng**

- Văn Học số 55, trang 105, bài viết của Thụy Khuê về Võ Phiến cũng có một lỗi lầm như sau:

Thay vì: *Cái bất mãn và bất lực của mỗi chúng ta: sự thành công của Võ Phiến nhà văn trùng hợp với sự bất mãn của Võ Phiến con người.*

Xin đọc là: *Cái bất mãn và bất lực của Võ Phiến cũng bình thường và tầm thường như cái bất mãn và bất lực của mỗi chúng ta. Sự thành công của Võ Phiến nhà văn trùng hợp với sự bất mãn của Võ Phiến con người.*

Văn Học thành thật cáo lỗi cùng quý độc giả và hai tác giả Trần Mộng Tú và Thụy Khuê.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

● **Đóa Sen Và Nụ Cười:**

Tranh và truyện của Võ Đình. Nhà xuất bản Văn Nghệ. Giá 12 Mỹ kim.

● **Ánh Sáng Và Bóng Tối:**

Hồi ký của Hoàng Liên. Nhà xuất bản Văn Nghệ. Sách dày 578 trang. Bìa Đinh Cường. Giá 23 Mỹ kim.

● **Mùi Hương Xuân Sắc:**

Truyện của Gérald Denerval. Bùi Giáng dịch. Nhà xuất bản An Tiêm. Giá 6 Mỹ kim.

● **Gã Cùi Và Miếng Dừa Non:**

Tạp ghi - Tuyển truyện của Trần Nghi Hoàng và Trần thị Bông Giấy. Nhà xuất bản Văn Uyển. Sách dày 230 trang. Bìa Khánh Trường. Giá 12 Mỹ kim.

● **Thơ Trích:**

Thơ của Lê Bi. Tạp chí Người Dân xuất bản. In lần thứ nhất để tặng.

● **Không Có Mưa Trên Thành Phố Los Angeles:**

Tập truyện và tùy bút của Lê Uyên Phương. Nhà xuất bản Tân Thư. Bìa Khánh Trường. Giá 12 Mỹ kim.

● **Vết Thương Sàigòn:**

Thơ song ngữ của Minh Viên. Moonlit Garden xuất bản. Sách dày 159 trang. Giá 8 Mỹ kim.

● **Trước Mặt Sau Lưng Những Ngày Tháng:**

Tạp ghi của Phạm Đỗ Thăng Long. Bìa và Phụ bản Đinh Cường. Không đề giá bán.

THƯ TÍN

*** Anh Hoàng Xuân Sơn (Canada):** Cái chất văn nghệ "ròng" anh nói quả mỗi ngày mỗi hiếm. Anh em thì ở xa nhau cả ngàn dặm, gặp mặt nhau để hàn huyên thôi cũng là một điều thiên nan vạn nan. May ra, chỉ còn cái chất văn nghệ ròng đó nó giữ chúng mình lại gần nhau mà thôi. Thân.

*** Anh Phan Tấn Hải (Virginia):** Điều anh ngạc nhiên kể ra cũng... khá ngạc nhiên đấy. Nhưng Văn Học được những người như anh quan tâm đến thì sự khởi sắc cũng không lấy gì làm ngạc nhiên lắm đâu. Mong nhận thêm bài viết hoặc truyện. Thân.

*** Anh Phạm Đình Cường (Canada):** Anh về lại đất tuyết gấp quá, không kịp nhắn gửi vài lời. Lần sau xuống nhớ đem theo vài nậm rượu đào (made in Portugal). Thân.

*** Anh Hồ Đình Nghiêm (Canada):** Mới nhận được bài. Cao Xuân Huy nhắn Thời Văn không có trong tay tập bản thảo đó. Xin anh liên lạc với NYT xem nó "nằm" nơi mô. Thân.

*** Anh Nguyễn Tư (Úc):** Quả thật lỗi tại ông bưu điện, Văn Học không nhận được sách tặng của anh. Nếu có thể, xin anh gửi quyển khác. Thành thật xin lỗi anh dù không phải lỗi của chúng tôi. Thân.

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ

Quí vị đã đọc: *Hành Trình Về Phương Đông*
Mời đọc tiếp:

Hoa Sen Trên Tuyết

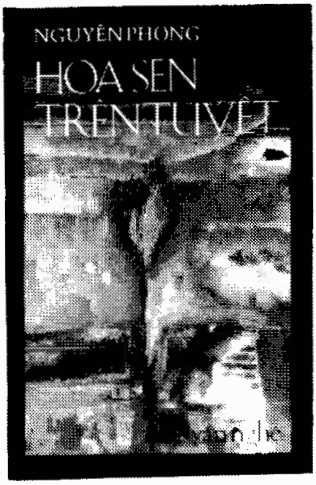

do Nguyên Phong tuyển dịch
Văn Nghệ xuất bản 1990
Giá 7 Mỹ kim, ngoài nước Mỹ giá 8 Mỹ kim

Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel (714) 527 5761

NHA Y SĨ

ƯTHỊ MỸ LAN

GENERAL DENRISTRY

Chữa Bệnh Nướu Răng

9141 Bolsa Ave # 302

(714) 898-6449

Giờ Làm Việc:

Ngày Thường: Từ 10Am đến 7Pm

Thứ Bảy: Từ 9Am đến 6Pm

Chủ Nhật: Từ 10Am đến 2Pm

Muốn an tâm khi đi mua mấy Computer, không gì bằng đến

ACS ADVANCED COMPUTERS

1714 E. Mc. FADDEN Ave. SUITE 0
SANTA ANA, CA. 92705
Tel. (714) 648-0325 Fax. (714) 648-0326
STORE HOURS MON – SAT: 9AM – 7PM.
• Bán sỉ và lẻ computer giá hạ
Nhận VISA & MASTER CARD & Trả Góp
Nhận gửi đi xa qua UPS
IBM COMPATIBLE 100%
• XT/AT $475/$675
• AT 286/VGA/20Mb HD $1395
• AT 386-20/65Mb HD $1695
(All System Include 1 year Part & Labor Warranty)

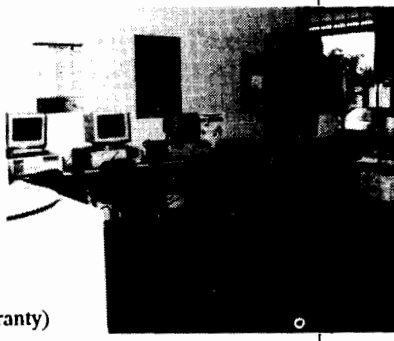

Đặc Biệt

• *LaserJet printer memory upgrade:*
1Mb. **$249.00**/*2Mb.* **$369.00**/*4Mb.* **$579.00**
(Expansion board & Ram)

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA

BỆNH TRĨ

- CHỮA TRỊ BẰNG TIA LASER DỨT TUYỆT
- PHƯƠNG PHÁP TỐI TÂN NHẤT ĐỂ ĐỊNH BỆNH VÀ TRỊ BỆNH
- KHÔNG CẦN NẰM BỆNH VIỆN
- KHÔNG RA MÁU, KHÔNG ĐAU
- TRĨ NỘI, TRĨ NGOẠI, TRĨ SA
- MẠCH LƯƠN, SA RUỘT, MỒNG GÀ
- UNG THƯ ĐƯỜNG RUỘT, BỆNH BAO TỬ, SẠN MẬT
- CƠ VÒNG SUY YẾU, SỬA ÂM ĐẠO, CẮT QUY ĐẦU
- SỬA LẠI BỘ PHẬN SINH DỤC NHƯ THỜI SƠN TRẺ

BÁC SĨ TRẦN TIẾN HUYẾN, MD, FACS

tốt nghiệp bằng chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại university pittsburgh
tốt nghiệp siêu chuyên khoa giải phẫu đường ruột và trĩ tại ferguson clinic, mi
nguyên giảng sư y khoa đại học sàigòn

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

14571 MAGNOLIA St # 207	1905 N. COLLEGE Ave # C
WESTMINSTER, CA 92683	SANTA ANA, CA 92706

TÂM
AUTO CENTER

1610 N. Fairview St, Sangta Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554.2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc Biệt Làm Máy Xăng - Dầu - Tune Up
Làm Thắng - Rebuild Hộp Số - Carburaror
mở cửa từ 7 giờ sáng đến 7 giờ chiều
chủ nhật từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa

Thời Văn

Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu

của **Trần Vũ.**

Đã có bán
tại các nhà sách.

Thư từ bưu phiếu :
Cao Xuân Huy
P.O. Box 3192
Tustin, CA 92680 USA

Cơ Sở Xuất Bản Và Phát Hành
Văn Uyển

PHÁT HÀNH VÀO THÁNG 10/1990 :

GÃ CÙI VÀ MIẾNG DỪA NON

tuyển tập của
TRẦN THỊ BÔNG GIẤY và TRẦN NGHI HOÀNG
Gồm những truyện ngắn lạ lùng của Trần thị Bông Giấy
tác giả bút ký Nước Chảy Qua Cầu
và những tạp ghi thơ mộng và bi tráng của Trần Nghi Hoàng

Thư từ ngân phiếu xin gửi :
VĂN UYỂN
P.O. BOX 1882
San Jose, CA 95109 - USA

Bác sĩ

VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

* Bệnh nội khoa: Tiểu Đường - Máu Cao...
* Bệnh phổi: Ho - Suyễn - Đau Ngực - Lao - Khó Thở

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)
Ngày thường: 9 - 12 Am & 1 - 6 Pm
Thứ bảy: 9 Am - 1 Pm

Tel: (714) 641.0263

2720 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

CENTRAL VALLEY MEDICAL CLINIC

7227 RESEDA Blvd, RESEDA, ca 91335

Tel **(818) 708-7227**

Bs NGUYỄN VĂN HƯNG MD
Bác sĩ Điều trị Olive Medical Center
(khu cấp cứu và quang tuyến)
BS TRƯƠNG NGỌC THẠCH MD
Bác sĩ điều trị Olive View Medical Center
(khu theo dõi nội khoa và chương trình săn sóc toàn diện)
GIỜ LÀM VIỆC
Thứ Hai - Thứ Sáu 9Am đến 8 Pm
Thứ Bảy - Chủ Nhật 9Am đến 3Pm
Nhận MEDICAL & BẢO HIỂM
Bãi đậu xe rộng rãi và miễn phí

Nhà xuất bản
tân thư

Đã phát hành:

CÓ YÊU EM KHÔNG?

KHÁNH TRƯỜNG

Giá 14 Mỹ kim

Thư từ ngân phiếu xin đề:

KHÁNH TRƯỜNG

13081 Hope St., Garden Grove, Ca 92643, USA.

Thời Văn

Đã phát hành:

NHỨT BIẾT NHÌ QUEN

chuyện dài

Nguyễn Đức Lập

giá 12 mỹ kim

Thư từ bưu phiếu xin đề:

Cao Xuân Huy

P.O. Box 3192

Tustin, CA 92680 USA

Bác sĩ

NGUYỄN VĂN THẾ M.D

Y KHOA TỔNG QUÁT & BÁC SĨ GIA ĐÌNH

ĐIỀU TRỊ

• CÁC BỆNH NỘI NGOẠI THƯƠNG TỔNG QUÁT • BỆNH TOÀN KHOA NGƯỜI LỚN, TRẺ EM • BỆNH PHỤ NỮ VÀ THĂM THAI • KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH • CHÍCH NGỪA • KHÁM BỆNH NHẬP HỌC • TIỂU GIẢI PHẪU •CÁC LOẠI TAI NẠN •HỢP TÁC VỚI CHƯƠNG TRÌNH BÔNG SỮA WIC •

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH
NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC

– Ngày Thường: 9:30 Am – 6:30 Pm
– Thú Bảy: 9:30 Am – 3:00 Pm
– Thứ Tư – Chủ Nhật Nghỉ

9196 Bolsa Ave • Westminster, CA 92683

(714) 898.5951 / 898.2967

Bác sĩ

TÔN THẤT NIỆM, M.D.

BÁC SĨ Y KHOA - CHUYÊN KHOA TÂM THẦN
PSYCHIATRIST

Tel: (714)531-8720
Khám bệnh theo hẹn

9533 Bolsa Ave
Westminster, CA 92683

Ánh Sáng

và

Bóng Tối

của Hoàng Liên

- Cuốn hồi kí tù dày gần 600 trang của một công chức cao cấp của Việt nam Cộng hòa bị bắt trong Tết Mậu Thân tại Huế.
- Đọc *Ánh Sáng và Bóng Tối* để theo bước chân người tù từ năm 68 đến 80 qua các trại tù ở dọc Trường Sơn, đường mòn Hồ Chí Minh, ra các tỉnh miền Bắc đến ranh giới Việt Hoa.
- Sách bày bán ở các nhà sách hoặc liên lạc nhà xuất bản.

Giá 23MK . Ngoài nước Mỹ 25MK

VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel (714) 527-5761

ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI

sự tích đức Phật

Võ Đình kể chuyện và vẽ tranh

---

30 CHƯƠNG TRUYỆN về

- Thái tử Tất-đạt-đa
- Sa môn Gô-ta-ma
- Đức Phật Thích Ca

3 THỨ TIẾNG: Việt, Anh, Pháp
30 BỨC MINH HỌA cho 30 chương – Bìa màu rực rỡ

ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI là

- một tác phẩm văn/họa cực kỳ công phu
- một sự cúng dường lên đấng Đại giác. Tạ ơn quê hương và gia đình
- một món quà thanh nhã, hữu ích
- một lời giới thiệu đẹp đẽ về văn hóa và văn nghệ đất nước

Sách lớn 8"x10$^{3/4}$" – 100 trang giấy dầy đặc biệt – Xin hãy tìm ở các tiệm sách hay gởi mua tại: Nhà xuất bản Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. Điện thoại: (714) 527-5761

Nhà xuất bản
tân thư
13081 Hope St., Garden Grove, CA 92643. USA.
(714) 537-2468

Đã xuất bản:

CÂY GẬY LÀM MƯA, Tập truyện ĐỖ KH. • THƠ ĐỖ KH. • MƯỜI TRUYỆN TÂN LIÊU TRAI, Tập truyện THĂNG LONG VĂN SĨ • CÓ YÊU EM KHÔNG?, Tập truyện KHÁNH TRƯỜNG • KHÔNG CÓ MÂY TRÊN THÀNH PHỐ LOS ANGELES, Tập truyện LÊ UYÊN PHƯƠNG • CÓ NHỮNG BỰC MÌNH, TỨC KHÔNG THỂ NÓI, Thơ ĐỖ KH. • ĐIỂM TÂM CHO NGƯỜI YÊU, Thơ TRẦN SA

Sẽ In:

TƯỜNG TRÌNH TỪ THIÊN ĐƯỜNG, Tuyển truyện Đông Âu, PHẠM VIỆT CƯỜNG Chuyển ngữ • Ở CÕI ĐỜI CÂM NÍN ĐÓ, Thơ PHẠM VIỆT CƯỜNG • Thơ CAO ĐÔNG KHÁNH • Thơ TRỊNH Y THƯ • TRÊN GHẾ NGỒI NGOÀI ĐƯỜNG, Tập truyện ĐỖ KH. • CHỖ TIẾP GIÁP VỚI CÁNH ĐỒNG, Tập truyện KHÁNH TRƯỜNG • VẪN CHƯA HẾT BUỔI CHIỀU, Truyện dài KHÁNH TRƯỜNG • Truyện Ngắn TRẦN SA

văn nghệ
P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
Ngân chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

SÁCH 1990

- **HOẢ SEN TRÊN TUYẾT** — **7.00MK**
  Nguyên Phong phóng tác
- **LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM**
  Biên khảo Tạ Chí Đại Trường
- **KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI**
  Biên khảo Nguyễn văn Xuân
- **ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI** — **12.00MK**
  Việt Anh Pháp Sự tích Đức Phật tranh và truyện Võ Đình
- **NGOÀI GIẤC NGỦ**
  Thơ Thường Quán
- **ÁNH SÁNG VÀ BÓNG TỐI** — **23.00MK**
  Hồi ký tù của Hoàng Liên
- **VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ**
  Nguyên Giác Phan Tấn Hải

TỔNG PHÁT HÀNH

- **ĐỊA NGỤC SÌNH LẦY** — **14.50MK**
  Trần Nhu
- **SỢI CHỈ TRONG HỒN** — **13.00MK**
  Truyện dài Nguyễn Ý Thuần
- **NHẤT BIẾT, NHÌ QUEN** — **12.00MK**
  Truyện dài Nguyễn Đức Lập

Nhà xuất bản AN TIÊM:

- **ĐỌC KINH** — **6.00MK**
  Vũ Khắc Khoan
- **HOÀNG TỬ BÉ** — **6.00MK**
  Le Petit Prince của Saint Exupéry Bùi Giáng dịch
- **MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC** — **6.00MK**
  Bùi Giáng dịch
- **TỪ CHỐN LƯU ĐÀY** — **13.00MK**
  của Hoàng Nguyên Nhuận

Ngoài nước Mỹ mỗi cuốn thêm 1MK

Giá 3 Mỹ kim